

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(NĂM HỌC 2023-2024)

TỈNH QUẢNG NINH

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Dương Thị Bích Mai	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thái Quảng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng, Nhóm trưởng	
3	Ngô Phương Nhi	Thư ký Hội đồng trường	Thư ký	
4	Đinh Thị Xuyên	Tổ phó Chuyên môn	Thư ký, Ủy viên Hội đồng	
5	Ngô Thị Hoàn	Giáo viên	Thư ký, Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Minh Thương	Giáo viên	Thư ký, Ủy viên Hội đồng	
7	Vũ Thị Thanh Minh	Giáo viên	Thư ký, Ủy viên Hội đồng	
8	Từ Thị Thanh Kim Huệ	Giáo viên	Thư ký, Ủy viên Hội đồng	
9	Từ Thị Ngoan	Phó hiệu trưởng	Nhóm trưởng	
10	Trần Thị Kim Dung	Tổ trưởng chuyên môn	Nhóm trưởng	
11	Đinh Thị Thu	Nhân viên	Nhóm trưởng	
12	Bùi Thị Lan	Tổ trưởng chuyên môn	Nhóm trưởng	
13	Phạm Văn Anh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

14	Phạm Hồng Khanh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Đinh Thị Quỳnh Dương	Tổ phó Chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
18	Nguyễn Thị Lan Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Phạm Thị Ngọc Tâm	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
21	Trịnh Đình Thông	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
22	Lương Xuân Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
23	Nguyễn Thị Thảo	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
24	Bế Thị Hồng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
25	Nguyễn Thị Thu Hòa	Tổ phó Chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
26	Nguyễn Thị Quỳnh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
27	Lý Thái Hà	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
28	Đỗ Thị Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
29	Vương Thị Thoa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
30	Bùi Thị Linh	Tổ phó Chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
31	Triệu Thị Khuyên	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
32	Vũ Thúy Hằng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
33	Nguyễn Hoàng Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
34	Nguyễn Thị Nam	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
35	Nguyễn Thị Nguyệt Thư	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
1. Tình hình chung của nhà trường	8
2. Mục đích TĐG	12
3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu:	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.....	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.....	25
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	31
Tiêu chí 1.5: Lớp học.....	34
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.....	38
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	42
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	45
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.....	49
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1:</i>	56
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	57
Mở đầu:	57
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	58
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	61
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.....	66
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	69
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2:</i>	73
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	74
Mở đầu:	74

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	75
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.....	79
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.....	82
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	86
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	91
Tiêu chí 3.6: Thư viện.....	95
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3:</i>	<i>102</i>
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.....	103
Mở đầu:	103
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	104
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	108
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4:</i>	<i>112</i>
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	113
Mở đầu:	113
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	114
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	121
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.....	124
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.....	127
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.....	132
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.....	136
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5:</i>	<i>144</i>
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4.....	148
<i>Kết luận:</i>	<i>149</i>
Phần IV. PHỤ LỤC	150

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
ATGT	An toàn giao thông
BGDĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BLĐ	Ban lãnh đạo
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐTN	Đoàn thanh niên
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục công dân
GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
GVBM	Giáo viên bộ môn
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HNVC	Hội nghị viên chức
HS	Học sinh
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
NSNN	Ngân sách nhà nước
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PHT	Phó hiệu trưởng
SGDĐT	Sở giáo dục và đào tạo
SGK	Sách giáo khoa
THPT	Trung học phổ thông
TNCS	Thanh niên cộng sản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	

Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1		X	
Khoản 2		X	
Khoản 3		X	
Khoản 4		X	
Khoản 5		X	
Khoản 6		X	

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Đạt mức 2

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THPT Mông Dương

Tên trước đây:

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Quảng Ninh

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Tỉnh Quảng Ninh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Cẩm Phả
Xã / phường/thị trấn	
Đạt CQG	Đạt cấp độ 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2002
Công lập	x
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Dương Thị Bích Mai
Điện thoại	0904166386
Fax	
Website	c3mongduong.edu.vn
Số điểm trường	1
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 10	5	5	5
Khối lớp 11	5	5	5
Khối lớp 12	5	5	5
Cộng	15	15	15

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng	23	23	23	

	học bộ môn và khối phục vụ học tập				
1	Phòng học	9	9	9	
a	Phòng kiên cố	9	9	9	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	9	9	9	
a	Phòng kiên cố	9	9	9	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	5	5	5	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	13	13	13	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	10	10	10	
	Cộng	47	47	47	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	30	28	3	0	22	8	
Nhân viên	4	4	0	0	4	0	
Cộng	37	34	3	0	27	10	

b) Số liệu của 3 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	30	29	30
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	2	1.9333333	2
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0.05263158	0.04730832	0.04524181
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp	21	21	2

	huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)			
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	3	3	5

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	1. Tổng số học sinh	570	614	641	
	Nữ	297	298	309	
	Dân tộc thiểu số	49	51	61	
	Khối lớp 10	213	216	222	
	Khối lớp 11	189	210	212	
	Khối lớp 12	168	188	207	
2	2. Tổng số tuyển mới	219	225	225	
3	3. Học 2 buổi/ngày	0	0	0	
4	4. Bán trú	32	32	33	
5	5. Nội trú	0	0	0	
6	6. Bình quân số học sinh/lớp học	38	41	43	
7	7. Tỷ lệ % đi học	100	100	100	
	Nữ	100	100	100	
	Dân tộc thiểu số	100	100	100	
8	8. Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	22	34	35	
9	9. Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	1	0	
10	10. Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	70	86	85	
	Nữ	29	35	40	
	Dân tộc thiểu số	5	7	6	
11	11. Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	2	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	26.14	28.99	27.61	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	58.25	54.4	55.23	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1.4	0.49	4.15	

Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	85.79	87.46	82.68	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	12.28	10.91	15.13	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1.93	1.4	2.53	

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Đội ngũ

Trong 3 năm, từ 2021-2022 đến 2023-2024, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo theo yêu cầu, luôn phát huy tốt vai trò trong các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường: công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động ngoại khóa luôn được các cấp lãnh đạo đánh giá cao. Hiện nay, nhà trường có 37 cán bộ, giáo viên và nhân viên, kể cả biên chế và hợp đồng. Trong đó có: 33 cán bộ, giáo viên và 4 nhân viên (hành chính văn phòng).

Về trình độ lý luận chính trị: Có 01 cán bộ đạt trình độ Cao cấp và 03 cán bộ, giáo viên đạt trình độ Trung cấp.

Về trình độ đào tạo: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ từ chuẩn trở lên; trong tổng số cán bộ, giáo viên có 30,3% đạt trình độ trên chuẩn.

Xếp loại thi đua: Hàng năm có 4 - 5 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáo viên giỏi cơ sở tăng qua các năm, hiện nay nhà trường có 05 giáo viên giỏi cấp tỉnh, nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên được UBND tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen.

Về phẩm chất chính trị: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, thực hiện nghiêm túc mọi quy định của ngành, được học sinh và cha mẹ học sinh tin yêu.

1.2. Cơ sở vật chất

Trường có tổng diện tích đất là 6613 m², bình quân diện tích/ học sinh: Khoảng 12 m², chia thành các khu chính như sau:

+ Khu nhà hiệu bộ: Quy mô: 3 tầng, tổng diện tích 923 m², bao gồm các phòng Ban giám hiệu, phòng hội đồng, phòng chuyên môn, phòng công đoàn, phòng y tế, phòng thư viện, phòng văn thư, phòng hóa chất, phòng học bộ môn, phòng kế toán, phòng truyền thống, phòng tiếp dân, phòng kho và các phòng vệ sinh.

+ Khu nhà học: Quy mô: 3 tầng, tổng diện tích 1565 m², bao gồm các phòng học, phòng Đoàn, phòng học bộ môn, phòng thiết bị.

+ Khu nhà học đa năng: Diện tích 396 m², có đủ ánh sáng, quạt và thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động thể chất.

+ Khu nhà ký túc: Gồm 10 phòng có đầy đủ quạt, điện, giường và tủ ở mỗi phòng.

+ Cổng, thường trực, nhà để xe: Cổng chính rộng: 6,4 m; phòng bảo vệ: 20 m²; nhà để xe giáo viên: 220 m²; nhà để xe học sinh: 315 m².

+ Còn lại là sân chơi, bãi tập và các công trình phụ trợ khác cho các hoạt động của nhà trường.

Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học, đặc biệt đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin và phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

1.3. Môi trường giáo dục

1.3.1. Địa phương

Thành phố Cẩm Phả là một trong 4 thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, cách thành phố Hạ Long 30 km, bắc giáp huyện Ba Chẽ, đông giáp huyện Vân Đồn, tây giáp thành phố Hạ Long, nam giáp vịnh Bắc Bộ.

Thành phố Cẩm Phả có diện tích tự nhiên 48.623 ha. Địa hình đồi núi. Núi non chiếm 55,4% diện tích; vùng trung du 16,29%, đồng bằng 15,01% và vùng biển chiếm 13,3%. Ngoài biển là hàng trăm hòn đảo nhỏ, phần lớn là đảo đá vôi.

Thành phố Cẩm Phả gồm 13 phường: Mông Dương, Cửa Ông, Cẩm Phú, Cẩm Thịnh, Cẩm Sơn, Cẩm Đông, Cẩm Tây, Cẩm Thành, Cẩm Trung, Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Cẩm Bình, Quang Hanh và 03 xã Dương Huy, Cộng Hòa, Cẩm Hải.

Trong những năm qua, ngành GD&ĐT thành phố đã phát triển từng bước vững chắc và có sự đột phá. Công tác phát triển số lượng và chất lượng giáo dục năm sau cao hơn năm trước ở các cấp học. Mạng lưới trường, lớp được mở rộng đúng quy hoạch; cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng học tập được tăng cường đầu tư. Cảnh quan sư phạm các trường ngày càng xanh, sạch, đẹp.

Cùng với đó, chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp không ngừng được nâng cao và chuẩn hóa, nhất là về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nhà giáo. Đến nay, hơn 2.000 cán bộ, giáo viên thuộc thành phố có trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt trên 89%; tham gia tích cực các hội thi giáo viên dạy giỏi,

chủ nhiệm giỏi do thành phố, tỉnh tổ chức, cơ bản đáp ứng về số lượng, đảm bảo cơ cấu bộ môn, đạt chuẩn trình độ đào tạo; tổ chức bộ máy trong các nhà trường hoạt động có hiệu quả.

Trường THPT Mông Dương có địa chỉ tại tổ 7, khu 2, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, là một phường rộng nằm ở phía Đông Bắc thành phố, có diện tích lớn nhất trong các phường, xã của thành phố Cẩm Phả; dân cư tập trung đông chủ yếu là công nhân của các công ty than Mông Dương, Khe Chàm, các nhà máy Nhiệt điện. Hơn nữa phường có khu Đồng Mỏ - Bến Ván là một xã nghèo, lại xa trung tâm nên rất khó khăn cho việc huy động học sinh ra lớp hằng năm. Hoạt động kinh tế của địa phương đa dạng, ngoài ngành than còn có các ngành khác như lâm nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và nông nghiệp. Tình hình an ninh trật tự, văn hóa xã hội khá phức tạp, đời sống kinh tế của nhân dân địa phương không đồng đều, nhiều gia đình kinh tế còn khó khăn, nhận thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của học sinh, cũng như công tác giáo dục của nhà trường. Tuy vậy, Đảng bộ, chính quyền địa phương, các đơn vị như công ty Than Mông Dương, công ty Than Khe Chàm ... và nhân dân phường luôn đồng tâm hiệp lực cùng với nhà trường khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục của địa phương, góp phần mang lại nhiều thành tích nổi bật cho nhà trường.

1.3.2. Nhà trường

Trường Trung học phổ thông Mông Dương được thành lập theo Quyết định số: 2210/QĐ-UBND ngày 08/7/2002 của UBND tỉnh Quảng Ninh, là nơi tập trung giáo dục, đào tạo con em nhân dân phường Mông Dương và 3 xã miền núi của thành phố Cẩm Phả là: Cộng Hòa, Cẩm Hải, Dương Huy.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển (2002-2024), các thế hệ thầy – trò nhà trường đã khắc phục mọi khó khăn; ra sức học tập, rèn luyện; cống hiến tài năng, trí tuệ của mình, góp phần làm rạng rỡ thêm truyền thống vẻ vang của nhà trường. Trường THPT Mông Dương đang ngày càng lớn mạnh, liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và khẳng định vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục của thành phố Cẩm Phả cũng như tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường đã vinh dự được

nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh và được công nhận trường chuẩn Quốc gia từ năm 2016 đến nay.

Trường THPT Mông Dương có cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp; có môi trường sư phạm rất thuận lợi: đội ngũ đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao, có tay nghề đồng đều, vững vàng. Nhà trường xác định hướng đi trọng tâm là: Phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển, xây dựng nền nếp giáo dục toàn diện. Từ nhiều năm nay, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã đủ điều kiện tiếp cận những đổi mới của ngành.

Trong những năm qua, nhà trường luôn giữ vững và ổn định chất lượng về đội ngũ, chất lượng giáo dục toàn diện. Các lực lượng giáo dục phối kết hợp tốt, tạo điều kiện hỗ trợ cho nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học, đặc biệt là sự phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường.

1.4. Về học sinh

Từ năm học 2021 - 2022 đến năm 2023 - 2024 tổng số học sinh nhà trường dao động từ 570 đến 641 em. Học sinh có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học sinh, có ý thức trong các hoạt động giáo dục toàn diện và lực học tương đối đồng đều, được rèn luyện những kỹ năng sống cơ bản đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện nay.

1.5. Một số nét các hoạt động giáo dục của nhà trường

1.5.1. Thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua một cách có hiệu quả như: cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; cuộc vận động "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Quản lý tốt, dạy tốt, học tốt".

1.5.2. Thực hiện việc tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt và thực hiện triệt để đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, dạy học phân hoá trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông; tạo ra sự chuyển biến cơ bản về đổi mới

kiểm tra đánh giá, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Thực hiện phương pháp dạy học tiên tiến, tăng cường sử dụng trang thiết bị dạy học của dự án trường học thông minh vào thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích cực; đổi mới kiểm tra đánh giá tích cực và hiệu quả.

- Tiếp tục tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý dạy học, kiểm tra đánh giá. Tăng cường vai trò của nhà trường trong việc quản lý việc thực hiện chương trình giáo dục, chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

1.5.3. Các cuộc thi thể dục thể thao, văn nghệ: tổ chức phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ có hiệu quả, học sinh tham gia thi các cấp đạt nhiều giải cao.

1.5.4. Công tác xã hội hóa giáo dục: làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, được các cấp ban ngành đoàn thể đóng trên địa bàn quan tâm.

1.5.5. Công tác tài chính: thực hiện nghiêm túc công tác tài chính công khai minh bạch trong nhà trường.

2. Mục đích TĐG

Trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần trong việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, giáo dục ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, nhất là trong tình trạng hiện nay, khi mà chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Luật giáo dục năm 2019, Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội khóa XIV đang triển khai đổi mới mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, cách đánh giá xếp loại học sinh... nên việc tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên, tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo nhằm nhanh chóng tạo bước chuyển hướng lớn về chất lượng giáo dục. Việc triển khai đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp đã có những tác động tích cực đến hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Quảng Ninh, trường THPT Mông Dương đã tiến hành tự đánh giá chất lượng của nhà trường với mục đích:

+ Xác định chất lượng nhà trường, để từ đó lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới. Thông qua đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức và đề xuất các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường; tiếp tục kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo chỉ đạo và đề ra các biện pháp để nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động hiệu quả vốn có của nhà trường. Thông qua tự đánh giá, nhà trường thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của mình. Từ đó đề nghị Sở GDĐT Quảng Ninh thành lập đoàn đánh giá ngoài theo lộ trình, kiểm tra, công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Công nhận đạt chuẩn quốc gia, qua đó thúc đẩy tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong toàn trường tiếp tục nỗ lực phấn đấu góp phần không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Đây là mục tiêu phấn đấu của trường trung học nói chung và trường THPT Mông Dương nói riêng.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá của trường trung học.

* Về quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

* Về phương pháp tự đánh giá:

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các chỉ thị, quyết định của Bộ GDĐT về công tác kiểm định chất lượng và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THPT.

- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, điều tra, phỏng vấn những người có liên quan.

- Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung tự đánh giá.

- Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.

- Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng, xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

- Phương pháp tự luận: viết báo cáo tự đánh giá.

* Về công cụ đánh giá:

- Thông tư số 18/2018/TT- BGDDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Công văn số 5932/BGDDĐT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Công văn 3106/SGDDĐT-KTKĐ ngày 23/11/2018 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn Quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDDĐT ngày 22/08/2018; 18/2018/TT-BGDDĐT ngày 22/08/2018; 19/2018/TT-BGDDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành.

- Công văn số 1816/SGDDĐT-GDTrH ngày 26/7/2019 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học từ năm học 2019-2020.

- Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

*** Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THPT. Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Những mặt mạnh nổi bật: Trường THPT Mông Dương luôn có một đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, chuyên môn tay nghề khá vững vàng, có tinh thần đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ nhau trong công tác và đời sống. Đây chính là yếu tố tiên quyết tạo nên thành công trong công tác giáo dục, tạo nên chất lượng giáo dục vững mạnh của nhà trường trong những năm qua. Nhà trường cũng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, động viên tinh thần và tạo điều kiện về cơ sở vật chất của các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, địa phương, của cha mẹ học sinh... Chính vì vậy, nhà trường đã có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị dạy học đầy đủ, tạo thuận lợi cho việc thực hiện phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn là điểm mạnh nổi bật của nhà trường. Cùng với đó chất lượng giáo dục mũi nhọn, hàng năm đã có sự phát triển năm sau cao hơn năm trước. Các bản thành tích, bằng khen của mỗi học sinh, của mỗi cán bộ giáo viên, của tập thể nhà trường là minh chứng cho chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong những năm qua.

Quá trình tự đánh giá là một cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua; thấy rõ được sự trưởng thành và phát triển, để tập thể cán bộ, giáo viên trong trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại. Thực hiện tự đánh giá chất lượng trường THPT, nhà trường đã góp phần thực hiện thắng lợi mục

tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Mông Dương có đủ cơ cấu về các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, tổ chuyên môn và tổ văn phòng; hệ thống lớp học và được tổ chức và quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chức trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ trường trung học, đã phát huy được vai trò của mình trong việc lãnh, chỉ đạo các hoạt động toàn diện trong nhà trường. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức chính quyền và các đoàn thể đã có sự phối kết hợp chặt chẽ với nhau dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện theo mục tiêu cấp học, chương trình và kế hoạch dạy học hàng năm. Để các hoạt động toàn diện được diễn ra đúng hướng và đạt hiệu quả, nhà trường đã có đầy đủ hệ thống văn bản về tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động trong nhà trường. Công tác quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường hằng năm diễn ra đúng hướng chỉ đạo của Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và của Ngành Giáo dục. Để thể hiện tầm nhìn đón đầu xu thế phát triển của toàn ngành và kinh tế của đất nước Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giáo dục theo nhiệm kì của Hội đồng trường 5 năm/lần. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

Mức 2:

a) Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển

Mức 3:

a) Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường với mục tiêu tổng quát là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...; mục tiêu cụ thể: duy trì tỉ lệ học sinh trong độ tuổi từ 15 đến 18 được tham gia học THPT và phân luồng kết hợp bổ túc văn hóa và học nghề tại địa phương.[H1-1.1-03];[H1-1.1-04];

Năm 2021, nhà trường xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030; năm 2025, nhà trường xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2035 với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường thể hiện thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội và thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030, giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2030. Chiến lược phát triển của nhà trường phù

hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và dựa trên định hướng của nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp đặc biệt là nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh và nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về vấn đề giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.[H1-1.1-03];[H1-1.1-04];

b) Chiến lược phát triển của nhà trường được Hiệu trưởng nhà trường ban hành tại Đề án số 01/ĐA-THPTMD ngày 12/7/2022 và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.[H1-1.1-01];

c) Chiến lược đã được niêm yết công khai tại văn phòng, bảng công khai, trang Facebook, website chính thức của nhà trường và gửi email đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.[H1-1.1-05];[H1-1.1-07];

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường qua các các phiên họp của hội đồng sư phạm, hội đồng trường, sinh hoạt chi bộ, qua sơ kết, tổng kết năm học... Các văn bản của cấp có thẩm quyền, hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân trong việc giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược, xây dựng và phát triển của nhà trường[H1-1.1-02];[H1-1.1-06];[H1-1.1-08];[H1-1.1-09];

Các mục tiêu trong Chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định theo Khoản 4, Điều 27, Luật Giáo dục 2005 và điều chỉnh, bổ sung phù hợp với Khoản 4, Điều 29, Luật giáo dục 2019. Chiến lược được xây dựng dựa trên nguồn lực về đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường. Nhà trường đã huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.[H1-1.1-10];[H1-1.1-11];

2. Điểm mạnh

Từ năm học 2021-2022 đến nay nhà trường luôn xây dựng và thực hiện theo phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường. Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với nguồn lực của nhà trường và được Phê duyệt của Sở Giáo dục và đào tạo Quảng Ninh, Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Cẩm Phả và được thông qua Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và các văn bản triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả. Được tổ chức lấy ý kiến và niêm yết công khai tại nhà trường. Định kỳ rà soát, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tại kỳ họp định kỳ của Hội đồng Trường.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Mông Dương giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035 theo từng năm còn chưa kịp thời, cụ thể Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn chưa nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của cộng đồng dân cư trên địa bàn, Lãnh đạo nhà trường chưa có các biện pháp phù hợp nhằm thu hút sự quan tâm, ủng hộ của nhân dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Xây dựng chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030	Hiệu trưởng, Hội đồng trường	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của thành phố Cẩm Phả đến 2030, tầm nhìn đến 2035	Từ tháng 12/2025 đến 01/2026
Công bố chiến lược đã được phê duyệt; Tăng thêm nhiều điểm niêm yết công khai,	Hiệu trưởng	Website của nhà trường hoạt động tốt.	Dự kiến tháng 02/2026

đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức cá nhân trong và ngoài địa bàn			
Rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược theo định kì	Hiệu trưởng, Hội đồng trường	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của thành phố Cẩm Phả đến 2030, tầm nhìn đến 2035	Lần 1: từ 01/2028 - 02/2028 Lần 2: từ 01/2030 - 02/2030

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá

Mức 2:

- a) Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc Ban hành điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường gồm Bí thư cấp ủy; Hiệu trưởng; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Đại diện tổ chuyên môn, Tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.[H2-1.2-01].

Căn cứ theo quy định, Hiệu trưởng đề nghị chính quyền địa phương cử đại diện tham gia Hội đồng trường; tổng hợp danh sách Hội đồng trường do chính quyền địa phương, tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu; làm tờ trình giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ninh ra Quyết định công nhận Hội đồng Trường. Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của Hội đồng trường để bầu Chủ tịch hội đồng (bằng phiếu kín) làm tờ trình giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ninh ra Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường và Chủ tịch Hội đồng chỉ định thư kí Hội đồng Trường theo đúng quy định.[H2-1.2-01].

Hội đồng trường THPT Mông Dương nhiệm kì 2021 - 2026 có 11 đồng chí, gồm: Bí thư cấp ủy; Hiệu trưởng; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Đại diện tổ chuyên môn, Tổ văn phòng; Đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh (Số 2005/QĐ-SGD&ĐT ngày 31/12/2021; Số 378/QĐ-SGDĐT ngày 24/02/2022; Số 1457/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2023).[H2-1.2-01].

Hội đồng thi đua khen thưởng các năm học được thành lập vào đầu mỗi năm học do Hiệu trưởng thành lập và làm chủ tịch, các thành viên của Hội đồng thi đua khen thưởng gồm Bí thư cấp ủy; Phó Hiệu trưởng; đại diện Hội đồng trường; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp.[H2-1.2-02].

Hội đồng kỷ luật học sinh được thành lập để xét hoặc xóa kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm chủ tịch gồm Phó Hiệu trưởng; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh vi phạm, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và Trưởng ban Đại diện Cha mẹ học sinh của trường.[H2-1.2-03].

Hiệu trưởng trường THPT Mông Dương quyết định thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ học sinh và công tác xã hội trong trường học vào đầu mỗi năm học gồm Phó Hiệu trưởng, Nhân viên y tế, Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, một giáo viên có kinh nghiệm giáo dục, Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh và một số học sinh trong nhà trường.[H2-1.2-04].

b) Hội đồng trường THPT Mông Dương thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và

Đào tạo, ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc Ban hành điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học.

Hội đồng Trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục. Hoạt động của các hội đồng trong nhà trường được minh chứng bằng các nghị quyết, biên bản, quy chế [H1-1.1-06];[H2-1.2-06];[H2-1.2-07];[H2-1.2-05]; thể hiện trong các báo cáo sơ kết và tổng kết của nhà trường [H1-1.1-02];

Hội đồng trường THPT Mông Dương quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết định về quy chế hoặc sửa đổi bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật.[H1-1.1-01];

Hội đồng thi đua khen thưởng đã giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường.[H2-1.2-02];[H2-1.2-05];

Hội đồng tư vấn đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt; thường xuyên theo dõi, nắm bắt tư tưởng, tâm sinh lý học sinh nhằm có định hướng nhanh nhất, kịp thời nhất giúp học sinh vượt qua trở ngại tâm lý để tiếp tục học tập.[H2-1.2-04];[H2-1.2-05];

c) Hội đồng trường họp thường kỳ 3 lần trong một năm. Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ rà soát, đánh giá. Hàng năm, Hội đồng trường THPT Mông Dương thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật và hội tư vấn học đường (Thực hiện đăng kí thi đua của tập thể, cá nhân, công tác phổ

cập, chỉ tiêu về chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, chuyên môn nghiệp vụ, các phong trào thi đua, chương trình giảng dạy,...); việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường (công tác tuyên truyền, công tác công khai...); giám sát các hoạt động của nhà trường (thực hiện nhiệm vụ năm học, đổi mới quản lý giáo dục, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện chiến lược phát triển giáo dục...)[H1-1.1-02];[H2-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Từ năm học 2021- 2022, Hội đồng trường tích cực hoạt động có hiệu quả, chỉ đạo các hội đồng xây dựng kế hoạch bám sát nhiệm vụ năm học, nâng cao chất lượng trong nhà trường, bên cạnh đó tạo động lực cho tập thể, cá nhân hăng say hoạt động, phát huy hết tài năng của mình trong việc xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, cụ thể: chất lượng đại trà của nhà trường từ mức thấp so với mặt bằng chung các trường trong tỉnh đã tăng lên cao hơn mặt bằng chung của Tỉnh năm học 2023-2024 được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết nhà trường, các biên bản, kế hoạch và nghị quyết Hội đồng trường, hồ sơ thi đua khen thưởng [H1-1.1-02];[H1-1.1-06];[H2-1.2-05];[H2-1.2-06];[H2-1.2-09];[H2-1.2-10]

Biểu 1: Chất lượng giáo dục cả năm từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024:

Năm học 2021-2022 (Chương trình GDPT 2006):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
570	26,1	58,3	14,2	0	85,8	12,3	1,58	0,35

Năm học 2022-2023:

* Theo chương trình GDPT 2006 (Đối với khối 11, 12):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
398	33,9	55	10,6	0,5	92	7	1	0

* Theo chương trình GDPT 2018 (Đối với khối 10):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học tập				Tỉ lệ về rèn luyện			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
216	19,9	53,2	21,3	5,6	79,1	18,1	2,3	0,5

Năm học 2023-2024:

* Theo chương trình GDPT 2006 (Đối với khối 12):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
207	36,2	57,5	6,3	0	94,2	5,8	0	0

* Theo chương trình GDPT 2018 (Đối với khối 10, 11):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học tập				Tỉ lệ về rèn luyện			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
434	23,5	54,2	18,2	4,1	77,2	19,6	2,5	0,7

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của điều lệ trường trung học, được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên khi có thay đổi về nhân sự đảm bảo cơ cấu, số lượng theo quy định. Hội đồng trường tổ chức họp, bàn theo qui định và căn cứ chức năng nhiệm vụ đã quyết định những vấn đề quan trọng của nhà trường trong từng năm học, đã quyết định về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng thi đua và khen thưởng và các Hội đồng tư vấn được thành lập từ đầu các năm học đảm bảo cơ cấu, thành phần theo quy định, đồng thời quy định rõ, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng, các thành viên Hội đồng. Các Hội đồng đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo đúng quy định và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Tổ tư vấn học đường chưa rõ nét, công tác tư vấn chưa đạt hiệu quả cao do các thành viên chưa có nhiều kinh nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Tăng cường hoạt động của tổ tư vấn học đường	Các thành viên trong tổ tư vấn	Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Đoàn trường, giáo viên bộ môn, cha mẹ học sinh.	Bắt đầu từ năm học 2024 -2025

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định
- b) Hoạt động theo quy định
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên

- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ: Đoàn Thanh niên từ năm 2021 đến năm 2024 trải qua 3 nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2021-2022; nhiệm kỳ 2022-2023; nhiệm kỳ 2023-2024), Ban chấp hành Đoàn trường gồm có 15 đồng chí, trong đó có 01 Bí thư, 02 phó bí thư và 12 ủy viên (Quyết định số 166-QĐ/ĐTN ngày 10/11/2021, 10-QĐ/ĐTN ngày 5/11/2022, 33-QĐ/ĐTN ngày 25/9/2023). Công đoàn từ năm 2021 đến năm 2024 trải qua 2 nhiệm kỳ (2017-2022; 2022-2028). Qua mỗi kì Đại hội đều bầu ra BCH công đoàn gồm 05 đồng chí: 01 chủ tịch, 01 chủ tịch, 03 ủy viên (Quyết định Số 179/QĐ- CĐN ngày 21/8/2017; Quyết định Số 1178/QĐ- CĐN ngày 10/4/2023). Chi đoàn giáo viên trường THPT Mông Dương thành lập theo các quyết định của Đoàn trường [H3-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H3-1.3-03]; [H3-1.3-04];

b) Công đoàn, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức. Trong quá trình hoạt động, Công đoàn và các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, các nhiệm vụ giáo dục trong năm học [H3-1.3-05]; [H3-1.3-06]

Các văn bản hoạt động của đoàn thể, công đoàn theo từng nhiệm kỳ và các tháng được triển khai cụ thể và hoạt động xuyên suốt trong các năm học [H3-1.3-06];

c) Hàng năm các tổ chức Đoàn thanh niên, công đoàn và các tổ chức đều được các cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại về hoạt động công tác. Đoàn thanh niên luôn là một trong các đơn vị dẫn đầu trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên thành phố Cẩm Phả, công đoàn luôn là đơn vị vững mạnh.[H3-1.3-11];

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng trường THPT Mông Dương được thành lập theo quyết định của thành ủy Cẩm Phả. Chi ủy chi bộ được công nhận theo quyết định số 1200-

QĐ/TU ngày 28/5/2020 của T;hành ủy Cẩm Phả. Về cơ cấu tổ chức, chi ủy gồm 05 đồng chí: 01 Bí thư chi bộ , 01 Phó Bí thư chi bộ và 03 ủy viên . Chi bộ nhà trường hoạt động theo quy định hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.[H3-1.3-07];

Biểu 1: Thống kê danh hiệu của Chi bộ

Năm	2021	2022	2023	Ghi chú
Xếp loại	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

Chi bộ thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện góp phần quan trọng vào sự phát triển nhà trường trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá và được thể hiện thông qua báo cáo hoạt động của tổ chức; được ghi lại trong sổ nghị quyết của nhà trường và hội đồng trường. Hằng năm các cơ quan chức năng nhận xét đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức đảng trong nhà trường, trong năm 5 qua chi bộ nhà trường luôn là đơn vị trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.[H3-1.3-10];

b) Hàng năm Chi bộ, các đoàn thể, tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường có đóng góp tích cực vào các hoạt động giáo dục của địa phương, của nhà trường. Hằng năm, các tổ chức trên đều có các báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm học.[H3-1.3-08];;

Mức 3:

a, Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ.[H3-1.3-10];[H3-1.3-11];[H3-1.3-09];

b, Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động nhà trường và cộng đồng.[H3-1.3-06];

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Công tác Đoàn, Hội trong nhà trường đều được các cấp ủy Đảng, BLĐ nhà trường quan tâm như tạo điều kiện và chỉ đạo các tổ chức trong nhà trường phối hợp với Đoàn và tổ chức công đoàn để hoạt động theo điều lệ. Ban chấp hành Công

đoàn ngày càng trẻ hóa và sáng tạo nội dung hoạt động theo từng giai đoạn và đi đúng sự lãnh đạo của chi bộ Đảng.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức Hội hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức đoàn thể luôn tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Sau mỗi học kì, luôn thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Đoàn thanh niên đảm bảo theo kế hoạch nhưng việc đánh giá, rút kinh nghiệm qua từng học kì, từng năm học chưa thật cụ thể, chi đoàn giáo viên nhà trường do đặc thù chuyên môn nên thời gian tham gia sinh hoạt còn nhiều hạn chế. Vì đặc thù của địa phương là xa trung tâm thành phố nên việc giao lưu học hỏi còn ít. Do nguồn quỹ công đoàn, đoàn thanh niên hạn hẹp nên việc khen thưởng mới chỉ dừng lại ở mức động viên, chưa đủ mạnh để khích lệ giáo viên, đoàn viên thanh niên tham gia thi đua.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để kiểm tra, nhắc nhở, đôn đốc các hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thường xuyên hơn.	Chi bộ, BLĐ nhà trường	Có sự bàn bạc thống nhất của Chi ủy và BLĐ.	Từ năm học 2024 – 2025

Cải tiến nội dung các hoạt động phong phú hơn để lôi cuốn đoàn viên; cuối mỗi kỳ có đánh giá, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng các hoạt động. Có thể phân công các đồng chí trong chi đoàn giáo viên tham gia sinh hoạt tại các chi đoàn học sinh nhằm nâng cao chất lượng tổ chức đoàn.	Đoàn trường, ban chấp hành công đoàn và các tổ chức khác trong nhà trường	Các cuộc họp định kì của Ban chấp hành có sự thống nhất và đưa ra kế hoạch cụ thể.	Từ năm học 2024 – 2025
Xây dựng các phong trào thi đua với các hình thức phong phú, đa dạng; Đồng thời, cũng quan tâm đến việc tham mưu, đề xuất ý kiến, xây dựng quy chế dân chủ làm động lực thúc đẩy phong trào đi lên.	Ban chấp hành công đoàn	Có sự bàn bạc của Ban chấp hành.	Từ năm học 2024 – 2025
Phát huy trí tuệ của	Các tổ chức đoàn	Các cuộc họp	Từ năm học

cá nhân, sự đoàn kết, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Đối với đoàn viên công đoàn trong tổ Văn phòng cần đổi mới cải cách thủ tục hành chính, giải quyết công việc đúng quy trình, nhanh, tránh phiền hà cho nhân dân.	thể trong nhà trường	định kì của Ban chấp hành có sự thống nhất và đưa ra kế hoạch cụ thể.	2024 – 2025
Duy trì cơ cấu tổ chức theo qui định của Điều lệ trường trung học; nhà trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ, động viên tạo mọi điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động cho các đoàn thể, đồng thời phát huy sự chủ động, sáng tạo của các thành viên Ban chấp hành để tổ chức tốt mọi hoạt động đoàn thể.	Chi ủy, Ban giám hiệu nhà trường	Các cuộc họp định kì của Ban chấp hành có sự thống nhất và đưa ra kế hoạch cụ thể.	Từ năm học 2024 – 2025

Thể hiện vai trò lãnh đạo, tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.	Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường	Có sự bàn bạc thống nhất của Chi ủy và BLĐ.	Từ năm học 2024 – 2025
--	--	---	------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

a) Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có 01 hiệu trưởng là đồng chí Dương Thị Bích Mai (được bổ nhiệm theo quyết định số 811-QĐ-SGDĐT ngày 18/7/2024); 02 phó hiệu trưởng là đồng chí Từ Thị Ngoan (được bổ nhiệm theo Quyết định số 2583-QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2020) và đồng chí Nguyễn Thái Quảng (được bổ nhiệm theo Quyết định số 1305-QĐ-SGDĐT ngày 27/8/2021)[H4-1.4-01];

b) Hàng năm Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, nhà

trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ Xã hội, Tổ Tự nhiên với cơ cấu tổ chức gồm: 01 tổ trưởng, 02 tổ phó và các thành viên, còn lại là tổ viên [H1-1.1-06]; và 01 Tổ Văn phòng với cơ cấu tổ chức gồm: 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và các thành viên còn lại là tổ viên (Các quyết định thành lập các tổ chuyên môn, Các quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó) [H4-1.4-02]; [H4-1.4-03];

c) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động có sự phê duyệt của Ban lãnh đạo nhà trường. Hàng tháng, các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Thực hiện việc hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất công tác quản lý sử dụng hồ sơ chuyên môn, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học của các thành viên trong tổ [H4-1.4-05]; [H4-1.4-09]; [H4-1.4-04];. Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ, xây dựng chuyên đề, đổi mới nội dung sinh hoạt, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém,.... thể hiện trong kế hoạch tổ chuyên môn [H4-1.4-04]; và đánh giá trong báo cáo tổng kết của nhà trường [H1-1.1-02]; (báo cáo tổng kết năm 2021-2022, số 109/BC-THPTMD ngày 09/6/2022; báo cáo tổng kết năm 2022-2023, Số 68 /BC-THPTMD ngày 29/5/2023; báo cáo tổng kết năm 2023-2024, Số: 229 /BC-THPTMD ngày 14/6/2024), có đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học [H4-1.4-07];. Tài sản, thiết bị, tài chính của nhà trường được rà soát hàng năm. Các tổ chuyên môn thực hiện kiểm kê hồ sơ tổ và bàn giao để lưu trữ vào cuối năm học. [H4-1.4-06];

Mức 2:

a) Mỗi năm học, các tổ chuyên môn đều phân công thực hiện chuyên đề để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo động lực cho giáo viên trao đổi học hỏi kinh nghiệm chuyên môn và cũng tạo động lực cho học sinh tiếp cận bài học bằng các hình thức khác nhau. [H4-1.4-08]; [H1-1.1-06];

b) Vào đầu năm học các tổ chuyên môn đều họp phân công công tác trong tổ, thống nhất và điều chỉnh phân phối chương trình của môn học cho phù hợp, xây dựng các kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ giáo dục ; Hàng tháng, các tổ chuyên môn

sinh hoạt tổ chuyên môn từ 2 lần/ tháng. Tùy theo điều kiện thực tế, các tổ/ nhóm chuyên môn điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện của nhà trường như Phân công công tác; Kế hoạch ôn thi Tốt nghiệp/ Dạy thêm học thêm; Kế hoạch tổ chức kiểm tra [H4-1.4-10];

Mức 3

a) Các tổ chuyên môn tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn học, bồi dưỡng học sinh giỏi, tham gia ý kiến xây dựng nội quy quy chế, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo tuần, tháng, năm. Tổ văn phòng đã tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động về quản lý tài chính, tài sản, giữ gìn trường lớp an toàn, sạch đẹp...góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy của nhà trường. [H4-1.4-12];[H4-1.4-11];[H4-1.4-07];

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề tập trung vào dự giờ, nâng cao chất lượng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, giáo dục học sinh cá biệt, ôn thi tốt nghiệp... Các chuyên đề tạo động lực giúp học sinh học tập bộ môn tốt hơn. [H4-1.4-14];[H4-1.4-13];[H4-1.4-12];

2. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ.

Hàng năm các tổ chuyên môn đã xây dựng được ít nhất 1 chuyên đề. Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng các nhiệm vụ được giao của các thành viên trong tổ. Mỗi học kỳ, sau khi kiểm tra đều có sự điều chỉnh, rà soát lại nội dung thực hiện từ đó có biện pháp cụ thể đầy đủ và hoàn chỉnh hơn cho kế hoạch của tháng tới.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn đôi khi còn chưa linh hoạt trong việc cải tiến hình thức sinh hoạt chuyên môn. Một số ít thành viên trong tổ còn hạn chế về công nghệ thông tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho các Tổ trưởng, tổ phó. Tăng cường trao đổi chuyên môn cấp trường.	Ban lãnh đạo; Tổ/ nhóm chuyên môn.	Được Ban lãnh đạo tạo điều kiện về thời gian, đội ngũ được bồi dưỡng thường xuyên	Trong năm học
Thực hiện tập huấn ứng dụng Công nghệ thông tin cho giáo viên.	Ban lãnh đạo; Giáo viên Tin học	Được Ban lãnh đạo tạo điều kiện về thời gian, đội ngũ được bồi dưỡng thường xuyên	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ

Mức 2:

- a) Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định

Mức 3:

- a) Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiện nay nhà trường đã có đủ 3 khối lớp gồm:

	Khối 10	Khối 11	Khối 12
2021 - 2022	5 lớp	5 lớp	5 lớp
2022 - 2023	5 lớp	5 lớp	5 lớp
2023 - 2024	5 lớp	5 lớp	5 lớp

Bảng tập hợp dữ liệu số lượng các lớp của từng khối từ năm 2016-2021

Mỗi năm học nhà trường có 15 lớp, với 03 khối lớp của cấp Trung học phổ thông mỗi khối chia thành 5 lớp. Mỗi năm nhà trường đều tuyển sinh mới các khối lớp 10 đầu cấp [H5-1.5-01];

b) Học sinh ở các lớp được bố trí một cách khoa học, hợp lý theo năng lực, trình độ và đều được quản lý chặt chẽ thông qua đội ngũ cán bộ lớp. Mỗi lớp đều có 01 Lớp trưởng, 02 Lớp phó (Lớp phó học tập và Lớp phó lao động) do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học; mỗi lớp được chia thành các tổ; có 01 Tổ trưởng do học sinh trong tổ bầu ra theo Quy định tại điều lệ (Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 32/2020/TT – BGDDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thể hiện trong sổ chủ nhiệm (minh chứng được lưu tại phòng lưu trữ hồ sơ). Mỗi lớp học có một giáo viên làm chủ nhiệm và giảng dạy chuyên môn ở lớp đó. Hằng năm, Nhà trường tổng hợp thông tin các lớp học theo từng năm học (bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học: họ và tên giáo viên chủ nhiệm, họ và tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng) [H5-1.5-03];

c) Học sinh trong lớp có quyền dân chủ bình bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được thể hiện cụ thể ở Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp [H5-1.5-04];

Dựa trên kết quả bầu chọn cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ lớp xây dựng lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ cụ thể:

Lớp trưởng tổ chức quản lý lớp thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như nhà trường. Theo dõi đôn đốc thành viên lớp chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh quy chế, qui

định, nội qui về học tập, xây dựng và thực hiện nề nếp tự quản trong học sinh. Tổ chức, động viên, giúp đỡ những học sinh có khó khăn trong học tập, sinh hoạt và rèn luyện. Chịu sự điều hành và quản lý trực tiếp của giáo viên chủ nhiệm lớp. Chủ trì các cuộc họp lớp để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, đề nghị thi đua khen thưởng hay kỷ luật đối với các tổ và cá nhân học sinh trong lớp [H5-1.5-04];

Lớp phó lao động: Tổ chức và quản lý thực hiện trực nhật, lao động, và các hoạt động do nhà trường tổ chức. Báo cáo giáo viên chủ nhiệm và tổ chức lớp trong hoạt động động viên, thăm hỏi những học sinh đau ốm, hay chuyện không may khác. Thực hiện báo cáo lớp trưởng, trước lớp và giáo viên chủ nhiệm cuối tuần, tháng [H5-1.5-04];

Lớp phó học tập: đôn đốc học sinh đi học đúng giờ, đầy đủ, đảm bảo học tập nghiêm túc. Thực hiện và duy trì sinh hoạt 15 phút đầu giờ theo lịch quy định của Đoàn. Kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của các cán bộ lớp, theo dõi và hỗ trợ việc học tập ở các bộ môn, hỗ trợ những bạn học sinh gặp khó khăn trong học tập, đôn đốc phong trào đôi bạn cùng tiến trong lớp, phân công các bạn có lực học tốt hơn hỗ trợ các bạn khác cùng tiến bộ. Thực hiện báo cáo lớp trưởng, trước lớp và giáo viên chủ nhiệm cuối tuần, tháng [H5-1.5-04];

Các tổ trưởng, tổ phó quản lý các hoạt động của tổ mình từ việc học tập, lao động, nề nếp, thi đua...theo dõi việc học tập bộ môn, những vi phạm và tổng hợp báo cáo với lớp trưởng cuối tuần, tháng. Các giáo viên chủ nhiệm đều có tổ chức sinh hoạt cuối tuần để các tổ trưởng, lớp phó, lớp trưởng báo cáo đánh giá và nhận xét các hoạt động của lớp. Từ đó có những biện pháp đánh giá kịp thời đối với học sinh lớp mình chủ nhiệm [H5-1.5-04];

Mức 2:

Nhà trường mỗi năm có 15 lớp, số học sinh trong một lớp không quá 45 em, trung bình hằng năm số học sinh ở mỗi lớp thường ở mức 33 - 45 em [H5-1.5-01];

Mức 3:

Nhà trường mỗi năm có 15 lớp, số học sinh trong một lớp không quá 45 em, trung bình hằng năm số học sinh ở mỗi lớp thường ở mức 33 - 45 em [H5-1.5-01];

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm học vừa qua nhà trường luôn có đủ các lớp của cấp học (từ lớp 10 đến lớp 12), mỗi khối có từ 154 đến 225 em được chia thành 5 lớp. Học sinh ở các lớp được bố trí theo năng lực, trình độ nên thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và định hướng nghề nghiệp.

Mỗi lớp được chia từ 3-4 tổ, mỗi tổ không quá 12 em và được tổ chức gồm: 01 lớp trưởng, 02 lớp phó, 04 tổ trưởng và 04 tổ phó. Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, học sinh được tham gia bầu ban cán sự lớp, xây dựng nội quy, quy định trong lớp, hàng ngày các em có hoạt động tự quản 15' đầu giờ để kiểm tra bài. Các hoạt động như lao động, công tác đoàn đều có các cán sự lớp và bí thư đảm nhiệm và đôn đốc các bạn thực hiện. Hàng tuần các em được tham gia đánh giá, phê bình và tuyên dương các bạn trong tổ, lớp. Cuối tháng, năm được tham gia bình bầu hạnh kiểm và đánh giá các bạn trong lớp.

Trong năm 5 qua số học sinh của các lớp trung bình khoảng 36 học sinh, chưa bao giờ vượt quá 45 đảm bảo theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ Trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT – BGDDT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Giáo viên chủ nhiệm ở các lớp cũng là giáo viên giảng dạy chuyên môn tại lớp đó nên có thể theo dõi sát sao học sinh và cập nhật tình hình học tập của các em thông qua đội ngũ cán bộ lớp.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh một vài lớp chưa đều nhau, chênh lệch cao nhất giữa lớp có sĩ số lớn nhất và lớp có sĩ số ít nhất là 12 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Thực hiện điều chỉnh và duy trì sĩ số ở các lớp, ổn định tổ chức lớp học trong 1 lớp	Ban lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm các lớp	Quyết định, kế hoạch	Từ năm học 2021-2022 trở đi

không quá 45 học sinh			
Thực hiện quy chế dân chủ trong lớp bằng cách xây dựng tổ chức lớp chặt chẽ	Giáo viên chủ nhiệm, học sinh	Ban hành quy chế dân chủ tại lớp, sự ủng hộ của học sinh và phụ huynh học sinh	Từ năm học 2021-2022 trở đi

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán

Mức 3:

- a) Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường có đầy đủ theo quy định tại Điều 21, Điều lệ trường trung học, gồm:

- Đối với nhà trường: Sổ đăng bộ; sổ gọi tên và ghi điểm học bạ học sinh; sổ ghi đầu bài; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra; đánh giá giáo viên và nhân viên; hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh.[H6-1.6-06][H5-1.5-01];

Nhà trường theo dõi, cập nhập các công văn đi và đến của Sở, ban ngành, đoàn thể trong 03 năm từ năm học 2021- 2022 đến năm học 2023-2024 gồm có 03 quyển sổ công văn đến và 03 quyển sổ công văn đi. Các hồ sơ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của luật lưu trữ.[H6-1.6-01];

- Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;

- Đối với giáo viên: Giáo án (bài soạn); sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp; sổ điểm cá nhân; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp).[H5-1.5-02];

Hàng năm có tổ chức kiểm tra các loại hồ sơ học vụ, thiết bị, thư viện tại trường. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ. Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính; quản lý tài sản; lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán, có sổ quản lý tài sản chung và tài sản riêng của từng bộ phận. Việc lưu giữ chứng từ tài chính do kế toán phụ trách.[H6-1.6-02];

b) Nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Kiểm tra định kỳ, rà soát, kiểm kê, tài sản, thiết bị hàng năm được thể hiện qua sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục thể hiện thông qua các biên bản kết luận thông báo có liên quan của các cấp có thẩm quyền.[H6-1.6-02];[H6-1.6-03];[H6-1.6-07];

Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được Nhà trường xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên từ hội nghị cấp tổ đến hội nghị cán bộ, viên chức và lao động nhà trường, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.[H6-1.6-04];

c)Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục thể hiện thông qua các biên bản kết luận thông báo có liên quan của các cấp có thẩm quyền.[H6-1.6-03];

Kiểm tra định kỳ, rà soát, kiểm kê, tài sản, thiết bị hàng năm được thể hiện qua sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.[H6-1.6-02]; Các báo cáo sơ kết, tổng kết đồng thời được đánh giá tổng kết cuối năm.[H1-1.1-02];

Mức 2:

a) Trong 03 năm qua nhà trường sử dụng quản lý phần mềm Misa trong quản lý tài chính, tài sản. phần mềm quản lý bảo hiểm xã hội, thực hiện chữ ký số trong giao dịch kho bạc và bảo hiểm... đã tích cực hỗ trợ cho công tác kế toán nhà trường; Trong công tác văn thư sử dụng phần mềm chính quyền điện tử nên công tác chuyển giao, lưu trữ, tìm kiếm công văn đến, công văn đi được dễ dàng, nhanh chóng và khoa học hơn trước.[H6-1.6-05];

b) Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản được thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học và biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm toán, có đánh giá về các nội dung có liên quan.[H1-1.1-02];[H6-1.6-01];[H6-1.6-02];[H6-1.6-03];[H6-1.6-04];[H6-1.6-05];[H6-1.6-06];

Mức 3:

- Có thông qua nghị quyết hội đồng trường.[H1-1.1-06];

Nhà trường có kế hoạch xin bổ sung nguồn kinh phí hàng năm để sửa chữa các công trình sửa chữa, cải tạo khu nhà học và sân trường; cải tạo khu nhà học 3 tầng; xây dựng nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Có kế hoạch giảng dạy phù hợp hạn chế tối đa thừa giờ của giáo viên.[H6-1.6-09];

Hàng năm nhà trường có các kế hoạch, văn bản xin hỗ trợ từ các doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân phường nơi địa bàn trường đóng để giảm bớt những khó khăn thể hiện qua các tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường.[H6-1.6-08];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản đến và được lưu trữ hồ sơ chứng từ theo quy định. Có dự toán, thực hiện thu

chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản. Thực hiện công khai tài chính theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Để thực hiện có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường đã cử nhân viên Kế toán đi tập huấn và sử dụng thành thạo phần mềm Misa. Có phần mềm quản lý văn bản nên văn bản được lưu trữ đầy đủ và khoa học hơn trước.

3. Điểm yếu

Công tác huy động các nguồn xã hội hóa cho đầu tư bổ sung cơ sở vật chất của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Sổ quản lý hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Nhân viên Văn thư	Có phần mềm quản lý văn bản	Hàng ngày
Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Nhân viên thiết bị	Có danh mục thiết bị nhập hàng năm	Đầu năm học
Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường	Toàn thể CB, GV, NV nhà trường	Toàn thể CB, GV, NV nhà trường thống nhất xây dựng quy chế	Hội nghị viên chức
Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường	Nhân viên kế toán, nhân viên văn thư	Nhân viên kế toán, nhân viên văn thư được tập huấn sử dụng phần mềm	Hàng ngày
Sổ quản lý tài chính	Nhân viên kế	Nhân viên kế	Hàng ngày

	toán, Hiệu trưởng	toán, Hiệu trưởng thống nhất	
Các tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định

Mức 2:

- a) Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hàng năm, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phát triển đội ngũ; 100% các đồng chí quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, thể hiện qua các kế hoạch, báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, các hội thi giáo viên giỏi các cấp; thực hiện chuyên đề; thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin [H7-1.7-01];[H7-1.7-02];

- b) Trường được biên chế Ban Lãnh đạo gồm 3 đồng chí theo đúng điều lệ của trường trung học[H7-1.7-05];. Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường[H7-1.7-06];. Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên được thể hiện qua hồ sơ kiểm tra

và kế hoạch thực hiện[H7-1.7-04];. Căn cứ vào trình độ đào tạo và năng lực của giáo viên, nhân viên nhà trường đã phân công thực hiện các nhiệm vụ trong năm học phù hợp, đúng người, đúng việc nhằm phát huy tốt nhất sở trường của từng người được thể hiện qua bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

c) Đội ngũ giáo viên nhân viên hàng năm thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định. Giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo, thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông. Giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp; Báo cáo tại hội nghị cán bộ công chức hằng năm có nội dung đánh giá việc đảm bảo các quyền của giáo viên. Hằng năm 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh. Được hưởng, đảm bảo các quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo như: chế độ tiền lương, thêm giờ, phụ cấp, BHYT và BHXH..., được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể được thể hiện qua bảng lương và phụ cấp hàng tháng [H7-1.7-07]; Các giáo viên tham gia vào việc quản lý nhà trường như tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban thanh tra nhân dân được thể hiện trong biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm[H7-1.7-09];, bảng phân công nhiệm vụ hằng năm, hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên[H7-1.7-03];[H7-1.7-04];[H7-1.7-06]. Hằng năm nhà trường cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do SGDĐT tổ chức. Ngoài ra, các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật đối với giáo viên được hưởng như: góp ý xây dựng các quy chế, kế hoạch, đề xuất ý kiến xây dựng nhà trường, tham gia các Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng trường, Hội đồng xét tốt nghiệp, tuyển sinh, thi giáo viên, học sinh giỏi cấp trường...luôn được đảm bảo, thể hiện qua báo cáo tổng kết công đoàn [H7-1.7-08]; [H7-1.7-10];[H7-1.7-11];

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường luôn có biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên (Cử cán bộ quản lý và giáo viên tham gia các lớp tập huấn cho về phương pháp, kĩ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; Tổ chức công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật và cuộc thi Khoa học kĩ

thuật dành cho học sinh trung học; đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn dựa trên cơ sở nghiên cứu bài học, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn tại các trường và cụm trường...) trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H7-1.7-10]; Hàng năm, nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao thể hiện qua báo cáo tổng kết nhà trường và hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên [H1-1.1-06]; [H7-1.7-04]; [H1-1.1-02];

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đồng thời phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, tùy theo khả năng của mỗi giáo viên để giao nhiệm vụ, có kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán, đặc biệt là những giáo viên có năng lực sư phạm, có đạo đức nghề nghiệp được đồng nghiệp và học sinh tín nhiệm cử vào chủ nhiệm. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền lợi theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học.

Trong các năm học nhà trường đều xây dựng kế hoạch trong đó có các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình trong công tác nhưng kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế. Một số giáo viên phải ở xa gia đình nên chưa ổn định tư tưởng công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Tăng cường kinh nghiệm giảng dạy cho đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình trong công tác nhưng kinh nghiệm giảng dạy còn	Ban lãnh đạo phối hợp với tổ chuyên môn.	Có sự giúp đỡ ban lãnh đạo và tổ chuyên môn sự tham gia nhiệt tình của các giáo viên có	Hàng năm

hạn chế		kinh nghiệm.	
Tạo điều kiện cho một số giáo viên phải ở xa gia đình nên chưa ổn định tư tưởng công tác	Ban lãnh đạo phối hợp với công đoàn trường.	Có sự chỉ đạo ban lãnh đạo và phối hợp cùng công đoàn trường.	Hàng năm
Tiếp tục việc đánh giá xếp loại giáo viên hàng năm theo quy định một cách chính xác, công bằng và khách quan.	Ban lãnh đạo, tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn	Có sự chỉ đạo từ ban lãnh đạo, kế hoạch của nhà trường, tổ nhóm chuyên môn.	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời

Mức 2:

a) Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, dựa vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của SGDĐT, Hiệu trưởng đã chỉ đạo và tổ chức cho các Tổ/nhóm chuyên môn họp, thống nhất xây dựng kế hoạch giáo dục môn học; nhà trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục; sau đó thống nhất các nội dung trên để tổng hợp thành kế hoạch giáo dục nhà trường và ban hành quyết định phê duyệt để triển khai trong năm học[H7-1.7-

09] Thông qua họp Hội đồng, họp chủ nhiệm, Ban lãnh đạo nhà trường đã phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, Luật giáo dục, Điều lệ trường trung học, phân phối chương trình các môn học, hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục hướng nghiệp đến toàn thể CB, GV, NV[H7-1.7-10]. Báo cáo tổng kết của nhà trường (báo cáo tổng kết năm học) luôn có nội dung về nhiệm vụ: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục[H1-1.1-02];

Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phát triển đội ngũ; 100% các đồng chí quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, thể hiện qua các kế hoạch, báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, các hội thi giáo viên giỏi các cấp; thực hiện chuyên đề; thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, Bồi dưỡng GVCN[H7-1.7-01];[H7-1.7-02];

b) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục, hằng năm Ban Lãnh đạo xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần[H8-1.8-01];[H8-1.8-07];

c) Hàng năm nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện trong thời khóa biểu, sổ đầu bài của các lớp[H8-1.8-03];[H8-1.8-04][H8-1.8-05]; Thông qua kế hoạch nhà trường triển khai, phổ biến, đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên,... trong nhà trường, giao nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức trong nhà trường. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và duyệt kế hoạch các tổ chuyên môn, sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và kế hoạch giảng dạy[H8-1.8-02];

Mức 2:

Trong các năm học, nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục, BLĐ tăng cường sự chỉ đạo, triển khai kịp thời, thống nhất những thông tin của ngành, sở Giáo dục- Đào tạo, cấp trên đưa ra. Hàng tuần, tháng định kì kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên và học sinh trong nhà trường. Kiểm tra định kì hoặc đột xuất đối với các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Triển khai, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học, đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được kiểm tra ít nhất 1 lần trong năm học...) và được

cấp có thẩm quyền kiểm tra đánh giá thông qua hệ thống biên bản kiểm tra của cấp trên. Vào đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành các quyết định, văn bản về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh trong toàn trường về nội dung kế hoạch, các quy định về học thêm, dạy thêm của ngành, của Tỉnh và của Chính phủ. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh kí cam kết thực hiện. Hằng năm có báo cáo về hoạt động dạy thêm, học thêm duy trì nền nếp học tập của nhà trường.[H8-1.8-06];

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cũng được đẩy mạnh thông qua hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, giáo viên hay các cuộc hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn của các tổ, nhóm chuyên môn.

Nhà trường đã có các biện pháp quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Mọi thành viên đều được tiếp thu, tham gia góp ý xây dựng kế hoạch một cách dân chủ và thực hiện nghiêm túc.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý, chỉ đạo, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm của nhà trường theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, SGDĐT Quảng Ninh và phổ biến các văn bản chỉ đạo của cấp trên về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tới toàn thể Giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Đến nay không để xảy ra tình trạng phản ánh vi phạm về hoạt động dạy thêm học thêm trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Các kế hoạch của tổ chuyên môn, của giáo viên đã bám sát vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, tuy nhiên một số kế hoạch còn sơ sài chưa thể hiện rõ việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng “nghiên cứu bài học”, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá. Đặc biệt, là công tác tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thông qua trang mạng “Trường học kết nối”. Trong kế hoạch biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, đặc

biệt là học sinh có năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập còn mờ nhạt, chưa hiệu quả.

Việc rà soát kế hoạch giáo dục được thực hiện, tuy nhiên chưa thường xuyên, liên tục, đôi khi còn thụ động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Tiếp tục xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, nhà trường.	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn.	Các văn bản chỉ đạo.	Tháng 8 hàng năm
Có các biện pháp quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.	Hiệu trưởng	Các văn bản chỉ đạo.	Cả năm học
Xây dựng kế hoạch quản lý, chỉ đạo, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm của nhà trường theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh.	Hiệu trưởng	Các văn bản chỉ đạo.	Tháng 8 hàng năm
Quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch từ cấp tổ đồng thời hướng dẫn giáo viên	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. Tổ trưởng, nhóm	Các văn bản chỉ đạo.	Tháng 8 hàng năm

xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp sát với thực tế và hiệu quả đối với từng đối tượng học sinh.	trưởng chuyên môn.		
Mỗi năm, khi xây dựng và triển khai kế hoạch, chú ý vào khâu kiểm tra, rà soát việc thực hiện kế hoạch theo tháng, kì và năm, tạo thói quen và nề nếp cho giáo viên thực hiện các năm sau.	Hiệu trưởng	Các văn bản chỉ đạo.	Tháng 8 hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 2:

a) Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cùng tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Các nội dung thảo luận trên được thực hiện qua hình thức dân chủ trực tiếp với sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng của các cá nhân hoặc các tổ chức chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường; qua các cuộc sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng, qua các buổi họp Hội đồng hàng tháng; trong Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, lao động hàng năm,...và được lưu lại trong các biên bản liên quan như: Biên bản niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đồng chí lãnh đạo nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng) và kế toán từ năm 2021 đến năm 2024 [H9-1.9-01]; [H9-1.9-07]; thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, lao động nhà trường từ năm học 2021-2024 đến năm học 2023-2024 [H9-1.9-02]; thể hiện trong các Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân từ năm 2021 đến năm 2024 [H9-1.9-03]; thông qua các Báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường [H1-1.1-02]; thông qua Hồ sơ tiếp công dân [H9-1.9-04]; trong các Quyết định ban hành Quy chế dân chủ của nhà trường [H9-1.9-05]; trong sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-06].

b) Trong 3 năm qua (từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024) nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động hay của cha mẹ học sinh, học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường thông qua Hồ sơ tiếp công dân [H9-1.9-04] và báo cáo của Ban thanh tra nhân dân qua các năm học [H9-1.9-03].

c) Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định [H9-1.9-06].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được quy định theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện:

- Từ năm 2021 đến năm 2024, nhà trường đều có bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường [H9-1.9-08]; [H9-1.9-06].

- Thông qua các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ nhà trường từ năm 2021 đến năm 2024 [H9-1.9-06].

- Thông qua các báo cáo của ban thanh tra nhân dân [H9-1.9-03].

- Thông qua các báo cáo sơ, tổng kết của công đoàn [H7-1.7-08].

- Thông qua các báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

- Trong thời gian qua việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo tốt, tạo cơ sở và tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

+ Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí công tác đối với cán bộ, công chức đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ và phát huy được khả năng của mỗi cá nhân.

+ Công tác luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc theo văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên.

+ Việc thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đầy đủ, kịp thời không để dây dưa tồn đọng các chế độ chính sách có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức.

+ Việc sử dụng ngân sách đảm bảo tiết kiệm, đúng mục đích và phát huy hiệu quả. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nhờ thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở mà nhà trường đã phát huy được tiềm năng, trí tuệ của tập thể trong việc tham gia xây dựng nhà trường và các tổ chức đoàn thể ngày càng vững mạnh.

3. Điểm yếu

Các hình thức công khai quy chế dân chủ chưa phong phú, đa dạng. Một số giáo viên chưa ý thức hết tầm quan trọng của việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường nên việc tham gia góp ý xây dựng kế hoạch, báo cáo, quy chế của nhà trường đôi khi còn chưa tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đưa nhiều hình thức công khai khác nhau như: niêm yết tại bảng; sử dụng hộp thư điện tử; công khai trên trang website của nhà trường; công khai tại các tổ

chuyên môn, tổ văn phòng; thông báo đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh; phát thanh tuyên truyền trên loa phóng thanh,... Đặc biệt khuyến khích, tuyên truyền đến từng giáo viên, nhân viên ý thức hết tầm quan trọng của việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường để việc tham gia góp ý xây dựng kế hoạch, báo cáo, quy chế của nhà trường đạt hiệu quả hơn.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền thực hiện quy chế dân chủ	Ban chấp hành công đoàn	Kế hoạch hoạt động công đoàn hàng năm	Hàng năm		
Đa dạng hóa các hình thức công khai	Hiệu trưởng	Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo	Hàng năm	2 triệu đồng /năm	NSNN
Xây dựng kế hoạch và Báo cáo thực hiện quy chế dân	Ban thanh tra nhân dân	Luật thanh tra Số 56/2010/QH12 Ban hành ngày 15/11/2010; Nghị định số	Hàng năm		

chủ.		159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Hướng dẫn của Công Đoàn ngành; Nghị Quyết HNVC			
------	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án về: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Ban hành các nội quy, quy định về thực hiện đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Thông qua các chương trình ngoại khóa và các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các buổi tuyên truyền theo chủ đề về phòng chống tai nạn thương tích, về an toàn vệ sinh thực phẩm. [H10-1.10-01];[H10-1.10-10];

Phối hợp với Công an phường Mông Dương và Công an thành phố Cẩm Phả tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp học sinh luyện các kỹ năng như: kỹ năng nhận các tình huống có vấn đề, biết xác định tình huống, biết khẳng định, biết cách từ chối, kỹ năng xử lý các mâu thuẫn, phòng chống bạo lực trong nhà trường, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh...[H10-1.10-02];

b) Để đảm bảo an ninh trật tự nhà trường còn có hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H10-1.10-04];[H10-1.10-05];

c) Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi pháp về bình đẳng giới trong những năm qua[H10-1.10-06];[H10-1.10-09]. Không có thông tin phản ánh của người dân về không: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H10-1.10-13];[H10-1.10-08];[H10-1.10-07];

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn

phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H7-1.7-03];[H10-1.10-01];[H10-1.10-03];[H10-1.10-10];[H10-1.10-11];[H10-1.10-13];

b) Trường được công nhận Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích và đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; đảm bảo các điều kiện về phòng chống cháy nổ [H10-1.10-11];[H10-1.10-12]; . Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục, các hoạt động ngoại khóa với nội dung, hình thức đa dạng, phong phú như: tham gia cuộc thi về an toàn giao thông nụ cười cho em; chương trình phát thanh thanh niên phát các bài tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại; ngoại khóa Hướng ứng ngày pháp luật; HIV; phòng chống ma túy, mại dâm và buôn bán người; An toàn giao thông nhằm đảm bảo không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong trường, được thể hiện qua các bài tuyên truyền và báo cáo tổng kết của nhà trường[H10-1.10-13];[H10-1.10-10]; Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập các thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự;[H10-1.10-14]; do vậy trong 3 năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh vi phạm thông quan báo cáo sơ kết học kỳ 1, báo cáo tổng kết năm.[H1-1.1-02];[H7-1.7-03];[H10-1.10-08];

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống các tai nạn, hiểm họa, dịch bệnh, tệ nạn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, tai nạn thương tích trong trường; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong trường. Trong 3 năm qua chưa để xảy ra bất cứ một vi phạm nào về an ninh trật tự, các tai nạn, hiểm họa, dịch bệnh, tệ nạn xã hội, cháy nổ, tai nạn thương tích trong trường; đặc biệt không có sự kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường. Có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Nhà trường phối hợp rất chặt chẽ với cơ quan công an, thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học

đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong 3 năm vừa qua chưa xảy ra hiện tượng bạo lực học đường và được công an phường Mông Dương công nhận trường đảm bảo an ninh trật tự.

3. Điểm yếu

- Công tác tập huấn về PCCC và triển khai các phương án phòng chống cháy nổ trong nhà trường còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền về tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, an toàn giao thông, bạo lực học đường, bình đẳng giới, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước chưa phong phú.

- Nhận thức của một số học sinh chưa tốt và sự quản lý của gia đình chưa được chặt chẽ nên các em vi phạm vào nội quy, quy định chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống các tai nạn, hiểm họa, dịch bệnh, tệ nạn xã hội	PHT phụ trách công tác an ninh quốc phòng	Quy chế phối hợp giữa các lực lượng Cơ quan Công an và nhà trường	Mỗi quý 01 lần
Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống các tai nạn, hiểm họa.	PHT + ĐTN + GVCN	Nội quy, quy định, điều lệ trường trung học	Mỗi quý 01 lần
Tăng cường tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm.	PHT + Ban chấp hành Công đoàn	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền	Mỗi quý 01 lần

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Nhà trường là thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, nhà trường đã linh hoạt, khéo léo trong việc tổ chức các phong trào thi đua, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh. Vì vậy các hoạt động của nhà trường luôn diễn ra nhịp nhàng và đạt được những kết quả tốt.

Điểm yếu:

Chiến lược phát triển của nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi, chưa có những bước đột phá để khẳng định chất lượng mũi nhọn và chất lượng hai mặt giáo dục, chưa nêu được khó khăn đặc thù của phụ huynh học sinh vùng xa trung tâm thành phố như địa bàn Mông Dương.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/10 - Tỉ lệ: 40%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 6/10 - Tỉ lệ: 60%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường có đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 07 năm 2017 của BGDĐT, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, có thâm niên giảng dạy trên 10 năm và quản lý tại trường không quá 2 nhiệm kì. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng luôn điều hành, quản lý mọi hoạt động của nhà trường đúng các văn bản quy phạm pháp luật và tạo được động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh, góp phần xây dựng hình ảnh đẹp cho nhà trường, được nhân dân, phụ huynh, các thế hệ học sinh tin tưởng, ghi nhận.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy và học, đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra, công tác xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đóng vai trò rất quan trọng. Nhà trường đã chú trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn giảng dạy, vị trí việc làm, có trình độ đạt chuẩn 100%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn trên 23,5 %, có 01 cán bộ quản lý, 01 giáo viên đạt giáo viên THPT hạng II đáp ứng yêu cầu dạy học hiện nay. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn học tập, tìm tòi, nghiên cứu để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên được tổ chức đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Học sinh của nhà trường được tuyển đúng độ tuổi, vùng tuyển sinh; học sinh có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ, được bảo đảm các quyền của người học theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác của BGDDĐT. Đây là nhân tố cơ bản quyết định chất lượng giáo dục và sự phát triển đi lên của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định Điều 18 của Điều lệ trường trung học.

Bà Dương Thị Bích Mai (sinh năm 1970) được bổ nhiệm hiệu trưởng trường THPT Mông Dương từ ngày 15/07/2019. Quá trình công tác của Bà Dương Thị Bích Mai tại trường THPT Lê Quý Đôn, trước khi giữ chức vụ Hiệu trưởng ở trường THPT Mông Dương như sau: Từ năm 1992 đến năm 04/07/1997 là giáo viên giảng dạy môn Hóa học của trường THPT Lê Quý Đôn; từ 05/09/1997 giáo viên giảng dạy môn Hóa học, kiêm Tổ trưởng chuyên môn; năm 2007 tốt nghiệp cao học chuyên ngành Hóa học hữu cơ; từ năm 2010 đến 2011 theo học và tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, các lớp học quản lý giáo dục. Từ 15/07/2020 đến nay làm hiệu trưởng trường THPT Mông Dương.

Bà Từ Thị Ngoan (Sinh năm 1982) được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường THPT Mông Dương từ ngày 01/01/2016. Từ năm 2005 đến năm 2009 là giáo viên dạy Địa lí trường THPT Mông Dương; Từ năm 2010 đến năm 2012 làm Bí thư Đoàn thanh niên; Từ năm 2013 đến năm 2014 làm Tổ trưởng chuyên môn 2; Từ 2015 đến nay, Phó Hiệu trưởng trường THPT Mông Dương. Bà Từ Thị Ngoan tốt nghiệp Đại học ngành Địa lý Đại học sư phạm I Hà Nội; Đến năm 2018 theo học và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo.

Ông Nguyễn Thái Quảng (Sinh năm 1986) được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường THPT Mông Dương từ ngày 01 tháng 9 năm 2016; Từ năm 2009 đến năm 2010 là giáo viên dạy môn Toán trường THPT Mông Dương; từ năm 2011 đến năm 2016 là giáo viên dạy Toán, kiêm Tổ trưởng chuyên môn tổ tự nhiên; Từ năm 2016 đến nay là Phó hiệu trưởng trường THPT Mông Dương; Ông Nguyễn Thái Quảng tốt nghiệp Đại học Sư phạm Toán trường Đại học sư phạm Hà Nội 2; năm 2018 ông Nguyễn Thái Quảng theo học và tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý giáo dục vào năm 2021; đến năm 2019 theo học và tốt nghiệp lớp cao cấp lý luận chính trị.

[H11-2.1-08];[H11-2.1-06];[H11-2.1-05];[H4-1.4-01];

b) Trong năm năm gần đây thực hiện đánh giá hiệu trưởng, hiệu phó theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường THPT xếp loại từ khá trở lên, nhiều năm liên tục đạt

danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và nhận được bằng khen, giấy khen của ngành, của công đoàn, hồ sơ thi đua.[H1-1.1-02];[H2-1.2-09];[H11-2.1-03];[H2-1.2-08]

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tự thu thập, mã hoá minh chứng và thực hiện tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí Chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đồng thời tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia góp ý, đánh giá và tổng hợp điểm gửi về Sở GD&ĐT đánh giá xếp loại theo quy định.[H2-1.2-09];[H11-2.1-09];[H7-1.7-02];

Từ năm học 2021-2022 đến nay, kết quả tổng hợp đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.[H11-2.1-01];[H7-1.7-02];

Hàng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều nhận được giấy khen, bằng khen, danh hiệu chiến sĩ thi đua của các cấp có thẩm quyền.[H11-2.1-02];[H11-2.1-02];[H2-1.2-09];

c) Từ năm học 2021-2022 đến nay, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục; các lớp tập huấn về triển khai chương trình giáo dục 2018; các lớp tập huấn sử dụng SGK 10,11 các lớp bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học; kiểm tra đánh giá theo thông tư 22 (dạy học theo chủ đề và phương pháp hướng dẫn học sinh tự học, phương pháp giáo dục học sinh khuyết tật; dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, giáo dục Stem, nghiên cứu khoa học kĩ thuật ...);[H11-2.1-03];[H11-2.1-05];[H11-2.1-04];

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị do các cấp tổ chức.[H11-2.1-07];

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, hiệu phó có đủ phẩm chất, chính trị, đạo đức, lối sống, sức khỏe và nghiệp vụ tốt để đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới trong giáo dục hiện nay

- Hiệu trưởng, hiệu phó có lập trường tư tưởng vững vàng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, trình độ công nghệ thông tin tương đối tốt từ đó việc xây dựng chiến lược, tầm nhìn, quản trị nhà trường tốt.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Nâng cao trình độ ngoại ngữ đặc biệt là Tiếng Anh đối với CBQL	CBQL	Qua các buổi tập huấn chuyên môn, các chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là các lớp bồi dưỡng về năng lực Tiếng Anh	Bắt đầu từ năm 2024 -2025 và những năm về sau	Trả theo chế độ công tác phí hiện hành	Nguồn ngân sách (nếu có)

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024, Trường Trung học phổ thông Mông Dương đều có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Riêng trong năm học 2023-2024 nhà trường có 33 cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp giảng dạy các môn học cho 15 lớp.[H12-2.2-01];[H12-2.2-02]

Biểu 1: Cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2023 -2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	01	
Phó hiệu	02	01	0	0	02	01	

trưởng							
Giáo viên	30	28	03	0	27	08	
Nhân viên	04	04	0	0	04	0	
Cộng	37	34	03	0	32	10	

Biểu 2: Số liệu giáo viên hàng năm:

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	30	30	30
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	2	2	2

a) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học thể hiện trong danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo[H12-2.2-02];

b) Để đảm bảo hoạt động dạy và học của nhà trường, các giáo viên được Ban giám hiệu phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo theo từng năm học, tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao[H12-2.2-01];

Biểu 03: Số liệu về trình độ giáo viên trong nhà trường từ năm 2021 - 2024:

Trình độ	Năm học			Ghi chú
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Từ Đại học trở lên	33/33 (100%)	31/31 (100%)	34/34 (100%)	
Thạc sĩ	9/33 (27,3%)	9/33 (27,3%)	10/33 (30,3%)	

c) Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đều đạt 100%, trong đó tỉ lệ giáo viên đạt loại Tốt trong năm học 2023-2024 là 10% được thể hiện trong hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên, hồ sơ thi đua và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm, các báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết của nhà trường.[H12-2.2-03]; [H12-2.2-02]; [H2-1.2-09];

Biểu 04: Số lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trong nhà trường 2021-2024

Xếp loại	Năm học	Ghi
----------	---------	-----

	2021-2022	2022-2023	2023-2024	chú
Tốt	0/30	0/30	3/30	
Khá	30/30	30/30	30/30	
Đạt	0/30	0/30	0/30	
Chưa đạt	0/30	0/30	0/30	
Tổng số Giáo viên đạt chuẩn	30/30=100%	30/30=100%	30/30=100%	

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định được thể hiện trong danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo[H12-2.2-04];

Biểu 05: Số liệu về trình độ giáo viên trên chuẩn từ năm 2021 - 2024:

Trình độ	Năm học			Ghi chú
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Thạc sĩ	9/33=27,3%	9/33=27,3%	10/33=30,3%	

b) Trong 5 năm liên tiếp nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên thể hiện trong hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên, hồ sơ thi đua, báo cáo tổng kết của nhà trường hàng năm.[H12-2.2-03]; [H1-1.1-02];[H12-2.2-05];

c) Hằng năm nhà trường phân công cho giáo viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh theo kế hoạch của nhà trường (hồ sơ nghề phổ thông, kế hoạch hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm (hình ảnh minh chứng); hướng dẫn nghiên cứu khoa học kĩ thuật. Từ năm học 2021 đến nay nhà trường liên tục tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật, vận dụng kiến thức liên môn, An toàn giao thông và đạt được một số kết quả đáng khích lệ. [H1-1.1-02];[H2-1.2-09];

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, được thể hiện trong hồ sơ đánh giá, báo cáo tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm.[H12-2.2-03];

Biểu 06: Số lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong nhà trường từ 2021 - 2024:

Xếp loại	Năm học			Ghi chú
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Tốt	0/30	0/30	3/30	
Khá	30/30	30/30	30/30	
Đạt	0/30	0/30	0/30	
Chưa đạt	0/30	0/30	0/30	
Tổng số Giáo viên đạt chuẩn	30/30=100%	30/30=100%	30/30=100%	

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; trong 5 năm liên tiếp nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định; Từ năm 2021-2024 nhà trường đều tổ chức tư vấn nghề cho các em học sinh khối 12; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông có bằng nghề phổ thông đạt 100%. Đặc biệt, tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Giáo viên trong nhà trường đều có tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy và xử lý các tình huống sư phạm còn có những hạn chế nhất định nên hiệu quả công việc chưa cao.

Các giáo viên trong nhà trường đều có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhưng chưa thực sự chuyên sâu về lĩnh vực khoa học của bộ môn mình đang giảng dạy.

Một số giáo viên trình độ tiếng Anh, Tin học còn hạn chế nên việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Giáo viên tăng cường công tác tự nghiên cứu các lĩnh vực khoa học của bộ môn mình giảng dạy	Toàn thể giáo viên nhà trường	- Nhà trường - Giáo viên - Học sinh - Hoạt động nghiên cứu khoa học - kĩ thuật các cấp	Từ tháng 8/2024 trở đi	Theo văn bản đề nghị	Nguồn ngân sách (nếu có)

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm
- b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 04 nhân viên làm công tác văn thư, kế toán, y tế, thiết bị trước tháng 8 theo Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các hợp đồng lao động với văn thư, kế toán, y tế, thư viện, thiết bị (Số 1519/QĐ-SGD&ĐT ngày 09/09/2010; Số 11/QĐ-SGD&ĐT ngày 07/01/2011; Số 1472/QĐ-SGD&ĐT ngày 3/10/2012; Số 4099/QĐ-SGD&ĐT ngày 04/10/2013).[H13-2.3-01];

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường hàng năm được biên chế cho nhà trường là 04 nhân viên (Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU về đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” của Tỉnh Quảng Ninh) được nhà trường phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người như sau: một nhân viên văn thư, một nhân viên thiết bị, một nhân viên y tế, một nhân viên kế toán đáp ứng được các nhiệm vụ được giao.[H13-2.3-01];[H7-1.7-06];

c) Hàng năm, nhân viên của nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được đánh giá trong hồ sơ thi đua của nhà trường; các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường và có hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên hàng năm.[H1-1.1-02];[H2-1.2-09];[H7-1.7-04];[H13-2.3-02];

Mức 2:

a) Nhân viên của nhà trường gồm 04 đồng chí, thực hiện các nhiệm vụ sau: đồng chí nhân viên văn thư Nguyễn Thị Quỳnh; đồng chí nhân viên thiết bị Phạm Thị Ngọc Tâm; đồng chí nhân viên y tế Triệu Thị Khuyên; đồng chí nhân viên kế toán Đinh Thị Thu.[H13-2.3-01];

b) Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.[H1-1.1-02];[H7-1.7-04];[H2-1.2-09];

Mức 3:

a) Các đồng chí nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.[H13-2.3-01];

b) Hàng năm, các đồng chí nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công cũng như thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được điều động theo quy định.[H13-2.3-03];[H13-2.3-04];[H13-2.3-05];[H13-2.3-06];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công; các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng đồng chí. Đội ngũ nhân viên đủ, đúng theo quy định và trình độ.

Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 các đồng chí nhân viên đều hoàn thành tốt đến hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên chuyên trách về công tác thư viện. Nhà trường phân công 01 giáo viên còn thiếu tiết tiêu chuẩn kiêm công tác thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Cử nhân viên tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ khi có lớp bồi dưỡng.	Nhân viên	Căn cứ các kế hoạch, quyết định, công văn, văn bản chỉ đạo...	Từ năm học 2024-2025	Theo văn bản đề nghị	Nguồn ngân sách hoặc xã hội hóa
Tham mưu với	Ban lãnh	Căn cứ kế	Từ năm		

các cơ quan có thẩm quyền để đáp ứng có đầy đủ nhân viên chuyên trách	đạo nhà trường	hoạch, văn bản chỉ đạo để có đề xuất kịp thời.	học 2024-2025		
Tổ chức cho giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm đi tập huấn, học tập từ trường bạn về kinh nghiệm, cách quản lí hồ sơ, sổ sách trong thư viện...	Nhân viên kiêm nhiệm thư viện	- Căn cứ các kế hoạch, quyết định, công văn, văn bản chỉ đạo... - Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường.	Từ năm học 2024-2025		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định

Mức 2:

a) Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực

Mức 3:

a) Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong các năm qua, học sinh của nhà trường luôn đảm bảo quy định về tuổi học sinh học trung học theo Điều lệ trường trung học (Số 32/2020/TT-BGDĐT- ngày 15/09/2020). Hằng năm, nhà trường thống kê danh sách học sinh có đầy đủ các thông tin về năm sinh. Theo dõi lý lịch học sinh thông qua sổ gọi tên ghi điểm[H14-2.4-01]; sổ chủ nhiệm[H5-1.5-02]; sổ đăng bộ của nhà trường[H5-1.5-01];

b) Học sinh của nhà trường được học tập về nhiệm vụ của học sinh, được giáo dục đạo đức toàn diện của người công dân mới: Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước . Được tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, được thể hiện qua báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường[H1-1.1-02]; sổ chủ nhiệm[H5-1.5-02]; các minh chứng liên quan đến tư vấn cho học sinh[H14-2.4-02];[H1-1.1-02];.

c) Trong các năm học, nhà trường thực hiện giảng dạy 13 bộ môn gồm: Toán, Lí, Hóa, Sinh, Sử, Địa, Văn, Tiếng Anh, Công nghệ, GD&ĐT, Thể dục, Giáo dục quốc phòng an ninh, Tin học, với thời lượng 35-37 tuần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường THPT. Ngoài hoạt động học tập, học sinh trong trường còn được tham gia tất cả các hoạt động giáo dục khác của nhà trường như: giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống; các hoạt động Đoàn thanh niên như: văn nghệ thể thao, các hoạt động nhân đạo; được tham gia các hoạt động tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên, tư vấn tâm lí, tư vấn hướng nghiệpvà đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 Điều lệ trường trung học. Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, thói quen giao tiếp với thầy cô giáo, người lớn tuổi, bạn bè đúng mực, nói năng lễ phép, không gây gổ mất đoàn kết trong

học sinh đó là nhiệm vụ hàng năm của nhà trường. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá tốt nhà trường trong các năm qua đạt trên 80% thể hiện qua báo cáo sơ kết, tổng kết các năm của nhà trường[H1-1.1-02]. Tuy nhiên qua các năm một số hoạt động tư vấn tâm lý, tư vấn hướng nghiệp, tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh chưa được tiến hành đều đặn, thường xuyên, được thể hiện qua báo cáo hoạt động công tác tư vấn trong các minh chứng liên quan đến tư vấn cho học sinh[H14-2.4-02]. Vẫn còn hiện tượng học sinh gây gổ, vi phạm nội quy của lớp, của trường.

Mức 2:

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, bí thư Đoàn thanh niên, các học sinh cốt cán, nòng cốt từ cán bộ lớp, chi đoàn là cánh tay đắc lực trong việc giáo dục cũng như phát hiện kịp thời các hành vi học sinh không được làm theo điều 36 và điều 37 điều lệ trường trung học (Số 32/2020/TT-BGDĐT- ngày 15/09/2020). Các biện pháp giáo dục phù hợp được giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, bí thư Đoàn trường, các ban tư vấn học đường sử dụng để tư vấn, giáo dục cho các em như: chia sẻ, động viên, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, đồng cảm, làm bạn, nêu gương, khen thưởng, phê bình...Hàng tuần Lãnh đạo nhà trường tổ chức họp giao ban với các bộ phận: giáo viên chủ nhiệm, bí thư Đoàn thanh niên, giáo viên phụ trách theo dõi hoạt động dạy - học để nắm bắt kịp thời tình hình học sinh, qua đó khi học sinh vi phạm các hành vi không được làm đã được phát hiện kịp thời, được GVCN, GVBM, tổ chức Đoàn Thanh niên...đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp và đã có sự chuyển biến rõ rệt, tỉ lệ HS có hạnh kiểm yếu giảm qua 4 năm học gần đây thể hiện trong báo cáo tổng kết của nhà trường[H1-1.1-02]; qua sổ chủ nhiệm[H5-1.5-02]; các minh chứng liên quan đến tư vấn cho học sinh[H14-2.4-02];

Bên cạnh đó một số học sinh khi vi phạm quy định về luật an toàn giao thông đường bộ; nội quy, quy định của trường, của lớp mặc dù được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục nhưng chưa có sự chuyển biến rõ rệt, vẫn còn hiện tượng học sinh tái phạm luật an toàn giao thông đường bộ, nội quy, thể hiện qua sổ chủ nhiệm[H5-1.5-02]. Tỷ lệ học sinh trong trường đạt hạnh kiểm ở mức tốt, khá qua các năm không ổn định, chưa có sự tiến bộ rõ rệt, vẫn còn học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu[H1-1.1-02];

Mức 3:

Nhà trường trong nhiều năm qua có các thể hệ học sinh phát huy truyền thống học tập tốt, mang lại nhiều thành tích học tập. Các giải cấp tỉnh môn văn hóa luôn đều đặn cùng với các giải thể dục thể thao cấp thành phố, cấp tỉnh [H14-2.4-04];

2. Điểm mạnh

Trong các năm qua, học sinh của nhà trường luôn đảm bảo quy định về tuổi học sinh học trung học theo Điều lệ trường trung học. Học sinh của nhà trường được học tập về nhiệm vụ của học sinh thông qua các hoạt động giáo dục theo đúng Điều lệ trường trung học. Trong các năm học, học sinh nhà trường được học tập đầy đủ các bộ môn với thời lượng 35-37 tuần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường THPT. Học sinh được tham gia tất cả các hoạt động giáo dục khác của nhà trường như giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động tập thể, hoạt động Đoàn thanh niên, văn nghệ thể thao, hoạt động nhân đạo; được giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, các em đã có thói quen giao tiếp với thầy cô giáo, người lớn tuổi, bạn bè đúng mực, nói năng lễ phép. Được tham gia các hoạt động tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên, tư vấn tâm lý, tư vấn hướng nghiệp... Thực hiện đúng trang phục quy định tại Điều lệ trường trung học, tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá tốt luôn đạt trên 80% trên tổng số học sinh toàn trường. Những học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và đa số có chuyển biến tích cực trong năm học và không tái phạm.

3. Điểm yếu

Công tác tư vấn cho học sinh của tổ tư vấn nhà trường hoạt động còn mỏng chưa được thực hiện đều đặn, thường xuyên, chưa có chế độ cho giáo viên kiêm nhiệm nhiệm vụ tư vấn; vẫn còn tình trạng học sinh tái phạm nội quy trường, lớp chưa có chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ học sinh trong trường đạt hạnh kiểm ở mức tốt, khá qua các năm không ổn định, chưa có sự tiến bộ rõ rệt, vẫn còn học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
--------------------------------	------------------------	-------------------------------	----------------------------

Tham mưu cho Sở giáo dục cùng với các trường THPT trên địa bàn thành phố để thực hiện tốt công tác tuyển sinh học sinh đầu cấp, tổ chức đoàn đến Cộng Hòa, Cẩm Hải tìm hiểu hoàn cảnh, vận động tối đa học sinh đầu cấp đi học	BLĐ, Chính quyền địa phương	Có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh	Thực hiện vào tháng 4, tháng 5 hằng năm
Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, GVCN, GVBM, cha mẹ học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục, tư vấn cho HS.	BLĐ, ĐTN, GVCN, GVBM, Cha mẹ học sinh	Có các văn bản hướng dẫn, kế hoạch cụ thể	Trong năm học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

Đội ngũ lãnh đạo nhà trường có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý tốt, có phẩm chất trong lãnh đạo và quản lý, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao; luôn chịu khó học tập, tích lũy kinh nghiệm quản lý giáo dục để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chức trách được giao. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên của nhà trường đảm bảo về số lượng và cơ cấu có chất lượng tốt. Các môn học đã có giáo viên đúng chuyên môn giảng dạy với trách nhiệm và lòng yêu nghề cao. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Chính vì thế, trong những năm qua, nhà trường có nhiều cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi các cấp, nhiều học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

Điểm yếu:

Tuy nhiên, với đội ngũ giáo viên không ổn định, thường xuyên biến động qua mỗi năm học, nhiều giáo viên không phải người địa phương có nhà ở xa trường cũng là một khó khăn của nhà trường. Bên cạnh đó, một số ít giáo viên còn thụ động trong công việc, chưa có ý chí phấn đấu để trở thành giáo viên dạy giỏi các cấp hay cố gắng thi đua để đạt các danh hiệu để khen cao.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Mông Dương thuộc Tổ 7, Khu 2, Phường Mông Dương, được xây dựng vào năm 2002 bao gồm các hạng mục: khuôn viên, khu sân chơi bãi tập, khu phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập, khối hành chính – quản trị, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước và thư viện. Năm 2009 được bổ sung khu Nhà Đa năng. Khối phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, đủ phòng để học sinh học tập, bên trong có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, khối phòng hành chính quản trị đảm bảo yêu cầu. Hệ thống nước sạch ổn định, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu, công trình nhà vệ sinh, nhà để xe đạt chuẩn bảo đảm tốt cho các hoạt động của nhà trường. Những năm qua, nhà trường đã rà soát, tham mưu với cấp trên bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đảm bảo theo các tiêu chí xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời, Nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục để tu bổ khuôn viên cây bóng mát, rèm cửa học sinh, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập đảm bảo quy định và có được một môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường

Mức 2:

- a) Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục

Mức 3:

- a) Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường THPT Mông Dương nằm ở phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, được xây dựng tại địa điểm tổ 7, khu 2, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả vào năm 2002 với khuôn viên rộng rãi, tổng diện tích sử dụng của nhà trường là 6613m^2 (Theo quyết định số 1146/QĐ-UB ngày 12/4/2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh), đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, để tổ chức các hoạt động giáo dục[H15-3.1-01];[H15-3.1-02];[H15-3.1-03];

- b) Cổng trường có chiều cao 4,8m, chiều rộng 6,4m, cánh cổng làm bằng sắt, nội dung biển tên trường gồm:

+ Góc phía trên: dòng thứ nhất ghi “Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh”; dòng thứ hai ghi “Trường THPT Mông Dương”;

+ Xung quanh trường là hệ thống tường rào được xây dựng kiên cố có chiều cao từ 2m trở lên để đảm bảo an ninh trường học [H15-3.1-03];

- c) Diện tích sân chơi trên 1000m^2 , được lát gạch nhằm phục vụ các hoạt động của cả trường như Khai giảng, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; trong sân trường trồng nhiều cây xanh và các chậu hoa được bố trí xen kẽ xung quanh sân trường. Sân

tập thể dục với diện tích khoảng gần 2000m², được bố trí kèm theo các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ cho việc tổ chức dạy học thể dục (hồ nhảy, ván giậm nhảy, đường chạy đà, đệm nhảy, xà, cột bóng rổ, sân bóng đá mini); nhà trường có nhà tập đa năng [H15-3.1-03];

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích khoảng trên 3000m² trong tổng diện tích sử dụng, có thể tổ chức được các hoạt động của cả trường như: Khai giảng, ngoại khóa, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... Khu sân chơi nhiều cây bóng mát có đường kính từ 20 đến 40cm, cây cảnh, bồn hoa. Ngoài hợp đồng với nhân viên lao công phụ trách các khu nhà vệ sinh và chăm sóc hệ thống cây, hoa, nhà trường còn phân công các lớp học sinh luân phiên trực vệ sinh các khu vực sử dụng chung theo tuần, định kỳ thực hiện tổng vệ sinh nhằm đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan xanh – sạch – đẹp trong toàn bộ khuôn viên trường[H6-1.6-02];[H1-1.1-02];[H15-3.1-02];[H15-3.1-03];

Mức 3:

Từ năm 2021 đến 2025, năm học 2023-2024 nhà trường có 664 học sinh, là năm có số học sinh đông nhất. Với số học sinh này thì diện tích trung bình cho 1 học sinh là 10 m². Khu sân chơi, bãi tập có diện tích trên 3000m², chiếm gần 50% tổng diện tích sử dụng của nhà trường[H1-1.1-02];[H6-1.6-02]; [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03];

[H15-3.1-01];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục; khu sân chơi, bãi tập có diện tích sử dụng đảm bảo đúng đủ theo qui định của Điều lệ trường trung học phổ thông, đáp ứng tốt các yêu cầu về thiết bị, đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục. Cổng trường, biển trường theo qui định của Điều lệ trường trung học phổ thông, tường rào bao quanh với chiều cao từ 2m trở lên đảm bảo công tác an toàn trong trường học.

3. Điểm yếu

Khu giáo dục thể chất thiết bị còn chưa phong phú, một số thiết bị sử dụng thường xuyên nên chất lượng đã xuống cấp; chưa có sân bóng rổ, đường chạy 100m.

Khuôn viên phía sau dãy phòng học nền gạch bị bong tróc, vỡ; xung quanh sân giáo dục thể chất (đường chạy) bề mặt bị hỏng.

Khu đất phía ngoài, giáp ranh với đường dân sinh (Phía tây) hiện tại chưa sử dụng và chưa được nâng cấp, cải tạo.

Hệ thống chiếu sáng xung quanh trường có độ rọi và độ tương phản thấp nên ảnh hưởng đến tầm nhìn, quan sát khi tổ chức các hoạt động tập thể ngoài trời và kiểm tra, công tác an ninh trường học vào ban đêm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, nhà trường đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, đầu tư tu bổ, cải tạo hệ thống bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát. Tham mưu, đề xuất với SGDĐT tỉnh Quảng Ninh, các cơ quan có thẩm quyền xin cấp thêm kinh phí để bổ sung thêm trang thiết bị thể dục; cải tạo sân bóng rổ, đường chạy 100m; xây dựng bồn hoa, cây cảnh và hệ thống đèn chiếu sáng.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Lát gạch phía sau khu nhà học, đường chạy xung quanh sân giáo dục thể chất (Sân bóng mini)	- Hiệu trưởng - Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất - Kế toán	- SGDĐT phê duyệt dự toán kinh phí - Phối hợp với nhà thầu để thực hiện - Giáo viên giáo dục thể chất tư	Từ năm học 2025-2026	245 triệu	Ngân sách của Tỉnh

		vấn chuyên môn			
Hệ thống chiếu sáng xung quanh trường	-Hiệu trưởng -Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất - Kế toán	- SGDĐT phê duyệt dự toán kinh phí - Phối hợp với nhà thầu để thực hiện	Từ năm học 2025-2026	72 triệu	Ngân sách của Tỉnh hoặc xã hội hóa
Xây bồn hoa xung quanh khuôn viên nhà trường	-Hiệu trưởng -Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất - Kế toán	- SGDĐT phê duyệt dự toán kinh phí - Phối hợp với nhà thầu để thực hiện	Từ năm học 2025-2026	390 triệu	Ngân sách của Tỉnh
Mua cây cảnh, hoa các loại trồng vào bồn hoa	Tổ văn phòng	- Ban đại diện CMHS các lớp. - PHT Từ Thị Ngoan - Giáo viên chủ nhiệm	Theo từng năm	50 triệu	Nguồn xã hội hóa

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định

Mức 3:

a) Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học phổ thông Mông Dương có 09 phòng học, mỗi phòng có diện tích khoảng 45 m²/phòng học, trong mỗi phòng học được kê 24 bộ bàn ghế, đáp ứng cho khoảng 48 học sinh, 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 bảng chống lóa, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 06 quạt trần, 12 bóng điện thấp sáng. Hệ thống cửa sổ bằng kính, rèm cửa chống lóa, cản nắng vào mùa hè, kín gió về mùa đông được theo dõi trong sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục và biên bản kiểm tra tài sản hàng năm của nhà trường[H6-1.6-02];[H16-3.2-01];[H16-3.2-02];

b) Bên cạnh các phòng học, nhà trường có đầy đủ các phòng học bộ môn bao gồm: Phòng học bộ môn Âm nhạc (01 phòng), phòng học bộ môn Mỹ thuật (01 phòng), phòng học bộ môn Công nghệ (01 phòng), phòng học bộ môn Tin học (01 phòng), phòng học bộ môn Ngoại ngữ (01 phòng), phòng đa chức năng (01 phòng), phòng học bộ môn Vật lý (01 phòng), phòng học bộ môn Hóa học (01 phòng), phòng học bộ môn Sinh học (01 phòng), phòng học bộ môn Khoa học xã hội (02 phòng). Mỗi phòng học bộ môn đều có chỗ ngồi dành cho học sinh, giáo viên cùng các trang

bị thiết bị, đồ dùng học tập, thí nghiệm. Các phòng bộ môn được lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, quạt điện, bảng nội quy phòng bộ môn.[H16-3.2-01];[H6-1.6-02];

c) Ngoài ra, trường Trung học phổ thông Mông Dương có đầy đủ các phòng thuộc khối phục vụ học tập như:

Thư viện có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành cho giáo viên và học sinh

Phòng thiết bị giáo dục (01 phòng) có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

Phòng tư vấn học đường (01 phòng) đảm bảo tính kín đáo, riêng tư.

Phòng truyền thống: (01 phòng) trang bị đầy đủ thiết bị quạt, đèn điện, các tủ lưu trữ, đây là nơi lưu giữ và trưng bày các hình ảnh, tư liệu, hiện vật về quá trình hình thành và phát triển, hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Phòng Đoàn Thanh niên (01 phòng) được trang bị đầy đủ thiết bị: Bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy tính, máy in[H16-3.2-02];[H16-3.2-01];

Mức 2:

a) Phòng học và phòng học bộ môn của nhà trường được xây dựng đạt chuẩn theo quy định (quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT) về yêu cầu kỹ thuật về nền nhà, cửa, ánh sáng, bố trí bàn ghế, trang thiết bị, điều kiện an toàn [H16-3.2-01];[H6-1.6-02];[H16-3.2-02];

b) Đảm bảo về số lượng có 02 phòng học Khoa học xã hội; Phòng Đoàn thanh niên và phòng Truyền thống được bố trí riêng biệt.[H16-3.2-01]; [H16-3.2-02];[H6-1.6-02];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng phòng học, mỗi phòng học trong có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đảm bảo điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

Có đầy đủ các phòng học bộ môn theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh.

Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của Cán bộ giáo viên và học sinh

3. Điểm yếu

Diện tích phòng học và phòng bộ môn chưa đảm bảo diện tích quy định theo thông tư 14/2020/TT-BGDĐT

Thư viện chưa đảm bảo số lượng chỗ ngồi và chưa có phòng đọc riêng dành cho giáo viên và học sinh

Các phòng học bộ môn chưa được trang bị các thiết bị hỗ trợ, thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn (ở các phòng Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học xã hội); Bên cạnh đó ở một số phòng bộ môn đã trang bị các thiết bị dạy học nhưng chưa đầy đủ (phòng Vật lí, Sinh học, Công nghệ)

Hệ thống mạng ở khu nhà học chưa ổn định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện.	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Sửa chữa, thay thế các trang thiết bị đã xuống cấp ở các phòng học (bàn ghế, máy chiếu ở một số lớp), phòng bộ môn (dụng cụ thí nghiệm, hóa chất, hệ thống xử lí hóa chất, dụng cụ học tập môn Thể dục, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Có sự hỗ trợ kinh phí của nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa từ phụ huynh học sinh	Từ năm học 2024 - 2025
Bổ sung trang thiết bị mới cho các phòng học (bảng thông	Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng phụ	Có sự hỗ trợ kinh phí của nhà nước	

minh, màn hình, màn hình tivi) Bổ sung thêm các thiết bị và học liệu học tập ở các phòng bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ;	trách cơ sở vật chất	hoặc nguồn xã hội hóa từ phụ huynh học sinh	
Sửa chữa, hệ thống mạng Internet	Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Có sự hỗ trợ kinh phí của nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa từ phụ huynh học sinh	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị

Mức 2:

a) Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh

Mức 3:

a) Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Mông Dương hiện tại có 14 phòng ở khối hành chính – quản trị, trong đó: 01 phòng Văn thư; 01 phòng Y tế; 03 phòng làm việc của Ban giám hiệu; 01 phòng Kế toán; 01 phòng Tiếp dân; 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Đoàn thanh niên, 01 phòng bảo vệ. Các phòng được lắp đặt hệ thống quạt điện, đèn chiếu sáng và được trang bị máy móc và thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành (máy tính, máy in, bàn ghế, tủ đựng tài liệu...). Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, số lượng thiết bị đảm bảo theo yêu cầu. Phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi được thể hiện trên hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường sơ đồ tổng thể của nhà trường, trong sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục [H15-3.1-02]; [H16-3.2-02]; [H6-1.6-02] [H17-3.3-02];[H17-3.3-03];

b) Khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên diện tích khoảng trên 100m² được bố trí sát với dãy nhà Hiệu bộ, được lợp bằng tôn có chiều cao trên 4m, không chung với nhà xe của học sinh và cách xa cổng trường, có đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường được thể hiện trên sơ đồ tổng thể của nhà trường [H16-3.2-02];

c) Hàng năm nhà trường đề ra kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị[H17-3.3-01]; kiểm tra tài sản và bổ sung các thiết bị nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường và có kế hoạch cụ thể cho vấn đề trên[H6-1.6-02] ;[H16-3.2-02]; [H17-3.3-01];

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị nhà trường có các phòng: 01 phòng tiếp dân và 01 phòng khách có diện tích gần 60m², 01 phòng Hiệu trưởng và 01 phòng Tổ chuyên môn có diện tích gần 60m² và 02 phòng Phó Hiệu trưởng với diện tích gần 20m², phòng Công đoàn có diện tích trên 20m² , 01 phòng Văn thư và 01 phòng Y tế có diện tích 20m² , 01 phòng bảo vệ có diện tích 09m² được đặt sát cổng trường, được thể hiện trên sổ quản lý thiết bị giáo dục Biên bản kiểm kê tài sản và hình ảnh, tư liệu của nhà trường. Phòng tuyên thống và phòng Đoàn Thanh niên bố trí riêng biệt. Cổng - tin được bố trí cách xa dãy nhà học, đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho

cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường.[H6-1.6-02];[H16-3.2-02]; [H17-3.3-01];[H17-3.3-02];[H17-3.3-03];

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Các phòng học bộ môn mỗi phòng có diện tích khoảng hơn 40 m², trong các phòng đều có tủ đựng thiết bị, được trang trí ảnh các nhà bác học, khẩu hiệu, nội quy phòng học, có bồn nước rửa tay cho giáo viên và học sinh sau khi thực hành. Khối hành chính - quản trị ngoài việc bổ sung, đổi mới các thiết bị còn được kết nối các thiết bị với hệ thống internet, có trang Web nhà trường để việc thông tin đến cha mẹ học sinh kịp thời, nhanh chóng [H16-3.2-02];[H16-3.2-01];

2. Điểm mạnh

Trường THPT Mông Dương có khu hành chính, quản trị của nhà trường có phòng thư viện, phòng truyền thống và hoạt động đoàn đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động tối thiểu của nhà trường. Hàng năm nhà trường luôn tổ chức kiểm tra tài sản, thiết bị giáo dục và có kế hoạch bổ sung các thiết bị. Khu để xe rộng rãi được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc và học tập.

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Các phòng đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế, phương tiện làm việc, có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ tốt hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các phòng thiết bị, văn phòng đôi khi sắp xếp chưa khoa học, gọn gàng. Diện tích chưa đủ rộng, hiện tại hai tổ chuyên môn còn sinh hoạt chung trong một phòng. Chưa có khu vệ sinh và phòng nghỉ chờ cho giáo viên tại mỗi dãy tầng nhà học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Tham		Các bộ	Trong		Ngân sách

mưu với các cấp lãnh đạo để xây dựng phòng làm việc của khối hành chính chưa đảm bảo diện tích	Hiệu trưởng	phận có liên quan và có đủ diện tích để xây dựng	những năm học tới		của Tỉnh
Tiếp tục nâng cấp một số trang thiết bị và hệ thống mạng Internet tại các phòng làm việc của khối hành chính	Nhân viên thiết bị và Giáo viên Tin học	- Phối hợp với Công ty nhiệt điện AES. - Tổ viễn thông VNPT Mông Dương	Trong những năm học tới		
Thường xuyên chú trọng bảo trì, bảo dưỡng các	Nhân viên thiết bị và giáo viên Tin học	Cá nhân quản lý các phòng hành chính	Kiểm tra bảo dưỡng định kì		

máy vi tính để sử dụng được bền lâu.		quản trị			
Xây dựng khu vệ sinh và phòng chờ nghỉ cho giáo viên tại khu dãy nhà học	Nhà trường	Lựa chọn thời gian xây dựng hợp lí để đảm bảo an toàn cho học sinh	Trong những năm học tới		Ngân sách nhà nước

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, nữ (với tổng diện khoảng 140m², trong đó khu vệ sinh nam có 09 phòng vệ sinh riêng (bình quân 27.6 học sinh/phòng và 02 máng tiểu, mỗi máng tiểu có chiều dài 3.1m(đảm bảo cho 310 học sinh, năm học 2021-2022 có 256 học sinh nam); khu vệ sinh nữ có 10 phòng vệ sinh riêng và 10 chỗ ngồi tiểu tiện tổng chiều dài 3.1m (đảm bảo cho 400 học sinh nữ, năm học 2021-2022 có 314 học sinh nữ); Bồn rửa tay có 13 bồn (Trong đó khu vệ sinh nam có 03 bồn, khu vệ sinh nữ có 03 bồn và 01 bồn có 7 vòi rửa tay ở đầu hồi nhà Đa Năng); Khu vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên có 03 khu (với diện tích khoảng 40m², trong đó có 03 phòng vệ sinh nam, 03 phòng vệ sinh nữ, 01 vệ sinh chung). Các khu nhà vệ sinh hoàn toàn khép kín và tự hoại đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh sử dụng cho cả học sinh khuyết tật học hòa nhập. Sổ quản lý tài sản thiết bị giáo dục[H18-3.4-02];Sổ quản lý tài sản[H6-1.6-02]; Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch.[H18-3.4-01]; báo cáo sơ kết, tổng kết[H1-1.1-02];

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.Địa hình nhà trường thuận tiện, ở vị trí cao nên nước thoát rất tiện lợi, hệ thống thoát nước xung quanh trường với chiều dài khoảng 1500m, chiều rộng 50cm, chiều sâu 60cm, được nạo vét hằng năm trước mùa mưa. Nước uống cho giáo viên, học sinh được cung cấp nước uống đóng bình do Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đình Chung cung cấp [H18-3.4-04];và được Sở Y tế Quảng Ninh chi cục an vệ sinh an toàn thực phẩm phê duyệt[H18-3.4-01];[nhà trường sử dụng nước máy của Thành phố để cung cấp nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Nhà trường hợp đồng với 01 lao công quét dọn sân trường (lao công: Nguyễn Thị Hợi), (theo hợp đồng lao động hàng năm), khu nhà hiệu bộ và các phòng chuyên môn và vận chuyển đến nơi tập kết rác thải theo quy định. Trường có thùng đựng rác thường xuyên được học sinh quét dọn, chuyển ra ngoài cách xa phòng học, và được lao công chuyển đi hàng ngày, không để rác ứ đọng lâu trong khuôn viên trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của nhà trường xây dựng cách khu phòng học gần nhất của học sinh khoảng 60m, được ốp lát đá hoa, hệ thống vệ sinh tự hoại, xả nước bằng tay, phía ngoài có chậu rửa tay, có xà phòng sát khuẩn, nước thải thoát xuống hố tự hoại

không chảy ra môi trường, trong phòng vệ sinh có giấy và thùng đựng rác thải hằng ngày được lao công thu và đưa ra nơi tập kết rác thải để xử lý, không vất ra ngoài khu vực nhà vệ sinh làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, rác được lao công chuyển ra cho công ty thu dọn rác của thành phố Cẩm Phả để xử lý.[H18-3.4-01];[H18-3.4-02];[H18-3.4-03][H18-3.4-04];[H18-3.4-05];

b) Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của BGDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, được khơi thông, kiểm tra và tu sửa định kì hằng năm. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh được hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đình Chung, cung cấp nguồn nước sạch (Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước ngày 08/08/2015; ngày 15/08/2018) đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh[H18-3.4-04]; Có hóa đơn thu tiền nước hàng tháng [H18-3.4-05]; Nhà trường còn có nước giếng khoan để cung cấp nước tưới cho hệ thống vườn hoa, cây cảnh, rửa sân trường.

2. Điểm mạnh

Công trình vệ sinh nhà trường có vị trí phù hợp, thuận tiện, sạch sẽ riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh (riêng cho nam và nữ). Khu vệ sinh của học sinh được thiết kế với nhiều vòi xả nước, liên tục không để mùi hôi bị tồn đọng. Hệ thống thoát nước được xây dựng hợp lý, trải rộng trong phạm vi khuôn viên trường học thuận lợi cho việc thoát nước vào mùa mưa. Hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh, việc thu gom và xử lý rác thải tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường; nước uống đảm bảo đủ tiêu chuẩn, phục vụ đầy đủ cho giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Chưa có khu phân loại rác thải vì vậy học sinh thường vứt lẫn các loại rác khác nhau vào cùng một chỗ.

Nhà vệ sinh học sinh, diện tích nhỏ, hồ tự hoại nhỏ nhu cầu sử dụng cao vì thế việc đảm bảo vệ sinh nước thải còn kém ảnh hưởng đến chất lượng không khí, do vậy khoảng cách chưa được như mong muốn, nhiều em chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Nhà vệ sinh được thiết kế với nhiều vòi nước tiện cho việc xả bồn nhưng do điều kiện thời tiết khí hậu ẩm nên các thiết bị nhanh bị ô xi hóa, hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Đề nghị chính quyền địa phương thực hiện cải tạo hệ thống thoát nước tổng (dọc đường tàu) nhằm hạn chế việc ứ đọng nước mùa mưa	Hiệu Trưởng	Phối hợp với chính quyền địa phương và Công ty tuyển than Cửa Ông	Theo điều kiện thực tế trong năm học.		
Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước phong thí nghiệm Hóa, Sinh	- Hiệu trưởng. - Hiệu phó phụ trách cơ sở vật chất. - Kế toán.	- SGDDT phê duyệt dự toán kinh phí - Phối hợp với nhà thầu để thực hiện.	Từ năm học 2023-2024	350 triệu VNĐ	Ngân sách của Tỉnh

	- Tổ tự nhiên.				
Tham mưu với các cấp quản lí, đầu tư xây thêm hệ thống nhà vệ sinh ở khu phòng học bộ môn, đáp ứng được với số lượng học sinh ngày càng phát triển của nhà trường.	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường.	Hiệu trưởng lên kế hoạch, xin ngân sách của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện dự án.	Trong năm học tùy vào điều kiện thực tế của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.	Theo điều kiện thực tế và quyết định của Sở giáo dục	Theo điều kiện thực tế và quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.
Đầu tư xây dựng, sửa chữa lại Hệ thống vòi nước, nhà vệ sinh, hệ thống xả nước.	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường.	Hiệu trưởng lên kế hoạch, Bàn bạc với ban phụ huynh phối hợp thực hiện	Trong năm học tùy vào điều kiện thực tế của nhà trường	Theo điều kiện thực tế về nguồn xã hội hóa với ban Phụ huynh	Theo điều kiện thực tế và quyết định của Ban Phụ huynh, và nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm

Mức 3:

a) Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Mông Dương có đủ thiết bị văn phòng tại các các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo qui định tại thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường Phổ thông có nhiều cấp học và thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Đối với khối phòng hành chính quản trị:

+ Phòng Hiệu trưởng có đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lí như 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in, điện thoại, lưu điện, màn hình quan sát camera,...và hệ thống chiếu sáng, làm mát đủ tiêu chuẩn.

+ Phòng Phó Hiệu trưởng: 02 phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lí: 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in, điện thoại, lưu điện,... và hệ thống chiếu sáng, làm mát đủ tiêu chuẩn.

+ 01 Phòng kế toán được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ công tác kế toán: 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in, điện thoại, lưu điện,... và hệ thống chiếu sáng, làm mát đủ tiêu chuẩn.

+ 01 phòng văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ công tác văn thư, văn phòng: 01 máy tính để bàn, 01 máy in, 01 máy photo, 01 máy scan... và hệ thống chiếu sáng, làm mát.

- Khối phòng học tập:

+ Phòng học: nhà trường có 15 phòng học, mỗi phòng được trang bị đầy đủ: bàn, ghế học sinh đúng qui cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh (mỗi phòng có 24 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi; 01 bàn ghế giáo viên; 01 bảng lớp; 01 bảng tin lớp học); hệ thống chiếu sáng (12 bóng đèn điện), 4 quạt mát.

+ Phòng Hóa học: 01 phòng

+ Phòng Vật lý: 01 phòng

+ Phòng Tin học: 02 phòng

+ Nhà đa chức năng: 01 nhà

- Đối với khối phòng hỗ trợ học tập:

+ Phòng thư viện: được trang bị đầy đủ các tủ, giá sách, bàn ghế đọc cho học sinh; 01 bộ máy vi tính để bàn; hệ thống chiếu sáng, quạt mát.

+ Phòng thiết bị giáo dục: 01 phòng được trang bị các tủ, giá để đựng thiết bị dạy học của toàn trường.

+ Phòng Đoàn thanh niên: 01 phòng được trang bị 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in; có hệ thống chiếu sáng, làm mát.

- Khối phụ trợ:

+ Có 01 phòng Hội đồng được trang bị đủ bàn ghế ngồi cho toàn thể giáo viên, nhân viên; đủ hệ thống chiếu sáng, điều hòa, quạt mát.

+ Có 02 phòng tổ chuyên môn được trang bị đủ bàn ghế ngồi; tủ cá nhân cho GV

+ Phòng y tế trường học: 01 phòng được trang bị máy tính để bàn; có tủ thuốc; giường bệnh.

[H16-3.2-02];[H16-3.2-01];[H15-3.1-02];[H15-3.1-03]

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu của nhà trường theo qui định tại thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021: có đủ các thiết bị, dụng cụ, thiết bị thí nghiệm các môn vật lí, công nghệ, tin học, hóa học, sinh học, thể dục, quốc phòng an ninh. [H6-1.6-02]; [H19-3.5-02]

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê theo quy định tại Quyết định 1158/SGDDT ngày 29 tháng 7 năm 2021 về Quy chế quản lí, sử dụng thiết bị giáo dục trong trường mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; các thiết bị hỏng được kiểm tra, sửa chữa như máy chiếu, máy tính, máy in, bàn ghế học sinh...(trong biên bản kiểm kê tài sản của nhà trường),bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm, hóa đơn hoặc hợp đồng sửa chữa các thiết bị :

[H16-3.2-02];[H19-3.5-04];[H19-3.5-03][H19-3.5-05];

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính tại các phòng làm việc, phòng họp, phòng thực hành tin học được kết nối Internet phục vụ công tác quản lí, hoạt động dạy học do Viettel và VNPT cung cấp, thể hiện thông qua các hợp đồng và hóa đơn thanh toán dịch vụ internet theo quy định [H19-3.5-06];[H19-3.5-07]; [H19-3.5-08];

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học, 02 phòng tin học được trang bị 30 máy tính được kết nối Internet. Các phòng học Thực hành Lý – Công nghệ; Thực hành Hóa - Sinh được trang bị đầy đủ bàn, ghế, giá, tủ đựng thiết bị, tủ hút, quạt thông gió; hệ thống điện, nước đảm bảo việc dạy – học thực hành được thực hiện đầy đủ. [H6-1.6-02];[H15-3.1-02];[H15-3.1-03];

c) Hàng năm, nhà trường được SGDĐT cấp bổ sung, nhà trường tự trang sắm thêm các thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng như máy tính, các phần mềm phục vụ cho việc giảng dạy, thiết bị thí nghiệm; bổ sung thêm thiết bị dạy học do giáo viên tự làm[H19-3.5-01];[H19-3.5-09]

Mức 3:

Phòng học bộ môn có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.[H19-3.5-10];[H16-3.2-02]; [H16-3.2-01];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2030/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa, hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

Hằng năm nhà trường được SGDĐT bổ sung thêm các thiết bị dạy học như ,máy tính, các phần mềm phục vụ cho việc giảng dạy.

Kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học một cách khoa học.

Nhà trường rất quan tâm đến việc đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ quá trình dạy học.

Giáo viên tích cực khai thác thiết bị dạy học đặc biệt khai thác sử dụng máy chiếu trong ứng dụng CNTT vào dạy học.

3. Điểm yếu

Số lượng các phòng thực hành còn ít; phân môn Vật lý và công nghệ bố trí cùng một phòng; hóa học và sinh học bố trí cùng 1 phòng; diện tích các phòng thực hành chưa đảm bảo đủ rộng theo qui định nên việc bố trí bàn ghế, thiết bị, tủ đựng thiết bị gặp rất nhiều khó khăn.

Số lượng các bộ thí nghiệm thực hành môn vật lí đã hỏng nhiều; mỗi bài thực hành chỉ có 01 bộ còn sử dụng được nên còn hạn chế, khó khăn trong giờ học thực hành; hóa chất môn hóa, sinh đã hết hạn sử dụng; máy tính, máy chiếu đã xuống cấp, hư hỏng thươngnguyen

Do đặc thù thời tiết, không khí bụi bẩn nên các đồ dùng rất nhanh hỏng, hạn rĩ nhanh xuống cấp.

Một số thiết bị dạy học được cấp từ lâu đã hỏng tuy nhiên việc thanh lý, tiêu hủy thiết bị, đồ dùng hết hạn còn chưa được thực hiện thương xuyên.

Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm hàng năm phục vụ cho các bộ môn còn hạn chế về số lượng (hàng năm chỉ có 1, 2 thiết bị). Đa số chỉ dừng lại những thiết bị đơn giản, dễ làm.

Hầu hết các thiết bị dạy học đều được, chờ sở Giáo dục trang cấp; kinh phí của nhà trường dành cho việc mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, đầu tư mua sắm, sửa chữa một số các thiết bị, mua bổ sung thay thế các thiết bị đồ dùng đến thời kì hết khấu hao. Cần trang bị thêm những thiết bị có chất lượng tốt phục vụ cho công tác dạy và học.	BLĐ, Cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể	Có các quy định định, văn bản, kế hoạch hướng dẫn về công tác xã hội hóa giáo dục. Nguồn xã hội hóa phong phú, đa dạng	Trong năm học		Nguồn kinh phí xã hội hóa và ngân sách nhà nước

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo

Mức 2:

a) Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên

Mức 3:

a) Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: [H1-1.1-02]; [H20-3.6-01]; [H6-1.6-02];

a) Hằng năm, thư viện trường luôn được bổ sung sách, báo và tài liệu, có thư mục kèm theo; đặt báo định kì nhằm đáp ứng yêu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Nhà trường đặt báo định kì hàng tháng: Báo Nhân dân, báo Quảng Ninh, báo Giáo dục thời đại, báo Thời nay.

- Hằng năm đều trang bị bổ sung sách và tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của Giáo viên, nhân viên và học sinh. Ví dụ năm học 2023-2024:

+ SGK bổ sung: 394 quyển.

+ Sách tham khảo bổ sung: 114 quyển.

b) Hoạt động của thư viện có nội quy, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

- Thư viện có nội quy: Có treo bảng nội quy thư viện, khẩu hiệu, lịch hoạt động, bảng tra cứu sách...

- Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh:

+ Có 45 chỗ ngồi cho giáo viên và học sinh, có tủ sách, giá đựng sách, máy tính kết nối mạng Internet.

+ Ngay từ đầu năm học, thư viện đã thành lập Tổ công tác thư viện để quản lý phong trào đọc sách, mượn sách và các hoạt động khác của thư viện, thực hiện sinh hoạt tổ 1 lần/ tháng, đánh giá những việc đã làm được và tồn tại kèm theo hướng khắc phục cho những tháng tiếp theo, được thể hiện trong biên bản họp Tổ Thư viện.

+ Phổ biến rộng rãi các đầu sách có trong thư viện tới toàn thể giáo viên trong trường.

- Trong trường hợp học sinh đi học quên sách giáo khoa, Tổ Thư viện tạo điều kiện cho học sinh mượn sách giáo khoa để học tập, tránh tình trạng học sinh ngồi học không có sách.

- Triển khai việc giới thiệu sách theo chủ đề các tháng, thông báo sách mới ở danh mục giới thiệu sách. Giới thiệu sách hàng tháng theo chủ đề, thông báo sách mới ở danh mục sách. Ví dụ: Giới thiệu sách “Nhật ký Đặng Thùy Trâm”, “Mười vạn câu hỏi vì sao – Tri thức thế kỉ 21 – Toán học”, “Cuộc đời Đặng Tiểu Bình – Nhà kinh tế chính trị lỗi lạc”, “Đắc nhân tâm”...trong “Ngày hội đọc sách Việt Nam” 21 /4 hàng năm.

- Hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện bằng phương tiện công nghệ thông tin trên các website; đọc sách, tra cứu trên một số trang mạng: Google.com, hocmai.vn, Duolingo...

- Lập tài khoản thư viện trực tuyến cho toàn bộ Giáo viên và học sinh của trường.

- Mở cửa phòng đọc thư viện tất cả các ngày từ 2 đến 6 hàng tuần (trừ những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục.

- Toàn bộ bản đồ, tranh ảnh giáo dục được kết hợp quản lí cùng với bộ phận thiết bị của nhà trường.

- Hoạt động kiểm kê sách, báo được thực hiện hàng năm:

Năm học 2021-2022:

+ Sách giáo khoa: 1088 quyển

- + Sách nghiệp vụ: 313 quyển
- + Sách tham khảo: 1231 quyển
- + Tỷ lệ HS có đủ SGK trên lớp: 100 %
- + Tỷ lệ GV có đủ sách nghiệp vụ: 100 %
- + Các văn bản về GD&ĐT, về quản lý: 1 bộ/ văn bản.
- + Báo, tạp chí: 03 Loại: Báo giáo dục thời đại, báo Quảng Ninh, báo nhân dân.

Năm học 2022-2023:

- * Số lượng sách trong thư viện nhà trường tổng cộng: 2632 quyển
- Sách giáo khoa dùng chung: 1175 cuốn
- Sách tham khảo khối 10: 125 cuốn
- Sách tham khảo khối 11: 201 cuốn
- Sách tham khảo khối 12: 259 cuốn
- Sách tham khảo dùng chung: 714 cuốn
- Sách pháp luật: 94 cuốn
- Sách nghiệp vụ: 440 cuốn
- Sách Từ điển: 100 cuốn
- Sách điện tử: 395 đầu sách
- + Tỷ lệ HS có đủ SGK trên lớp: 100 %
- + Tỷ lệ GV có đủ Sách nghiệp vụ: 100 %
- + Các văn bản về GD&ĐT, về quản lý: 1 bộ/ văn bản.
- + Báo, tạp chí: 03 Loại: Báo giáo dục thời đại, báo Quảng Ninh, báo nhân dân.

Năm học 2023-2024:

- + Sách giáo khoa: 1088 quyển
- + Sách nghiệp vụ: 313 quyển
- + Sách tham khảo: 1231 quyển
- + Tỷ lệ HS có đủ Sách giáo khoa: 100 %
- + Tỷ lệ GV có đủ Sách nghiệp vụ: 100 %
- + Các văn bản về GD&ĐT, về quản lý: 1 bộ/ văn bản
- + Báo, tạp chí: 04 Loại: Báo giáo dục thời đại, báo Quảng Ninh, báo Nhân Dân, báo Thời Nay.[H20-3.6-02];

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn. Kèm theo Quyết định số 1767/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2021[H20-3.6-03];

2. Điểm mạnh

- Hằng năm thư viện nhà trường thực hiện kiểm kê và bổ sung mới các đầu sách, báo, tài liệu...

- Có kho sách, khu quản lý, nơi làm việc của nhân viên thư viện, khu đọc sách có 45 chỗ ngồi.

- Sách, báo trong thư viện nhà trường được sắp xếp khoa học, theo thứ tự và phân loại các môn học, dễ nhìn, dễ lấy. Đầy đủ các đầu sách theo nhu cầu phục vụ các môn học.

- Thư viện có trang thiết bị CNTT đáp ứng cho nhu cầu tra cứu, tìm hiểu của giáo viên và học sinh.

- Được trang trí chậu cây cảnh tạo không gian thoáng mát giúp cho giáo viên và học sinh có tinh thần thoải mái, thư giãn, dễ chịu khi đọc tài liệu.

3. Điểm yếu

- Thư viện ở tầng 3 khu Hiệu bộ nên việc đi lại đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh chưa thuận tiện.

- Thư viện chưa được trang bị điều hòa nên về mùa hè thư viện tương đối nóng và bí.

- Diện tích còn hạn chế, chưa ngăn giữa phòng đọc và phòng thư viện, chưa có chỗ ngồi riêng cho 1 người, chưa có phòng đọc riêng dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Đầu sách chưa đa dạng, chủ yếu là sách phục vụ cho các môn học, rất ít sách giải trí: Truyện, sách nghệ thuật, kỹ năng sống...

- Chưa có biểu đồ phát triển kho sách, biểu đồ theo dõi tình hình bạn đọc.

- Đường truyền mạng Internet đôi khi còn chưa ổn định gây khó khăn trong việc tra cứu và tìm kiếm tài liệu trên các trang mạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực	Dự kiến kinh	Nguồn kinh phí (nếu có)
--------------------------------	------------------------	-------------------------------	-----------------------	---------------------	--------------------------------

			hiện	phí (nếu có)	
Chuyển thư viện xuống tầng 1, cải thiện diện tích thư viện lên trên 80m ² .	- Hiệu trưởng, Kế toán. - Tổ công tác thư viện.	Được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, cấp duyệt kinh phí trong việc tu bổ thư viện.	Năm học 2025-2026		Ngân sách của tỉnh
Thiết kế: Ngăn giữa phòng đọc và phòng mượn sách; ngăn khu đọc sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên riêng và học sinh riêng. Bổ sung thêm chỗ ngồi đàm bảo tối thiểu 45 chỗ cho học	- Hiệu trưởng, Kế toán. - Tổ công tác thư viện.	Được sự đồng ý của Hiệu trưởng, cấp duyệt kinh phí trong việc tu bổ thư viện.	Năm học 2023-2024		

sinh, 20 chỗ cho giáo viên.					
Bổ sung thêm đầu sách, đa dạng các đầu sách.	- Hiệu trưởng, kế toán. - Tổ công tác thư viện.	Có sự tham mưu, đóng góp ý kiến của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, học sinh các lớp. Được cấp duyet kinh phí từ nhà trường.	Năm học 2023- 2024		
Lập biểu đồ phát triển kho sách, biểu đồ theo dõi tình hình bạn đọc.	Tổ công tác thư viện.	Sự kết hợp của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	Năm học 2023- 2024		
Lắp đặt điều hòa, bổ sung máy tính và nâng cấp đường truyền	- Hiệu trưởng, kế toán. - Tổ công tác thư viện.	Được sự đồng ý của Hiệu trưởng, cấp duyệt kinh phí	Năm học 2023- 2024		

mạng internet cho thư viện nhà trường.	- Công ty viễn thông.	trong việc tu bổ thư viện.			
--	-----------------------	----------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh:

Theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học về cơ sở, vật chất và trang thiết bị dạy học, nhà trường đã đảm bảo đủ và đúng yêu cầu phục vụ cho hoạt động quản lý, dạy và học. Trong quá trình thực hiện, nhà trường đã thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá kịp thời để bổ sung, điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của phương pháp quản lý và dạy học hiện đại. Với các giải pháp phù hợp, nhà trường đã xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và trang bị đồ dùng thiết bị dạy học đảm bảo đủ và đúng yêu cầu phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới mọi thành viên của nhà trường nêu cao tinh thần trách nhiệm trong sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học. Thường xuyên rà soát, kiểm tra để kịp thời bổ sung các danh mục thiết bị đã hư hỏng đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/5 - Tỉ lệ: 60%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/5 - Tỉ lệ: 40%

Điểm yếu:

Khu sân chơi, bãi tập, đường chạy đã xuống cấp, hệ thống chiếu sáng xung quanh trường có độ rọi và độ tương phản thấp nên ảnh hưởng đến tầm nhìn, quan

sát khi tổ chức các hoạt động tập thể ngoài trời và kiểm tra, công tác an ninh trường học vào ban đêm.

Các phòng học bộ môn chưa được trang bị các các thiết bị hỗ trợ, thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn (ở các phòng Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học xã hội); Bên cạnh đó ở một số phòng bộ môn đã trang bị các thiết bị dạy học nhưng chưa đầy đủ (phòng Vật lí, Sinh học, Công nghệ).

Diện tích các phòng chưa đạt chuẩn theo quy định. Thiết bị dạy học được cấp từ lâu đã hỏng tuy nhiên việc thanh lý, tiêu hủy thiết bị, đồ dùng hết hạn còn chưa được thực hiện thương xuyên. Chưa có khu phân loại rác thải vì vậy học sinh thường vứt lẫn các loại rác khác nhau vào cùng một chỗ.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 6
- Tổng số tiêu chí đạt: 6.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 6
- Tổng số tiêu chí đạt: 6.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 3

- Tổng số tiêu chí: 5
- Tổng số tiêu chí đạt: 3.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 2.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Theo điều lệ, nhà trường phải chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thường xuyên tổ chức có hiệu quả các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đồng thời, nhà trường luôn phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan. Tất cả các mối quan hệ đó đều nhằm mục đích thống nhất quan

điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, để huy động nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi, xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

Một nhiệm vụ quan trọng nữa là nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, giáo dục đạo đức, pháp luật, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục một cách toàn diện.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ

Mức 2:

- a) Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp

Mức 3:

- a) Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh theo lớp, khối lớp để bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, có danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường. Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh [H21-4.1-04];

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thành lập theo thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 gồm các bước sau: Ban cha mẹ học sinh mỗi lớp được bầu ra từ buổi họp phụ huynh đầu năm có từ 3 đến 5 người, nhà trường tổ chức họp, đại diện phụ huynh các lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, đồng thời ra quyết định công nhận Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thường gồm 5 người (01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 03 ủy viên) Số: 19/QĐ-THPTMD ngày 26/09/2021; Số: 18/QĐ-THPTMD ngày 20/09/2022; Số: 187/QĐ-THPTMD ngày 07/09/2023 [H21-4.1-01];

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động của hội theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Báo cáo của nhà trường (báo cáo tổng kết năm học) có nội dung đánh giá việc nhà trường tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động.

Sau khi thành lập, Ban đại diện CMHS nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ và quy chế thực hiện (Ngày 29/10/2021; Ngày 29/10/2022; Ngày 09/09/2023). Hằng năm Ban đại diện CMHS đề ra kế hoạch hoạt động, giải pháp thực hiện, phương hướng và chương trình hành động cả năm dựa trên kế hoạch năm học của trường.[H21-4.1-02];

Hằng năm, Ban đại diện CMHS nhà trường luôn có báo cáo hoạt động vào cuối năm nhằm đánh giá, nhận xét lại quá trình một năm hoạt động. Tổng kết lại các ưu điểm và chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong quá trình hoạt động; nêu lên phương hướng hoạt động của Ban đại diện CMHS trong năm học tiếp theo.[H21-4.1-02];

c) Hằng năm nhà trường đều tổ chức các cuộc họp phụ huynh học sinh theo quy định (đầu năm, cuối học kỳ, cuối năm học và đột xuất). Các cuộc họp định kì và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh đều có kế hoạch, chương trình cụ thể.

Biên bản các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Báo cáo của nhà trường (báo cáo tổng kết năm học) có nội dung thể hiện việc tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp và BLĐ nhà trường, giáo viên chủ nhiệm toàn trường định kỳ 03 lần/năm; Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp tổ chức họp định kỳ với giáo viên chủ nhiệm 03 lần/năm. Ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất nhằm tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, vận động học sinh ra lớp, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh (Các biên bản họp cha mẹ học sinh hàng năm) [H21-4.1-04];

d) Trong các năm học, nhà trường đã đón các đoàn kiểm tra của các cấp có thẩm quyền [H21-4.1-05];

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để thăm hỏi gia đình học sinh khi có hũu sự, chăm lo cho học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh giỏi, tự nguyện đóng góp kinh phí để hỗ trợ hoạt động học tập của học sinh, góp ý cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, tham gia các hoạt động ngoại khóa của trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường và các cơ quan hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh (Về việc tăng cường chấn chỉnh hoạt động học thêm dạy thêm, phòng chống ma túy, bạo lực học đường...), hỗ trợ nhà trường trong công tác xã hội hóa, kêu gọi các nguồn lực trong xã hội và nhân dân đóng góp xây dựng nhà trường: tu bổ bồn hoa, cây cảnh, cây xanh...(Quy chế hoạt động và kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh các năm[H21-4.1-02]; Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh[H21-4.1-03]; Các biên bản họp cha mẹ học sinh[H21-4.1-04]; Các văn bản, video có nội dung liên quan [H21-4.1-06]; Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường[H1-1.1-06]; Báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-02]

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường họp với BLĐ nhà trường định kỳ 03 lần/năm[H21-4.1-07]; Ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất nhằm tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh (Các biên bản họp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường)[H21-4.1-07];

Nhà trường cùng ban đại diện cha mẹ học sinh nhận hỗ trợ cơ sở vật chất từ các tổ chức, cá nhân nhằm phục vụ công tác dạy và học trong năm học 2023 [H21-4.1-08];

2. Điểm mạnh

Ban cha mẹ học sinh nhà trường thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ tối ưu đến các hoạt động giáo dục của nhà trường và hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn tích cực phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp... Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh có mối quan hệ mật thiết trong các hoạt động giáo dục chung, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả. Nhà trường thường xuyên có các cuộc họp định kì và đột xuất với Ban đại diện cha mẹ học sinh để đánh giá hoạt động và rút kinh nghiệm.

3. Điểm yếu

Vai trò của một số thành viên trong ban đại diện cha mẹ học sinh còn mờ nhạt, hoạt động chưa tích cực. Nguyên nhân có thể do bận nhiều việc gia đình, công việc ở các cơ quan, tổ chức đoàn thể khác nên việc liên hệ, phối kết hợp với nhà trường trong việc giáo dục, rèn luyện HS chưa kịp thời và chặt chẽ.

Do sự hạn chế khách quan về khả năng và vật lực, nên Hội chưa đủ điều kiện để giúp đỡ kịp thời một số gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khiến một số các em phải thôi học

Một số bậc phụ huynh HS chưa nhận thức hết quyền và nghĩa vụ của mình, chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên thường xuyên vắng họp hoặc nhờ người khác họp thay. Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến tình hình học tập của con em, chưa thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm để nắm bắt kịp thời tình hình học tập của con em, không đôn đốc nhắc nhở các em học tập ở nhà cũng như ở trường phó mặc cho các thầy cô và nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Củng cố và phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa nhà trường với các cấp ủy Đảng	Ban giám hiệu cùng giáo viên chủ nhiệm	Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ qua các kênh thông tin khác nhau như: Điện thoại, zalo...	Năm học 2024 - 2025
Tích cực tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh	Toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên	Thông qua các cuộc họp, ngoại khóa, các giờ dạy và sinh hoạt lớp.	Năm học 2024 - 2025
Tiếp tục hoàn thiện xây dựng nhà trường đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia	Toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên và học sinh	Thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định của nhà trường	Năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương

Mức 3:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể để thực hiện kế hoạch giáo dục, cụ thể: nhà trường thường xuyên gửi các kế hoạch, báo cáo cho thành ủy theo chỉ đạo; gửi báo cáo, kế hoạch cho UBND thành phố để được hỗ trợ trong công tác thi THPT Quốc gia, thi tuyển sinh lớp 10; gửi văn bản tới UBND và Công an phường Mông Dương để được hỗ trợ trong các hoạt động lớn của nhà trường...[H22-4.2-01];[H1-1.1-02];[H1-1.1-06];[H21-4.1-08];[H22-4.2-02];

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông, ngoại khóa; các cuộc họp phụ huynh tuyên truyền về: pháp luật, kế hoạch giáo dục nhà trường, các kế hoạch cụ thể triển khai

nhiệm vụ năm học, tổ chức tuyển sinh lớp 10, thi tốt nghiệp THPT.[H1-1.1-05];[H21-4.1-08];

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định như: sửa chữa sân trường, nhà để xe GV, sơn lại phòng học, trang bị cây xanh...; hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn... hỗ trợ học sinh bán trú

Mức 2:

Nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thông qua Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 và Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2035. Trong việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh, nhà trường đề xuất ủy ban nhân dân thành phố cho phép nhà trường được mở rộng phân vùng tuyển sinh để nâng cao chất lượng đầu vào . Được đánh giá thông qua hệ thống báo cáo liên quan của chi bộ đảng, của nhà trường, công đoàn và các tổ chức khác trong nhà trường [H22-4.2-03]; [H22-4.2-04]; [H22-4.2-05]; [H22-4.2-06];

Nhà trường phối hợp với công an thành phố trong việc tuyên truyền an toàn giao thông, công an tỉnh trong việc tuyên truyền phòng chống ma túy, cảnh sát phòng cháy chữa cháy hướng dẫn kỹ năng PCCC; phối hợp với Sở Lao động thương binh xã hội và Trung tâm bảo vệ bà mẹ trẻ em tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống ma túy, mại dâm, xâm hại trẻ em và buôn bán người; ĐTN nhà trường tổ chức chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; ở địa phương theo văn bản chỉ đạo của SGDĐT và thành đoàn Cẩm Phả [H1-1.1-03]; [H3-1.3-05]; [H3-1.3-06]; [H3-1.3-08]; [H7-1.7-10]; [H10-1.10-02]; [H10-1.10-13];

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu cấp ủy, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh, các tổ chức xã hội nhằm huy động và sử dụng

tối đa các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tham mưu cấp ủy, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tích cực phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

3. Điểm yếu

Các tổ chức cá nhân vận động được còn hạn chế so với nhu cầu của nhà trường. Việc vận động kinh phí ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khi thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm tăng cường nguồn lực tinh thần, vật chất để hỗ trợ phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trong năm học tới, nhà trường cần lập kế hoạch cụ thể, hợp lý hơn để việc vận động mang tính thường xuyên và đạt hiệu quả cao hơn.

Tích cực tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, nhân dân trên địa bàn, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn thành phố Cẩm Phả.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Củng cố và phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa nhà trường với các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức	BLĐ nhà trường, cán bộ nhân viên giáo viên nhà trường	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, phụ huynh và	Từ năm học 2024-2025	Theo kế hoạch	

đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân		học sinh			
Tích cực tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, nhân dân trên địa bàn, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn thành phố Cẩm Phả.	BLĐ nhà trường, cán bộ nhân viên giáo viên nhà trường	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, phụ huynh và học sinh	Từ năm học 2024-2025	Theo kế hoạch	
Tiếp tục xây dựng trường trở thành đơn vị văn hóa	BLĐ nhà trường, cán bộ nhân viên giáo viên nhà trường	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, phụ huynh và học sinh	Từ năm học 2024-2025	Theo kế hoạch	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Những năm qua kết quả hoạt động giáo dục về mọi mặt của nhà trường có sự chuyển biến tích cực. Đạt được những thành quả ấy là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của nhà trường và sự đóng góp to lớn của các đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, của toàn xã hội. Nhà trường đã tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, huy động mọi nguồn lực trong cộng

đồng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đây cũng là một thành công lớn của nhà trường.

Điểm yếu:

Tuy nhiên, ngoài những thành quả đã đạt được, để phát triển giáo dục theo chiều sâu và bền vững, nhà trường cần thực sự chú ý tới việc tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động tối đa sự đóng góp của doanh nghiệp trên địa bàn và nhân dân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng cường phối kết hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giáo dục toàn diện học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 2
- Tổng số tiêu chí đạt: 2.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 2
- Tổng số tiêu chí đạt: 2.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 3

- Tổng số tiêu chí: 2
- Tổng số tiêu chí đạt: 1.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 1.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Để đạt được mục tiêu giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên các bậc học cao hơn. Căn cứ vào chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động giáo dục,

dạy học. Có kế hoạch giáo dục và tổ chức cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã tăng cường các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh học lực yếu, để nâng cao chất lượng đại trà. Hoạt động ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề, chủ điểm từng tuần, từng tháng, bám sát các hoạt động chính trị của địa phương, của đất nước.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện

Mức 3:

- a) Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh

1. Mô tả hiện trạng

a) Từ năm học 2021-2022 đến nay, tổ chức giảng dạy các môn học Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Ngoại ngữ (tiếng Anh), Thể dục/Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh, Tự chọn (bám sát đối với môn Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán học, Ngữ văn, Tiếng anh...) và hoạt động GDHNLL, GDHN đối với các lớp 10, 11, 12 (theo Chương trình GDPT 2006). Đối với Chương trình GDPT 2018 (thực hiện từ năm học 2022-2023) có thêm môn học Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nội dung giáo dục của địa phương. Các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và ngoài giờ lên lớp phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân. Các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác: Thể hiện ở sổ ghi nghị quyết của nhà trường và nghị quyết Hội đồng trường[H1-1.1-06]. Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn[H4-1.4-05]; Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp[H14-2.4-03];[H14-2.4-03];[H23-5.1-04];

b) Sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm (gợi mở - vấn đáp; nêu và giải quyết vấn đề; hoạt động nhóm...) với những kĩ thuật dạy học tích cực (lược đồ tư duy, mảnh ghép, động não...) và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực của học sinh (giao nhiệm vụ học tập, tổ chức học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả học tập); tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kĩ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau: Thể hiện ở Kế hoạch giáo dục các môn (phân phối chương trình)[H23-5.1-03]; Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể khác[H23-5.1-02]. Tăng cường khai thác không gian "Trường học kết nối" cho các hoạt động giáo dục[H23-5.1-02];

c) Linh hoạt các hình thức kiểm tra miệng (hỏi-đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành; đối với các bài kiểm tra thường xuyên (miệng, kiểm tra viết, thực hành dưới một tiết). Kiểm tra định kì thực đúng quy định trong kế hoạch dạy học. Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với môn Thể dục/Giáo dục thể chất, nội dung giáo dục của địa phương, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với các môn học Toán, Lí, Hoá, Sinh, Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ, Công nghệ, GD&ĐT, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học. Chú trọng, linh hoạt đánh giá thường xuyên (qua các hoạt động trên lớp, qua hồ sơ, vở học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm, thuyết trình...về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập) và đúng quy định đối với kiểm tra định kì theo từng môn học (theo ma trận, đủ các cấp độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao...) gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận, trắc nghiệm) và tỉ lệ mức độ nhận thức các câu hỏi, bài tập phù hợp với đối tượng học sinh (đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng) và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập mức độ vận dụng (thấp, cao). Đối với các môn khoa học xã hội tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng đặt câu hỏi mở (đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã học, kỹ năng tìm hiểu các vấn đề xã hội để vận dụng phù hợp trong quá trình học tập và vận dụng vào cuộc sống[H23-5.1-03]; Thể hiện văn bản và biên bản cuộc họp của nhà trường có nội dung rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình (Báo cáo tiến độ chương trình, hồ sơ kiểm tra nội bộ) [H23-5.1-01]; và chương trình giáo dục của nhà trường đã có sự điều chỉnh (Kế hoạch dạy học tự chọn, thời khóa biểu chạy chương trình[H23-5.1-05];[H23-5.1-01];[H1-1.1-06];

Mức 2:

a) Nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường được lựa chọn cụ thể hóa thành kế hoạch năm học gồm: chương trình giáo dục hiện hành, dạy học tự chọn, hướng nghiệp, ngoại khóa, trải nghiệm, kĩ năng sống, nghề phổ thông, khuyết tật, giáo dục địa phương.... Với các hình thức giáo dục phong phú: theo lớp, theo nhóm, cá nhân, trải nghiệm, tham quan...Hàng năm thực hiện sự chỉ đạo của ngành về đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học và được cụ thể trong kế hoạch tháng của các tổ chuyên môn. Trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ trưởng đã thực hiện việc triển khai kế hoạch có sự điều chỉnh để phù

hợp với thực tế, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, theo phân phối chương trình môn học của BGDDĐT, tham gia đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên trong tổ được nhà trường phê duyệt được thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và hội đồng trường[H1-1.1-06]; [H23-5.1-02];[H1-1.1-02];[H23-5.1-06];

b) Việc phát hiện và bồi dưỡng có năng khiếu, học sinh giỏi, cũng như phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật được xây dựng ngay từ đầu các năm học[H14-2.4-03] và được đánh giá trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học)[H1-1.1-02];

Mức 3:

Trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục nhà trường có văn bản, biên bản nội dung rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình[H23-5.1-04];

Kết quả giáo dục của nhà trường được thể hiện bằng Bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh qua các năm [H23-5.1-07];

a) Từ năm học 2021-2022 đến nay, tổ chức giảng dạy các môn học Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Ngoại ngữ (tiếng Anh), Thể dục/Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh, Tự chọn (bám sát đối với môn Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán học, Ngữ văn, Tiếng anh...) và hoạt động GDHNNLL, GDHN đối với các lớp 10, 11, 12 (theo Chương trình GDPT 2006). Đối với Chương trình GDPT 2018 (thực hiện từ năm học 2022-2023) có thêm môn học Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nội dung giáo dục của địa phương. Các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và ngoài giờ lên lớp phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân. Các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác: Thể hiện ở sổ ghi nghị quyết của nhà trường và nghị quyết Hội đồng trường[H1-1.1-06]. Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn[H4-1.4-05]; Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và

ghi chép sinh hoạt sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp[H14-2.4-03];[H14-2.4-03];[H23-5.1-04];

b) Sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm (gợi mở - vấn đáp; nêu và giải quyết vấn đề; hoạt động nhóm...) với những kĩ thuật dạy học tích cực (lược đồ tư duy, mảnh ghép, động não...) và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực của học sinh (giao nhiệm vụ học tập, tổ chức học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả học tập); tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kĩ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau: Thể hiện ở Kế hoạch giáo dục các môn (phân phối chương trình)[H23-5.1-03]; Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể khác [H4-1.4-05]; Tăng cường khai thác không gian "Trường học kết nối" cho các hoạt động giáo dục[H23-5.1-02];

c) Linh hoạt các hình thức kiểm tra miệng (hỏi-đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành; đối với các bài kiểm tra thường xuyên (miệng, kiểm tra viết, thực hành dưới một tiết). Kiểm tra định kì thực đúng quy định trong kế hoạch dạy học. Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với môn Thể dục, kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân, đánh giá bằng cho điểm đối với các môn học Toán, Lí, Hoá, Sinh, Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ, Công nghệ. Chú trọng, linh hoạt đánh giá thường xuyên (qua các hoạt động trên lớp, qua hồ sơ, vở học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm, thuyết trình...về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập) và đúng quy định đối với kiểm tra định kì theo từng môn học (theo ma trận, đủ các cấp độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao...) gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận, trắc nghiệm) và tỉ lệ mức độ nhận thức các câu hỏi, bài tập phù hợp với đối tượng học sinh (đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng) và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập mức độ vận dụng (thấp, cao). Đối với các môn khoa học xã hội tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng đặt câu hỏi mở (đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã học, kỹ năng tìm hiểu các vấn đề xã hội để vận dụng phù hợp trong quá trình học tập và vận dụng vào cuộc sống[H23-5.1-03];[H1-1.1-02]; Thể hiện văn bản và biên bản cuộc họp của nhà trường có nội dung rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình (Báo cáo tiến độ

chương trình, hồ sơ kiểm tra nội bộ)[H23-5.1-03] và chương trình giáo dục của nhà trường đã có sự điều chỉnh (Kế hoạch dạy học tự chọn, thời khóa biểu chạy chương trình[H23-5.1-05];[H23-5.1-01])

Mức 2:

Thực hiện 2 tiết/tháng đối với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo...các lớp 10, 11, 12 và 1 buổi/tháng đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10,11,12.

a) Nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường được lựa chọn cụ thể hóa thành kế hoạch năm học gồm: chương trình giáo dục hiện hành, dạy học tự chọn, hướng nghiệp, ngoại khóa, trải nghiệm, kĩ năng sống, nghề phổ thông, khuyết tật, giáo dục địa phương.... Với các hình thức giáo dục phong phú: theo lớp, theo nhóm, cá nhân, trải nghiệm, tham quan...Hàng năm thực hiện sự chỉ đạo của ngành về đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học và được cụ thể trong kế hoạch tháng của các tổ chuyên môn. Trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ trưởng đã thực hiện việc triển khai kế hoạch có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, theo phân phối chương trình môn học của BGDĐT, tham gia đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên trong tổ được nhà trường phê duyệt được thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và hội đồng trường [H1-1.1-06];[H23-5.1-03];[H23-5.1-01];

b) Việc phát hiện và bồi dưỡng có năng khiếu, học sinh giỏi, cũng như phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật được xây dựng ngay từ đầu các năm học[H23-5.1-03];và được đánh giá trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học[H1-1.1-02];

Mức 3:

Trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục nhà trường có văn bản, biên bản nội dung rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình[H23-5.1-02];[H23-5.1-04];[H23-5.1-05]; Giáo viên tích cực trong việc tìm ra những biện pháp, giải pháp, sáng kiến tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.[H23-5.1-08];

Kết quả giáo dục của nhà trường được thể hiện bằng Bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh qua các năm[H23-5.1-07];

2. Điểm mạnh

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục hàng năm. Các kế hoạch dạy học được vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Hàng năm, nhà trường thường xuyên đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo sự chỉ đạo của ngành: các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Do vậy, vào cuối các năm học trước giáo viên phải có kế hoạch lựa chọn bồi dưỡng những học sinh mũi nhọn của bộ môn, những học sinh gặp khó khăn trong học tập để tham mưu với nhà trường khi xây dựng kế hoạch trong năm học mới. Từ đó hình thành thành hệ thống, thành thói quen, thành nhiệm vụ thường kỳ cho giáo viên khi giảng dạy tại nhà trường.

Các đề kiểm tra định kỳ theo Kế hoạch dạy học đã được tổ chức cùng thời điểm giữa các lớp trong cùng khối, xây dựng các đề với mức độ kiến thức tương đương để kiểm tra.

3. Điểm yếu

- Việc sử dụng phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực chưa linh hoạt, chưa bám sát vào đối tượng học sinh. Chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kiến thức vào thực tiễn của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề, lựa chọn hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với các nội dung	GVBH, GVCN	Có các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tổ chức các buổi	Trong năm học

của chủ đề, với đối tượng học sinh của trường, tổ chức cho học sinh hoạt động tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức và vận dụng vào thực tiễn, chú trọng lồng ghép giáo dục đạo đức và giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành		tập huấn chuyên môn. Có sự thống nhất giữa các GV trong cùng một nhóm chuyên môn	
- Xây dựng bộ đề kiểm tra từng môn, khối lớp, đối với bài kiểm tra định kì đảm bảo mức độ tương đương giữa các đề, chú trọng câu hỏi mở, liên hệ thực tiễn	GVBM	Có các Kế hoạch chung cụ thể của nhà trường Tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn	Trong năm học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 2:

a) Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục

Mức 3:

a) Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu các năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giao cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện [H24-5.2-01];[H24-5.2-02];

b) Thực hiện kế hoạch nhà trường ban hành các tổ, nhóm chuyên môn phân công cụ thể cho giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Đoàn thanh niên, giáo viên phụ trách câu lạc bộ tổ chức giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H24-5.2-03];[H24-5.2-04];[H5-1.5-02];[H23-5.1-01]

c) Vào cuối các học kỳ, cuối năm học nhà trường yêu cầu các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên bộ môn được giao cho phụ trách rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H24-5.2-03];

Mức 2:

Nhà trường lựa chọn và phân công giáo viên tổ chức phụ đạo cho học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Cùng với đó phân công giáo viên giảng dạy các bộ môn, giáo viên phụ trách các câu lạc bộ tổ chức giảng dạy, bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu trong các môn học và nghệ thuật. [H24-5.2-03];

Mức 3:

Học sinh có năng khiếu các môn học thể dục thể thao, nghệ thuật được giáo viên tổ chức bồi dưỡng và tham gia các cuộc thi đã có nhiều thành tích. [H24-5.2-05];

2. Điểm mạnh

Được sự chỉ đạo của Chi bộ, Ban lãnh đạo, cán bộ giáo viên, phụ huynh học sinh, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tích cực tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để rút kinh nghiệm những hạn chế, cũng như đưa ra các giải pháp bồi dưỡng, ôn luyện. Trong các đợt tham gia thi đua về các môn thể dục thể thao, văn

nghệ do SGDĐT tổ chức, giáo viên và học sinh được động viên, khích lệ kịp thời và đã đạt được những kết quả nhất định.

Việc quan tâm giúp đỡ giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập đã đem lại nhiều hiệu ứng tích cực, nhiều em có những biểu hiện tiến bộ về nhận thức và học tập, ngoan ngoãn, lễ phép. Kết quả này đã tạo ra nhiều động lực tích cực cho cán bộ giáo viên nhà trường.

3. Điểm yếu

- Việc tổ chức giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của một số giáo viên còn chưa đem lại hiệu quả, một số học sinh còn chậm tiến bộ, tham gia các cuộc thi kết quả còn thấp.

- Một số giáo viên chưa hăng say, chưa nhiệt tình, tích cực trong việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

- Công tác phối kết hợp của một số giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh học sinh trong việc giáo dục học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa thường xuyên, chưa đem lại hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Đầu năm học rà soát, phân công những giáo viên có trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn vững vàng giao cho phụ trách giảng dạy, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.	Ban lãnh đạo, TTCM	Nhóm chuyên môn đề xuất danh sách giáo viên đủ điều kiện.	Tháng 9
Lập danh sách và giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên	Ban lãnh đạo, ĐTN, GVCN, GVBM	Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ	Tháng 9

chủ nhiệm, giáo viên bộ môn. Kết hợp với Đoàn thanh niên theo dõi, động viên giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập để có những hỗ trợ kịp thời.		môn, Đoàn thanh niên tìm hiểu, lập danh sách học sinh.	
Tăng cường vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc thường xuyên theo dõi, bám sát, phát hiện những thay đổi cả tích cực và tiêu cực của học sinh, liên lạc với cha, mẹ học sinh để phối hợp giáo dục có hiệu quả.	GVCN, Chăm mẹ học sinh	Có danh sách và kế hoạch hỗ trợ học sinh.	Tháng 9

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương

Mức 2:

- a) Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2021-2022 đến nay, nội dung giáo dục địa phương được triển khai tích hợp các môn Lịch sử (6 tiết) , Địa lí (2 tiết) trên năm học Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học (Số: 32/BC-THPTMD, ngày 20 tháng 5 năm 2021...) [H4-1.4-04];

b) Nội dung giáo dục địa phương được xây dựng ngay từ đầu năm học gắn với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trung học hàng năm. Việc giảng dạy nội dung giáo dục địa phương từng môn học căn cứ vào tài liệu được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào nội dung và tài liệu, giáo viên giảng dạy soạn giáo án cụ thể, chi tiết cho các giờ lên lớp [H4-1.4-04];[H1-1.1-02];

c) Hằng năm, nhà trường đánh giá công tác thực hiện giáo dục địa phương thông qua các báo cáo đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương gồm: Lịch sử Đảng bộ thành phố Cẩm Phả, lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh...); Thực hiện nội dung giáo dục địa phương được xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm và được cụ thể hóa trong các tháng ở sổ giáo viên chủ nhiệm. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương thông qua các bài kiểm tra, viết bài thu hoạch [H5-1.5-02];[H14-2.4-01];

Mức 2:

Đối với các môn có nội dung giáo dục địa phương, giáo viên bộ môn, giáo viên thực hiện bộ tài liệu dạy học chương trình địa phương các môn: Địa lí, Lịch sử do SGDĐT Quảng Ninh biên soạn. Trong quá trình thực hiện giáo viên chủ động bổ sung những nội dung mới phù hợp thực tế hiện nay theo sự chỉ đạo của chuyên môn và đã biết chọn lọc các nội dung bài dạy phù hợp với mục tiêu môn học và gắn với thực tiễn địa phương mình [H23-5.1-01];

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của BGDĐT, theo các văn bản chỉ đạo của Sở và Phòng GD&ĐT về nội dung giáo dục địa phương. Học sinh được tiếp cận những nội dung kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa địa phương kịp thời. Thông qua hoạt động giáo dục địa phương, học sinh được tham quan thực tế các di tích lịch sử (tham quan Đền Cửa Ông, Đền Cặp Tiên, Chùa Cái Bầu), địa lý ở địa phương (Vườn cam Vạn Yên), làm tăng vốn hiểu biết về truyền thống lịch sử, truyền

thống đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng tự hào về quê hương, đất nước. Tài liệu về địa phương phổ biến rộng rãi, giáo viên và học sinh có điều kiện để tham gia tìm hiểu và học tập. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương luôn được đảm bảo khách quan và hiệu quả (lồng ghép vào chương trình giáo dục của trường). Hằng năm, nhà trường luôn hướng dẫn giáo viên rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Nhà trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của BGDĐT, theo Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của SGDĐT và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm của đơn vị. Giáo viên được tham gia đầy đủ các chuyên đề bồi dưỡng nội dung giáo dục địa phương do SGDĐT tổ chức; được cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương của cấp có thẩm quyền kịp thời. Nội dung giáo dục địa phương khá phong phú, phù hợp, được giảng dạy và lồng ghép trong các môn học, trong nhiều hoạt động giáo dục ngoài trời góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lí luận với thực tiễn.

Nhà trường đã thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương, từ đó giáo dục về tình yêu quê hương đất nước, học sinh hưởng ứng và tham gia tích cực.

3. Điểm yếu

Nguồn tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, đa dạng.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm ngoài địa phương cho học sinh.

Một số nội dung, tài liệu giáo dục địa phương còn ít, khó thu thập, cập nhật chưa kịp thời.

Một số học sinh chưa tích cực tham gia học tập và chưa quan tâm nhiều đến nội dung giáo dục địa phương.

GV trực tiếp giảng dạy cũng còn thiếu kinh nghiệm đối với mảng giáo dục này

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài địa phương cho học sinh (1 đến 2 hoạt động/năm); phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tổ chức phong phú các hoạt động ngoài giờ lên lớp, nâng cao chất lượng các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Trong mỗi năm học có kế hoạch tổ chức các hoạt động ý nghĩa cho học sinh để giáo dục các em về những giá trị truyền thống của quê hương đất nước, để các em vận dụng các kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống.

Phối hợp tổ chức các hoạt động phù hợp và hữu ích. Tăng cường việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, thường xuyên cập nhật các tài liệu để phục vụ tốt cho nội dung giáo dục địa phương.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương	GV dạy bộ môn Địa lý, Lịch sử và GV dạy NGLL.	Huy động nguồn lực từ GVCN, đoàn thanh niên.	T9/2021
Tăng cường giáo dục địa phương qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tổ chuyên môn	GV dạy NGLL, Tổ trưởng chuyên môn, đoàn thanh niên	GV dạy NGLL, GVCN, GV Địa lý, Lịch sử.	T9/2021

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường giao cho Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh vào dịp tổ chức các hoạt động dịp Tết vào các năm học 2021- 2022; 2022-2023 và 2023-2024: Kế hoạch số 15 /KH-ĐTN, ngày 9/01/2023 của đoàn thanh niên. Kế hoạch số 13/KH-ĐTN, ngày 12/01/2024 của đoàn thanh niên.

Ngoài ra, nhà trường trực tiếp xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trong các năm 2021- 2022; 2022-2023 và 2023-2024 theo các kế hoạch: Kế hoạch số 177/KH-THPTMD, ngày 29/08/2021 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 176/KH-THPTMD, ngày 29/08/2021 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 16 /KH-THPTMD, ngày 19/01/2022 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 27/KH-THPTMD, ngày 09/02/2022 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 166/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 168/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 198/KH-THPTMD, ngày 09/09/2023 của Trường THPT Mông Dương. Kế hoạch số 30/KH-THPTMD, ngày 20/01/2024 của Trường THPT Mông Dương.[H1-1.1-02];[H7-1.7-10];[H26-5.4-02];[H26-5.4-03];;

b) Hàng năm Đoàn thanh niên nhà trường kết hợp với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh đã tổ chức tư vấn hướng nghiệp và tổ chức cho học sinh các lớp tham gia hoạt động trải nghiệm, học tập thực tế góp phần định hướng nghề nghiệp, giáo dục toàn diện, phát triển năng lực học sinh thể hiện trong sổ chủ nhiệm, báo cáo cuối năm, hình ảnh, tư liệu về các hoạt động.

[H5-1.5-02];[H14-2.4-01];[H26-5.4-01];[H26-5.4-05];[H14-2.4-01];[H26-5.4-05];

c) Để thực hiện được nhiệm vụ trên nhà trường phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp từ 50% đến 60% giáo viên, nhân viên tham gia thể hiện trong kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hình ảnh dữ liệu.

[H26-5.4-02];[H26-5.4-03];[H26-5.4-05];[H26-5.4-06];[H26-5.4-01];

Mức 2:

a) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch triển khai và tổ chức cho học sinh đi tham quan và trải nghiệm thực tế tại các địa điểm du lịch, các khu di tích lịch sử, khu công nghiệp: Khu di tích lịch sử quốc gia Pò Hèn ở Móng Cái, sân bay Vân Đồn, đền thờ Chu Văn An, Văn Miếu, trường đại học Bách Khoa ở Hà Nội. Thực hiện nhiệm vụ tư vấn định hướng cho học sinh THPT sau khi tốt nghiệp, hàng năm nhà trường luôn quan tâm đến công tác dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 11 và định hướng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 các ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Từ năm 2021 -2024 số học sinh lớp 12 hoàn thành chương trình nghề phổ thông có chứng chỉ nghề phổ thông 100%. Đoàn thanh niên nhà trường đã kết hợp cùng với đơn vị công ty Tourist tổ chức cho học sinh trải nghiệm tại các địa điểm khác nhau thu hút học sinh tham gia. Trong các buổi trải nghiệm cán bộ Đoàn kết hợp với công ty tổ chức các trò chơi, lồng ghép tìm hiểu kiến thức, môn học gắn với kiến thức thực tiễn, hướng nghiệp cho học sinh.[H26-5.4-02][H26-5.4-04];[H26-5.4-05];[H26-5.4-06];[H26-5.4-03];[H23-5.1-01];

b) Sau mỗi buổi tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp Đoàn thanh niên kết hợp GVCN tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những ưu điểm, những việc đạt được, những việc còn tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức đoàn về quản lý học sinh, sức khỏe học sinh.[H26-5.4-06];

2. Điểm mạnh

Từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2023 - 2024 nhà trường luôn có kế hoạch về các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ngay từ đầu năm học dựa trên sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tiễn của nhà trường, của địa phương, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà trường đã phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với số lượng tham gia chiếm từ 50-70% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, các đồng chí tham gia thực hiện nhiệm vụ với trách nhiệm cao và hiệu quả công việc tốt. Với các hình thức tổ chức phong phú đa dạng đã thu hút được 100% học sinh tích cực hưởng ứng tham gia các hoạt động trải nghiệm.

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền tổ chức, học sinh được nâng cao nhận thức về các ngành nghề nên tỷ lệ học sinh tham gia học nghề trong các năm học

luôn chiếm từ 90 - 100% tổng số học sinh khối lớp 11, 12 tham gia học hướng nghiệp. Hằng năm, kết quả xếp loại học nghề của học sinh đều đạt 100% từ khá trở lên. Trong đó tỉ lệ học sinh xếp loại nghề phổ thông đạt loại giỏi chiếm trên 95%.

Nhà trường kết hợp với giáo viên chủ nhiệm luôn làm tốt công tác hướng nghiệp để định hướng tốt cho học sinh sau khi tốt nghiệp THPT. Trong 3 năm gần đây số học sinh tốt nghiệp THPT vào Trung cấp dạy nghề chiếm từ 20-35%. Hội phụ huynh học sinh có nhận thức tương đối tốt về định hướng nghề nghiệp cho con em sau bậc học, phối kết hợp với nhà trường làm tốt công tác hướng nghiệp cho học sinh.

3. Điểm yếu

Khả năng huy động kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động hướng nghiệp từ các nguồn xã hội hóa còn hạn chế.

Số lượng các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn ít, hình thức chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Nhà trường phối kết hợp chặt chẽ với lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh phổ biến rộng rãi các kế hoạch về các hoạt	Ban lãnh đạo nhà trường, giáo viên chủ nhiệm.	- Qua các kênh thông tin như zalo, face book, văn bản, các cuộc họp phụ huynh để tuyên truyền	Từ năm học 2021 – 2022 đến sau này	Căn cứ tình hình thực tế	Nguồn xã hội hóa.

động trải nghiệm ngay từ đầu năm học nhằm định hướng sớm cho học sinh về định nghề nghiệp trong tương lai.					
BLĐ cần chú trọng xây dựng kế hoạch trải nghiệm hướng nghiệp với nội dung và hình thức đa dạng. Tham mưu với UBND Phường và Hội cha mẹ học sinh nhà trường trong việc huy động	Ban lãnh đạo nhà trường	Sự đồng lòng, ủng hộ của chính quyền địa phương, doanh nghiệp, phụ huynh học sinh	Từ năm học 2021 – 2022 đến sau này	Tùy từng hình thức trải nghiệm, hướng nghiệp.	Xã hội hóa.

các nguồn xã hội hóa, các tổ chức, cá nhân hảo tâm trên địa bàn, các đơn vị kết nghĩa hỗ trợ nguồn tài chính cho nhà trường thực hiện tốt hoạt động trên.					
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển

Mức 3:

a) Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn

1. Mô tả hiện trạng

a) Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương[H27-5.5-01];[H27-5.5-02];

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua việc giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong các môn học (Ngữ văn, GDCD, Địa lý, Lịch sử, Sinh học,...); thông qua dạy học các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhưng không phải lồng ghép, mà theo một cách tiếp cận mới, đó là sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh được thực hành, trải nghiệm kỹ năng sống trong quá trình học tập[H7-1.7-10];

Thông qua các hoạt động do nhà trường, đoàn trường tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng đồng tổ chức như: thông qua các buổi nói chuyện đầu tuần, sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục NGLL, ngoại khóa, các cuộc thi về ATGT, phòng chống bạo lực học đường, ngày lễ tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, hội thi khi tôi 18, tuần lễ văn hóa, hiến máu nhân đạo,...[H27-5.5-01];[H27-5.5-02];. Tuy nhiên, việc giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động ngoại khóa, NGLL,... được tổ chức thực hiện thưa thớt trong năm học với thời lượng còn hạn chế;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Đại đa số các em đã hình thành được những thói quen tốt, có lối sống lành mạnh; biết lắng nghe và tôn trọng người khác, biết tự bảo vệ tinh thần và sức khỏe của chính mình và những người trong cộng đồng để bố mẹ có thể yên tâm lao động, công tác vì con cái ngoan ngoãn, biết ứng xử, tự lập; gia đình không bị mất mát về kinh tế do con cái mắc vào tệ nạn xã hội như đánh nhau, tiêm chích, sử dụng ma túy, cờ bạc, nghiện rượu, thuốc lá.... Trong 5 năm liên tục nhà trường không có học sinh vi phạm kỉ luật buộc thôi học, không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự được chi tiết ở báo cáo sơ kết, tổng kết[H1-1.1-02]; và số theo dõi học sinh của

GVCN[H5-1.5-02];.Nhưng bên cạnh đó thì một số ít trường hợp các em học sinh do nhận thức chưa tới, cùng với việc phụ huynh và cơ quan chức năng có liên quan chưa thực sự kiên quyết nên vẫn xảy ra tình trạng thiếu ý thức chủ động chấp hành luật ATGT;

Các hoạt động tổ chức hình thành và phát triển kĩ năng sống cho học sinh liên quan đến giáo dục đạo đức lối sống, phong tục tập quán địa phương, truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam đều được lưu lại thông qua các hình ảnh[H27-5.5-02];.

Mức 2:

a) Dưới sự hướng dẫn của các thầy/cô giáo các em đã biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân sau mỗi hoạt động giáo dục;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh cũng từng bước được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống[H1-1.1-02];[H5-1.5-02];

Mức 3:

Trong những năm qua, nhà trường đã có một số học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn và đã có sản phẩm đạt giải cao trong cuộc thi khoa học kĩ thuật.[H12-2.2-06];

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương ngay từ đầu năm học. Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục, số học sinh có đạo đức đạt loại khá trở lên của nhà trường tăng tuyến tính theo năm học từ 97% đến 99%. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Sau các buổi ngoại khóa giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Qua quá trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống, học sinh biết tự bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình; cần và có đủ các kỹ năng để có thể giải quyết tình huống bất ngờ xảy ra.

3. Điểm yếu

Thời lượng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL còn hạn chế nên lượng kiến thức truyền đạt đến học sinh chưa thực sự sâu sắc. Một số ít phụ huynh chưa nhiệt tình phối hợp với nhà trường để giáo dục ý thức, trách nhiệm về luật ATGT đối với con em mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Nguồn kinh phí (nếu có)
Tổ chức một năm 2 đợt tuyên truyền, tập huấn về việc giáo dục kỹ năng sống	Nhà trường, Đoàn Thanh niên	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, PHHS, HS	Tháng 10 học kỳ I và tháng 02 học kỳ II Từ năm học 2021-2022 đến sau này	Theo kế hoạch	
Xây dựng kế hoạch bài học giáo dục kỹ năng sống cho HS	Giáo viên bộ môn	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, PHHS, HS	Từ năm học 2021-2022 đến sau này	Theo kế hoạch	
Tăng cường công tác phối hợp với gia đình HS	GVCN và các bộ phận có liên quan	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM,	Từ năm học 2021-2022 đến sau này	Theo kế hoạch	

		PHHS, HS			
Kiểm tra, giám sát về hoạt động rèn luyện kỹ năng sống của học sinh	Nhà trường	Phối hợp giữa nhà trường, GVCN, GVBM, PHHS, HS	Từ năm học 2021-2022 đến sau này	Theo kế hoạch	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, định lượng rõ chỉ tiêu chất lượng giáo dục, đề ra các giải pháp để tiến tới hoàn thành mục tiêu giáo dục

theo năm học thông qua các kế hoạch giáo dục và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học[H7-1.7-10];[H8-1.8-01];[H8-1.8-07]

b) BLĐ nhà trường, các TTCM, GVBM thường xuyên dự giờ thăm lớp để nắm bắt tình hình, học hỏi rút kinh nghiệm và đã đưa ra các giải pháp kịp thời khắc phục những tồn tại trong công tác giảng dạy và học tập [H23-5.1-01];[H23-5.1-02] Tuy nhiên, việc trao đổi, học hỏi, rút kinh nghiệm của các đồng chí giáo viên trong tổ/trường chưa thực sự đạt hiệu quả cao do đặc thù của rất nhiều bộ môn chỉ có một giáo viên;

c) TTCM, GVBM luôn bám sát tình hình thực tế để lập kế hoạch chi tiết hóa việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường; thường xuyên có những điều chỉnh, đổi mới trong phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực của học sinh, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ học sinh yếu đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định [H4-1.4-04];[H4-1.4-05]. Việc giáo dục ý thức, trách nhiệm, rèn luyện hạnh kiểm cho học sinh được đặc biệt chú trọng thông qua các tiết học, các hoạt động ngoài giờ lên lớp và đặc biệt; các đồng chí GVCN luôn sâu sát, gần gũi, tìm hiểu, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để kịp thời nhắc nhở, khuyên răn, động viên khuyến khích học sinh; những thông tin quá trình rèn luyện về học lực, hạnh kiểm của học sinh cũng được các đồng chí GVCN cập nhật kịp thời vào sổ chủ nhiệm lớp[H5-1.5-02].

Mức 2:

a) Trong 3 năm liên tiếp, từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024 nhà trường vẫn luôn hoàn thành đạt vượt mức yêu cầu kế hoạch giáo dục đề ra.

Về học lực: tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi luôn đạt học lực khá giỏi luôn đạt mức cao, số lượng học sinh yếu kém giảm rõ rệt; trong những năm gần đây thì tỷ lệ HS khá, giỏi tăng vượt trội và không có học sinh kém;

Về hạnh kiểm: tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt luôn đạt ngưỡng mức 3 theo yêu cầu của tiêu chí; tỷ lệ học sinh bỏ học hầu như không xảy ra [H1-1.1-02];[H28-5.6-01].

b) Kết quả học lực, hạnh kiểm; tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong ngưỡng hoàn thành vượt mức chỉ tiêu [H28-5.6-01] cụ thể:

* Kết quả học lực, hạnh kiểm năm học 2021-2022

Năm học 2021-2022 (Chương trình GDPT 2006):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
570	26,1	58,3	14,2	0	85,8	12,3	1,58	0,35

Năm học 2022-2023:

* Theo chương trình GDPT 2006 (Đối với khối 11, 12):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
398	33,9	55	10,6	0,5	92	7	1	0

* Theo chương trình GDPT 2018 (Đối với khối 10):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học tập				Tỉ lệ về rèn luyện			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
216	19,9	53,2	21,3	5,6	79,1	18,1	2,3	0,5

Năm học 2023-2024:

* Theo chương trình GDPT 2006 (Đối với khối 12):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học lực				Tỉ lệ về hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
207	36,2	57,5	6,3	0	94,2	5,8	0	0

* Theo chương trình GDPT 2018 (Đối với khối 10, 11):

Tổng số học sinh	Tỉ lệ về học tập				Tỉ lệ về rèn luyện			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
434	23,5	54,2	18,2	4,1	77,2	19,6	2,5	0,7

* Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp.

STT	NĂM TỐT NGHIỆP	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
------------	-----------------------	-----------------	----------------	----------------

Tỉ lệ Học sinh đỗ tốt nghiệp				
1	2021-2022	168/168	100%	
2	2022-2023	188/188	100%	
3	2023-2024	207/207	100%	
Tỉ lệ học sinh lên lớp				
1	2021-2022	398/399	99,75%	
2	2022-2023	422/425	99,29%	
3	2023-2024	410/429	95,57%	

Kết quả đào tạo mũi nhọn của nhà trường so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương tự đã đạt được những thành tích đáng khích lệ, tuy nhiên do đặc thù vùng miền, chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp nên số lượng học sinh đạt giải trong các kì thi các cấp chưa thật sự nhiều và còn có nhiều biến động [H28-5.6-01];

Mức 3 :

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường:

Loại	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GIỎI	149/570	26,11	135/398	33,92	75/207	36,23
TỐT	0	0	43/216	19,91	102/434	23,5

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường:

Loại	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
KHÁ	332/570	58,25	67/614	10,9	97/641	15,13

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Thứ tự	NĂM HỌC	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
1	2021-2022	1/398	0,25%	

2	2022-2023	04/425	0,71%	
3	2023-2024	19/429	4,43%	

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, định lượng rõ chỉ tiêu chất lượng giáo dục, đề ra các giải pháp để tiến tới hoàn thành mục tiêu giáo dục theo năm học. TTCM, GVBM năng động, nhiệt tình luôn bám sát tình hình thực tế để lập kế hoạch chi tiết hóa việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường; thường xuyên có những điều chỉnh, đổi mới trong phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực của học sinh, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ học sinh yếu đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định. Và trong 5 năm liên tiếp nhà trường luôn hoàn thành đạt vượt mức yêu cầu kế hoạch giáo dục đề ra.

3. Điểm yếu

Một số em học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có điều kiện tới lớp thường xuyên, một số gia đình học sinh khác chưa nhận thức được sự quan trọng của việc học tập.

Việc trao đổi, học hỏi, rút kinh nghiệm còn chưa thực sự đạt hiệu quả cao do có nhiều bộ môn chỉ có một giáo viên.

Một số bộ môn trong nhà trường chưa tìm được phương pháp giảng dạy phù hợp và biện pháp phụ đạo học sinh yếu kém thích hợp với đối tượng học sinh đặc biệt cần quan tâm để nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổ chức tuyên truyền tới đầy đủ CMHS về chủ trương của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Ngành Giáo dục và tới người học để nắm được và hiểu đúng chủ	Ban lãnh đạo nhà trường, đoàn thanh niên	Qua các kênh thông tin như Zalo, facebook	Từ năm 2021 đến sau này

trương đổi mới giáo dục cũng như vai trò quan trọng của việc học tập			
Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể để nắm bắt từng hoàn cảnh gia đình của học sinh để từ đó có các biện pháp, hình thức hỗ trợ giúp đỡ các học sinh nhất là những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt vượt khó khăn đến trường, lớp học tập	- GVCN, ĐTN	Qua các kênh thông tin như Zalo, facebook, văn bản, qua các cuộc họp phụ huynh	Từ năm 2021 đến sau này
Xây dựng các hình thức khen thưởng động viên nhằm khuyến khích học sinh tự giác học tập.	Ban lãnh đạo, GVCN	Dựa trên các quy chế thi đua khen thưởng.	Từ năm 2021 đến sau này
Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tạo điều kiện phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của từng học sinh.	Ban lãnh đạo, GVCN, ĐTN	Qua các buổi tuyên truyền, ngoại khóa.	Từ năm 2021 đến sau này
Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn và giáo dục tốt	BLĐ, ĐTN, Tổ nhóm chuyên môn	Trong các giờ học	Từ năm 2021 đến sau này

kỹ năng sống cho học sinh; giúp học sinh có được những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hội nhập cơ bản.			
Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học.	Ban lãnh đạo		Từ năm 2021 đến sau này
Động viên cán bộ, giáo viên, công nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kỹ năng sử dụng máy tính, thông thạo ngoại ngữ, phục vụ cho công việc giảng dạy làm việc trong ngôi trường tiên tiến hiện đại. Đồng thời tổ chức giao lưu dự giờ đồng nghiệp cấp liên trường để tích lũy thêm kinh nghiệm giảng dạy	Ban lãnh đạo		Từ năm 2021 đến sau này
Duy trì và khai thác triệt để hệ thống camera cho từng phòng học để phụ huynh giám sát hoạt động	Ban lãnh đạo, GVCN	Qua hệ thống Camera nhà trường	Từ năm 2021 đến sau này

dạy và học của nhà trường.			
Nâng cấp và khai thác có hiệu quả website của nhà trường, giới thiệu rộng rãi các hoạt động của nhà trường trên các phương tiện thông tin đặc biệt qua website của nhà trường để CMHS, học sinh có thể truy cập thông tin về nhà trường. Khai thác hiệu quả chương trình SMAS nhằm giúp phụ huynh theo dõi được quá trình học tập và rèn luyện của con, em giúp họ an tâm khi gửi con em theo học tại trường.	Ban lãnh đạo, GVCN	Qua website ở nhà trường.	Từ năm 2021 đến sau này
Thực hiện tốt mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội để phối hợp tốt việc giáo dục học sinh.	GVCN, ĐTN	Qua Zalo, facebook	Từ năm 2021 đến sau này

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

- Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục hàng năm. Các kế hoạch dạy học được vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Hàng năm, nhà trường thường xuyên đổi mới và

thống nhất phương pháp kiểm tra đánh giá theo sự chỉ đạo của ngành: các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Do vậy, vào cuối các năm học trước giáo viên phải có kế hoạch lựa chọn bồi dưỡng những học sinh mũi nhọn của bộ môn, những học sinh gặp khó khăn trong học tập để tham mưu với nhà trường khi xây dựng kế hoạch trong năm học mới. Từ đó hình thành thành hệ thống, thành thói quen, thành nhiệm vụ thường kì cho giáo viên khi giảng dạy tại nhà trường

- Các đề kiểm tra định kỳ theo Kế hoạch dạy học đã được tổ chức cùng thời điểm, chia phòng trộn giữa các lớp trong cùng khối, xây dựng các đề với mức độ kiến thức tương đương để kiểm tra.

- Được sự chỉ đạo của Chi bộ, Ban lãnh đạo, cán bộ giáo viên, cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tích cực tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để rút kinh nghiệm những hạn chế, cũng như đưa ra các giải pháp bồi dưỡng, ôn luyện. Trong các đợt tham gia thi đua về các môn thể dục thể thao, văn nghệ do SGDĐT tổ chức, giáo viên và học sinh được động viên, khích lệ kịp thời và đã đạt được những kết quả nhất định.

- Việc quan tâm giúp đỡ giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập đã đem lại nhiều hiệu ứng tích cực, nhiều em có những biểu hiện tiến bộ về nhận thức và học tập, ngoan ngoãn, lễ phép. Kết quả này đã tạo ra nhiều động lực tích cực cho cán bộ giáo viên nhà trường.

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của BGDĐT, theo các văn bản chỉ đạo của Sở và Phòng GD&ĐT về nội dung giáo dục địa phương. Học sinh được tiếp cận những nội dung kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa địa phương kịp thời. Thông qua hoạt động giáo dục địa phương, học sinh được tham quan thực tế các địa điểm của địa phương (đồn biên phòng Pò Hèn- Móng Cái, Sun World - Bãi Cháy). Thông qua hoạt động trải nghiệm, học sinh được trải nghiệm các địa điểm của đất nước (Đền thờ Chu Văn An, Văn Miếu Quốc Tử Giám, trường Đại học Bách Khoa) làm tăng vốn hiểu biết về truyền thống lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng tự hào về quê hương, đất nước. Tài liệu về địa phương, Trải

nghiệm phổ biến rộng rãi, giáo viên và học sinh có điều kiện để tham gia tìm hiểu và học tập. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương, trải nghiệm luôn được đảm bảo khách quan và hiệu quả (lồng ghép vào chương trình giáo dục của trường). Hằng năm, nhà trường luôn hướng dẫn giáo viên rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

- Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương ngay từ đầu năm học. Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục, số học sinh có đạo đức đạt loại khá trở lên của nhà trường tăng tuyến tính theo năm học từ 97% đến 99%. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Sau các buổi ngoại khóa giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Qua quá trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống, học sinh biết tự bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình; cần và có đủ các kỹ năng để có thể giải quyết tình huống bất ngờ xảy ra.

- Nhà trường có kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và triển khai thực hiện nghiêm túc. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống được Đoàn Thanh niên, tổ chuyên môn tổ chức thường xuyên thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa và thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh. Đa số học sinh bước đầu có khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày, có sự tiến bộ trong rèn luyện đạo đức và học tập.

- Một bộ phận học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên, có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật các cấp.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, định lượng rõ chỉ tiêu chất lượng giáo dục, đề ra các giải pháp để tiến tới hoàn thành mục tiêu giáo dục theo năm học. Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn năng động, nhiệt tình, luôn bám sát tình hình thực tế để lập kế

hoạch chi tiết hóa việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường; thường xuyên có những điều chỉnh, đổi mới trong phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của học sinh, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ học sinh yếu đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định, hoàn thành vượt mức yêu cầu kế hoạch giáo dục đề ra; các kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục, uy tín của nhà trường ngày càng được khẳng định.

Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT 100%.

Điểm yếu:

- Việc sử dụng phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học tích cực chưa linh hoạt, đôi khi chưa bám sát vào đối tượng học sinh. Chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kiến thức vào thực tiễn của học sinh.

- Việc tổ chức giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của một số giáo viên còn chưa đem lại hiệu quả cao, một số học sinh còn chậm tiến bộ, tham gia các cuộc thi kết quả còn thấp.

Công tác phối kết hợp của một số giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh học sinh trong việc giáo dục học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa thường xuyên, đôi khi chưa đem lại hiệu quả cao ở một vài lớp.

- Kế hoạch giáo dục địa phương chưa cụ thể các đơn vị mục tiêu cần đạt kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Mới chỉ tập trung ở các giờ dạy chính khoá, chưa chú trọng tích hợp trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Các buổi sinh hoạt chuyên môn, còn chưa chú trọng đến giáo dục địa phương.

- Thời lượng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL còn hạn chế nên lượng kiến thức truyền đạt đến học sinh chưa thực sự sâu sắc. Một số ít phụ huynh chưa nhiệt tình phối hợp với nhà trường để giáo dục ý thức, trách nhiệm về luật ATGT đối với con em mình.

- Điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho học sinh và giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng sống còn hạn hẹp; tỉ lệ học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học của còn hạn chế.

- Một số cha mẹ học sinh còn thiếu quan tâm tới con em, còn ỷ lại cho nhà trường nên hiệu quả của việc phối hợp giáo dục đạo đức một số trường hợp chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Nhà trường không thực hiện đánh giá các tiêu chí ở mức này

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 28
- Tổng số tiêu chí đạt: 28. Đạt tỉ lệ 100.00%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ 0.00%

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 28
- Tổng số tiêu chí đạt: 28. Đạt tỉ lệ 100.00%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ 0.00%

Mức 3

- Tổng số tiêu chí: 20
- Tổng số tiêu chí đạt: 16. Đạt tỉ lệ 80.00%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 4. Đạt tỉ lệ 20.00%

Mức 4

- Tổng số tiêu chí: 6
- Tổng số tiêu chí đạt: 0. Đạt tỉ lệ 0.00%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 6. Đạt tỉ lệ 100.00%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là Đạt mức 2

Cơ sở giáo dục mong muốn đạt KĐCLGD Cấp độ: 2

Cơ sở giáo dục mong muốn đạt CQG Mức độ: 1

Cầm Phả, ngày 20 tháng 6 năm 2024.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Bích Mai

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC MÃ HÓA MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt	Số: 128 KH/THPT MD, ngày 21/6/2021; Số 01 ĐA/THPT MD ngày 12/7/2022;	Trường THPT Mông Dương	
	2	H1-1.1-02	Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	
	3	H1-1.1-03	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp về định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, của ngành	Số: 06 NQ/TU ngày 8.12.2020; Số: 16 NQ/TU ngày 16.12.2021; Số: 26 NQ/TU ngày 2/12/2022; Số: 36 NQ/TU ngày 5/12/2023; Số 28,29 NQ-TW ngày 17/11/2022; Ngày 27/9/2020	Thành ủy Cẩm Phả, Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh	
	4	H1-1.1-04	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã	Số 28 NQ-TU ngày 14/12/2022; Số 30 NQ-TU ngày 1/6/2023;Số	Thành ủy Cẩm Phả	

			hội của địa phương, của ngành; Quyết định của UBND cấp huyện, cấp tỉnh có nội dung cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp	38 NQ-TU ngày 29/12/2023; Số 24 NQ-TU ngày 11/10/2022; Số 27 NQ-TU ngày 9/12/2022;		
	5	H1-1.1-05	Các hình ảnh, tư liệu chứng minh nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã được đưa tin trên các phương tiện thông tin truyền thông	Số 1391 SGDĐT - GDPT ngày 06/06/2023; Số 880 QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2024; Số 874 QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2024 và các hình ảnh GV, HS đạt thành tích	Trường THPT Mông Dương	
	6	H1-1.1-06	Số nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	
	7	H1-1.1-07	Đường dẫn truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Phòng GDĐT, Sở GDĐT hoặc Cổng thông tin điện tử của nhà trường có đăng tải nội dung chiến lược	Website trường THPT Mông Dương	Trường THPT Mông Dương	

			phát triển			
	8	H1-1.1-08	Hồ sơ tự kiểm tra, giám sát của trường: Hồ sơ giám sát hội đồng trường của thanh tra nhân dân (gồm kế hoạch giám sát, biên bản giám sát, kết luận hoặc thông báo kết quả giám sát), các thông báo kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát của cấp trên	Số 45 KH-TTND ngày 24/10/2021; BB Ngày 26/9/2020; Số 02 TB-TTND ngày 02/10/2021;... Số 05 BC-TTND 7.10.2021...	Trường THPT Mông Dương	
	9	H1-1.1-09	Các văn bản của cấp có thẩm quyền, hội đồng trường, trong việc giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược, xây dựng và phát triển của nhà trường	Số 3910 SGDĐT-GDPT ngày 28.12.2021; Số 1033 QĐ-SGDĐT ngày 30.6.2021; Số 1977 KH-SGDĐT ngày 16.7.2021; Số 441 KH-SGDĐT ngày 23.2.2021; Số 268 QĐ-HĐT-THPTMD ngày 30.10.2023; Số 69 QĐ-HĐT-THPTMD ngày 3.4.2023;	Sở GD&ĐT Quảng Ninh; Trường THPT Mông Dương	
	10	H1-1.1-10	Báo cáo, biên bản có nội dung rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển	28/8/2023	Trường THPT Mông Dương	
	11	H1-1.1-11	Văn bản bổ sung, điều	Số: 185/KH-THPTMD,	Trường THPT	

			chính phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt	ngày 01/9/2023	Mông Dương	
Tiêu chí 1.2	1		Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt	Số: 128 KH/THPT MD, ngày 21/6/2021; Số 01 ĐA/THPT MD ngày 12/7/2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	4	H2-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường đối với trường công lập (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục)	Số: 2005/QĐ-SGDĐT, ngày 31/12/2021; Số: 378/QĐ-SGDĐT, ngày 24/2/2022; Số: 1457/QĐ-SGDĐT, ngày 24/10/2023	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	5	H2-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	Số: 147/QĐ-THPTMD, ngày 16/9/2021; Số: 161/QĐ-THPTMD, ngày	Trường THPT Mông Dương	

				22/9/2022; Số: 183/QĐ-THPTMD, ngày 5/9/2023		
	6	H2-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật (nếu có)	Số: 190/QĐ-THPTMD, ngày 25/10/2021; Số: 228/QĐ-THPTMD, ngày 31/12/2021; Số: 60/QĐ-THPTMD, ngày 9/5/2022; Số: 15/QĐ-THPTMD, ngày 14/1/2023; Số: 264/QĐ-THPTMD, ngày 24/10/2023; Số: 74/QĐ-THPTMD, ngày 21/3/2024; Số: 110/QĐ-THPTMD, ngày 20/4/2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H2-1.2-04	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Số: 139/QĐ-THPTMD, ngày 7/9/2021; Số: 159/QĐ-THPTMD, ngày 19/9/2022; Số: 194/QĐ-THPTMD, ngày 11/9/2023; Số: 43/QĐ-THPTMD, ngày 29/1/2024	Trường THPT Mông Dương	
	8	H2-1.2-05	Biên bản của các hội đồng có nội dung liên quan	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	

	9	H2-1.2-06	Các kế hoạch hoạt động, biên bản sinh hoạt và nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng quản trị	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	10	H2-1.2-07	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường	Số: 01/QĐ-HĐT, ngày 26/10/2016; Số: 03/QĐ-HĐT-THPTMD, ngày 27/03/2022	Trường THPT Mông Dương	
	11	H2-1.2-08	Các biên bản có liên quan về việc kiểm tra của các cơ quan chức năng	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	12	H2-1.2-09	Hồ sơ thi đua	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	13	H2-1.2-10	Hồ sơ kỷ luật của Hội đồng kỷ luật	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 1.3	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06

				18.10.2022;		
	3	H3-1.3-01	Quyết định về việc thành lập công đoàn nhà trường (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội công đoàn, quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chủ tịch, phó chủ tịch,...)	Số 179/QĐ-CĐN ngày 21 tháng 8 năm 2017, Số 1178/QĐ-CĐN ngày 10 tháng 4 năm 2023	Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh	
	4	H3-1.3-02	Quyết định thành lập (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội, quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành...) đoàn thanh niên trường; các hồ sơ liên quan (kế hoạch, quy chế ...)	Số 166-QĐ/ĐTN ngày 10 tháng 11 năm 2021, Số 33-QĐ/ĐTN ngày 25 tháng 9 năm 2023, Số 10-QĐ/ĐTN ngày 05 tháng 11 năm 2023	BCH Đoàn Thành phố Cẩm Phả	
	5	H3-1.3-03	Quyết định thành lập (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội) chi đoàn giáo viên, nhân viên của nhà trường	Số 01/QĐ- ĐTN ngày 26/10/2021, Số 02/QĐ-ĐTN ngày 25/10/2022, Số 04/QĐ- ĐTN ngày 18/9/2023	Đoàn TN trường THPT Mông Dương	
	6	H3-1.3-04	Quyết định thành lập (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội) các tổ chức xã hội khác nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục và hồ sơ có liên quan (nếu có)	Số 500/QĐ-BCH ngày 01 tháng 4 năm 2021	Ban chỉ huy quân sự thành phố Cẩm Phả	
	7	H3-1.3-05	Kế hoạch hoạt động của tổ	Số 04-KH/CB ngày 19	Chi bộ THPT Mông	

			chức đoàn thể và tổ chức khác	tháng 1 năm 2021, Số 34-KH/CB ngày 26 tháng 3 năm 2021, Số 08-Ctr/CB ngày 07 tháng 1 năm 2022, Số 27-KH/CB ngày 10 tháng 1 năm 2022, Số 27-KH/CB ngày 10 tháng 1 năm 2022, Số 28-KH/CB ngày 16 tháng 1 năm 2022	Dương, Công đoàn trường THPT Mông Dương, Trường THPT Mông Dương	
	8	H3-1.3-06	Các văn bản có liên quan của công đoàn, Đội TNTP HCM, Đoàn TNCS HCM, các tổ chức xã hội khác (hội cựu giáo chức, hội khuyến học,...)	Số 01-Ctr/ĐTNMD ngày 27 tháng 9 năm 2021, Số 24-KH/ĐTN ngày 28 tháng 9 năm 2021, Số 25-KH/ĐTN ngày 01 tháng 10 năm 2021, Số 26-KH/ĐTN ngày 02 tháng 10 năm 2021, Số 27-KH/ĐTN ngày 04 tháng 10 năm 2021,	Đoàn TN trường THPT Mông Dương	
	9	H3-1.3-07	Quyết định thành lập tổ chức Đảng CSVN của nhà trường (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở; quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chi ủy, bí thư, phó bí thư, tổ trưởng tổ	Số 1200-QĐ/TU ngày 28 tháng 5 năm 2020	Thành Ủy Cẩm Phả	

			đảng,...)			
	10	H3-1.3-08	Báo cáo có liên quan của chi bộ nhà trường hoặc các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác	Số 47-BC/CB-THPTMD ngày 05 tháng 11 năm 2022, Số 37-BC/CB-THPTMD ngày 27 tháng 2 năm 2022, Số 34-BC/THPTMD ngày 02 tháng 03 năm 2023, Số 39-BC/CB-THPTMD ngày 14 tháng 03 năm 2023, Số 38-BC/CB ngày 14 tháng 03 năm 2023	Chi bộ trường THPT Mông Dương	
	11	H3-1.3-09	Văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng	Số 843-BC/BTG ngày 10 tháng 11 năm 2023, Số 109-Tb/UBKT ngày 29 tháng 02 năm 2024, Số 79-TB/UBKT ngày 22 tháng 3 năm 2023	Ban tuyên giáo Thành phố Cẩm Phả, Ủy ban kiểm tra thành phố Cẩm Phả	
	12	H3-1.3-10	Nghị quyết hoặc quyết định của đảng ủy cấp trên công nhận chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ	Số 6201-QĐ/TU ngày 11 tháng 11 năm 2022, Số 658-QĐ/TU ngày 19 tháng 12 năm 2022, Số 914-QĐ/TU ngày 20 tháng 12 năm 2023	Thành Ủy Cẩm Phả	
	13	H3-1.3-11	Nghị quyết, quyết định hoặc giấy khen, bằng khen,...của tổ chức Đảng cấp trên công nhận tổ chức	Số 5483/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022	Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả	

			Đảng CSVN của nhà trường và các tổ chức đoàn thể khác hoàn thành tốt nhiệm vụ			
Tiêu chí 1.4	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	3	H4-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường công lập); Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường tư thục)	811/QĐ-SGDĐT, ngày 18 tháng 7 năm 2024; 1305 /QĐ-SGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2020; 2583 /QĐ-SGDĐT, ngày 27 tháng 8 năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	
	4	H4-1.4-02	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	108,109,110 /QĐ-THPTMD ngày 21/8/2021; 116,117,118 /QĐ-THPTMD ngày 17/8/2022; 160,161,162/QĐ-THPTMD ngày	Trường THPT Mông Dương	

				21/8/2023.		
	5	H4-1.4-03	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó ở tổ chuyên môn, tổ văn phòng	111,112,113,114,115,116,117, 118 /QĐ-THPTMD ngày 21/8/2021; 119,120,121,122,123 /QĐ-THPTMD ngày 17/8/2022; 173,174,175,176,177,178,179 /QĐ-THPTMD ngày 30/8/2023;	Trường THPT Mông Dương	
	6	H4-1.4-04	Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	
	7	H4-1.4-05	Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	
	8	H4-1.4-06	Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	9	H4-1.4-07	Biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm	Ngày 26/5/2022; Ngày 29/5/2023; Ngày 29/5/2024;	Trường THPT Mông Dương	
	10	H4-1.4-08	Các chuyên đề chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	11	H4-1.4-09	Kế hoạch khai thác, sử	181/KH-THPTMD ngày	Trường THPT	

			dụng thiết bị, đồ dùng học tập	29/8/2021;	Mông Dương	
	12	H4-1.4-10	Các văn bản liên quan đến hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	13	H4-1.4-11	Bằng khen giấy khen liên quan hoặc đánh giá, nhận xét của các cấp có thẩm quyền	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Bộ Giáo dục và đào tạo, UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở GDĐT Quảng Ninh, UBND Thành phố Cẩm Phả, UBND phường Mông Dương	
	14	H4-1.4-12	Biên bản (hoặc kết luận, thông báo) của cấp có thẩm quyền có nội dung nói về đóng góp của tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	15	H4-1.4-13	Các minh chứng để chứng minh được sau khi thực hiện các chuyên đề chuyên môn thí chất lượng giáo dục được cải thiện	2105/BC-SGDĐT ngày 01/8/2022; 2338/BC-SGDĐT ngày 17/7/2024; 275 ngày 28/5/2024; 3592 ngày 13/12/2022	Sở GDĐT Quảng Ninh	

	16	H4-1.4-14	Bảng khen giấy khen, quyết định của các cấp có thẩm quyền về việc tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Sở GDĐT Quảng Ninh	
Tiêu chí 1.5	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2	H5-1.5-01	Sổ đăng bộ	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	3	H5-1.5-02	Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	4	H5-1.5-03	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ và tên GV chủ nhiệm, họ tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó) luân phiên hàng năm)	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	trường THPT Mông Dương	
	5	H5-1.5-04	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp hoặc văn bản của GV chủ nhiệm lớp chỉ định lớp trưởng, lớp phó luân phiên hàng năm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 1.6	1		Sổ đăng bộ	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02

	3		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	4		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	5	H6-1.6-01	Sổ quản lý hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Sổ CV đến, cv đi năm 2021, 2022, 2023, 2024	Văn thư	
	6	H6-1.6-02	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023 , sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	
	7	H6-1.6-03	Các biên bản, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có thẩm quyền	Số 01/BB - ĐGS ngày 29/9/2023	HĐ nhân dân thành phố Cẩm Phả	
	8	H6-1.6-04	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường	Năm 2021, 2022, 2023, 2024	Trường THPT Mông Dương	
	9	H6-1.6-05	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường	Phần mềm Misa, phần mềm chính quyền điện tử	Kế toán, Văn thư	
	10	H6-1.6-06	Sổ quản lý tài chính	Năm 2021, 2022, 2023	Kế toán	
	11	H6-1.6-07	Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc	3839/TB - SGDĐT	SGDĐT Quảng Ninh	

			thanh tra, kiểm toán,...) có đánh giá về các nội dung có liên quan			
	12	H6-1.6-08	Các tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường	Số 120 ngày 10/6/2021; số 121 ngày 11/6/2021; CV 267 ngày 25/12/2021; CV 10 ngày 12/01/2022; CV 34 ngày 22/02/2022; CV 123 ngày 27/6/2022; CV 124 ngày 27/6/2022	Trường THPT Mông Dương	
	13	H6-1.6-09	Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp	Số 40 ngày 09/3/2022; số 71 ngày 03/5/2022; số 159 ngày 23/8/2022; số 218 ngày 24/10/2022	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 1.7	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	3	H7-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng, phát	178/KH-THPTMD,	Trường THPT	

			triển đội ngũ hàng năm	29/08/2021; 215/KH-THPTMD, 15/10/2022; 224/KH-THPTMD, 20/09/2023	Mông Dương	
	4	H7-1.7-02	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên hằng năm	175/KH-THPTMD, 29/8/2021; 221/KH-THPTMD, 05/10/2022; 252/KH-THPTMD, 10/10/2023	Trường THPT Mông Dương	
	5	H7-1.7-03	Các văn bản (hoặc biên bản cuộc họp) liên quan	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	THPT Mông Dương	
	6	H7-1.7-04	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H7-1.7-05	Phân công nhiệm vụ của CBQL	106/QĐ-THPTMD, 21/08/2021; 151/QĐ-THPTMD, 17/08/2022; 158/QĐ-THPTMD, 21/08/2023	Trường THPT Mông Dương	
	8	H7-1.7-06	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	107/QĐ-THPTMD, 21/08/2021; 131/QĐ-THPTMD, 22/08/2022; 159/QĐ-THPTMD, 21/08/2023	Trường THPT Mông Dương	
	9	H7-1.7-07	Hồ sơ cấp phát lương và các chế độ phụ cấp khác	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	

			của giáo viên hàng tháng			
	10	H7-1.7-08	Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác của công đoàn	41/CĐCS,04/01/2022; 48/BC- CĐCS,14/06/2022; 01/CĐCS,09/01/2023; 02/BC- CĐC,08/06/2023; 07/CĐCS,04/01/2024; 09/BC-CĐC,05/06/2024	Công đoàn Trường THPT Mông dương	
	11	H7-1.7-09	Biên bản hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm	177/NQHN-CĐ- THPTMD, 15/10/2021; 01/NQHN-CĐ-THPTMD, 07/10/2022; 237/NQHN-CĐ- THPTMD, 06/10/2023	Trường THPT Mông Dương	
	12	H7-1.7-10	Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	209- KHTPMD,17/09/2021; 199- KHTPMD,26/09/2022; 217- KHTPMD,18/9/2023	Trường THPT Mông Dương	
	13	H7-1.7-11	Minh chứng về việc phân công nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường năng lực; minh chứng về nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên,	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	THPT Mông Dương, sở GD và ĐT Quảng Ninh	

			nhân viên phát huy năng lực của mình			
Tiêu chí 1.8	1		Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm	178/KH-THPTMD, 29/08/2021; 215/KH-THPTMD, 15/10/2022; 224/KH-THPTMD, 20/09/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên hằng năm	175/KH-THPTMD, 29/8/2021; 221/KH-THPTMD, 05/10/2022; 252/KH-THPTMD, 10/10/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-02
	4		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-04
	5		Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-05
	6		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	7		Biên bản hội nghị cán bộ,	177/NQHN-CD-	Trường THPT	H7-1.7-09

		viên chức hàng năm	THPTMD, 15/10/2021; 01/NQHN-CĐ-THPTMD, 07/10/2022; 237/NQHN-CĐ- THPTMD, 06/10/2023	Mông Dương	
8		Hồ sơ thi đua	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	H2-1.2-09
9		Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	209- KHTPMD,17/09/2021; 199- KHTPMD,26/09/2022; 217- KHTPMD,18/9/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-10
10	H8-1.8-01	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
11	H8-1.8-02	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
12	H8-1.8-03	Biên bản sinh hoạt chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
13	H8-1.8-04	Thời khóa biểu	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
14	H8-1.8-05	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
15	H8-1.8-06	Biên bản (hoặc thông báo hoặc kết luận) kiểm tra của cấp trên có liên quan	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Sở GD và ĐT Quảng Ninh	

	16	H8-1.8-07	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm (nếu có)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 1.9	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	3		Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác của công đoàn	41/CĐCS,04/01/2022; 48/BC-CĐCS,14/06/2022; 01/CĐCS,09/01/2023; 02/BC-CĐC,08/06/2023; 07/CĐCS,04/01/2024; 09/BC-CĐC,05/06/2024	Công đoàn Trường THPT Mông dương	H7-1.7-08
	4	H9-1.9-01	Các biên bản liên quan (Hội nghị cán bộ, viên chức)	KH 231/KH-HNNG,CBQL,NLĐ ngày 06/10/2021; KH 184/KH-HNNG,CBQL,NLĐ ngày 16/09/2022; KH 220/KH-HNNG,CBQL,NLĐ ngày	Trường THPT Mông Dương	

				20/09/2023 ;		
	5	H9-1.9-02	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức	Nghị quyết số 01/NQHN-CĐ-THPTMD NGÀY 07/10/2021; Nghị quyết số 01/NQHN-CĐ-THPTMD NGÀY 07/10/2022; Nghị quyết số 01/NQHN-CĐ-THPTMD NGÀY 07/10/2023	Trường THPT Mông Dương	
	6	H9-1.9-03	Báo cáo của ban thanh tra nhân dân	SỐ 02/BC-TTrND NGÀY 07/10/2021; SỐ 03/BC-TTrND NGÀY 28/09/2023;	Công đoàn trường THPT Mông Dương	
	7	H9-1.9-04	Hồ sơ tiếp công dân	Số 16/TB-THPTMD NGÀY 13/02/2023; QĐ SỐ 11/QĐ-THPTMD NGÀY 11/01/01/2021; SỐ 327-TB/THPTMD NGÀY 27/12/2023; QUYẾT ĐỊNH 21-QĐ/THPTMD NGÀY 31/01/2023; TB SỐ 33/TB-THPTMD NGÀY 20/11/2024; QĐ SỐ 26/QĐ-THPTMD NGÀY 21/01/2024	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	8	H9-1.9-05	Quy chế dân chủ của nhà	Số 116/QĐ-THPTMD	TRƯỜNG THPT	

			trường	NGÀY 09/10/2021; Số 247/QĐ-THPTMD NGÀY 11/10/2022; Số 247/QĐ-THPTMD NGÀY 11/10/2023;	MÔNG DƯƠNG	
	9	H9-1.9-06	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	SỐ 13-BC-CBTHPTMD NGÀY 07/11/2021; SỐ 14-BC-CBTHPTMD NGÀY 07/11/2022; SỐ 61-BC-CBTHPTMD NGÀY 07/11/2023;	Công đoàn trường THPT Mông Dương	
	10	H9-1.9-07	Hồ sơ thực hiện công khai theo quy định	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	11	H9-1.9-08	Nghị quyết sinh hoạt của các tổ chuyên môn	Năm học 2021- 2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Tổ Xã hội, Tổ Tự nhiên	
Tiêu chí 1.10	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Các văn bản (hoặc biên bản cuộc họp) liên quan	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	THPT Mông Dương	H7-1.7-03
	3	H10-1.10-01	Các kế hoạch, tài liệu, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của nhà trường đối với các nội dung đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng	SỐ 11/QĐ-THPTMD ,05/03/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	

			chống cháy nổ; phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường			
	4	H10-1.10-02	Văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan	SỐ 143/QCPH-THPTMD-CAPMD, NGÀY 07/09/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	5	H10-1.10-03	Hợp đồng với tổ chức cá nhân	SỐ 276/PLHĐLV-THPTMD NGÀY 27/07/2024	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	6	H10-1.10-04	Hộp thư góp ý của nhà trường		ẢNH HỘP THƯ GÓP Ý CỦA TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	7	H10-1.10-05	Điện thoại đường dây nóng của nhà trường		TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	8	H10-1.10-06	Sổ ghi chép của CBQL, giáo viên, nhân viên có nội dung liên quan	16/BC-THPTMD NGÀY 24/05/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	9	H10-1.10-07	Biên bản xử lý các thông tin phản ánh của người dân (nếu có)	QĐ 190/QĐ-THPTMD NGÀY 25/10/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	10	H10-1.10-08	Biên bản (hoặc kết luận, thông báo) của cơ quan công an, chính quyền địa phương có liên quan	SỐ 146 NGÀY 10/02/23	CÔNG AN THÀNH PHỐ	

	11	H10-1.10-09	Phiếu hỏi (lấy ý kiến) học sinh về hiện tượng kì thi, bạo lực, vi phạm về bình đẳng giới trong lớp, trường	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	12	H10-1.10-10	Các bài viết tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại	09/03/2001	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	13	H10-1.10-11	Hồ sơ về phòng, chống cháy nổ	SỐ 79/QĐ-THPTMD NGÀY 15/08/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	14	H10-1.10-12	Biên bản xử lý các vụ việc có liên quan	Năm học 2023-2024	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
	15	H10-1.10-13	Các hình ảnh, tư liệu về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học (nếu có)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	ẢNH VỀ AT ANTT PCCC	
	16	H10-1.10-14	Biên bản họp triển khai các phương án	BB NGÀY 26/04/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	
Tiêu chí 2.1	1		Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường công lập); Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường tư thục)	811/QĐ-SGDĐT, ngày 18 tháng 7 năm 2024; 1305 /QĐ-SGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2020; 2583 /QĐ-SGDĐT, ngày 27 tháng 8 năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	H4-1.4-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên hằng năm	175/KH-THPTMD, 29/8/2021; 221/KH-THPTMD, 05/10/2022;	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-02

				252/KH-THPTMD,10/10/2023		
	4		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-04
	5		Các biên bản có liên quan về việc kiểm tra của các cơ quan chức năng	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	H2-1.2-08
	6		Hồ sơ thi đua	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	H2-1.2-09
	7	H11-2.1-01	Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm	Số: 972/QĐ-SGDĐT, ngày 27/7/2022; Số: 949/QĐ-SGDĐT, ngày 8/8/2023; Số: 874/QĐ-SGDĐT, ngày 29/7/2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	8	H11-2.1-02	Các hình thức khen thưởng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Số: 3212/QĐ - BGĐT, ngày 27/10/2022; Số: 1023/QĐ - SGDĐT, ngày 5/8/2022; Số: 984/QĐ - SGDĐT, ngày 18/8/2023; Số: 1580/QĐ-BCH, ngày 17/11/2023; Số 1150/QĐ - CDN, ngày 15/3/2023; Số 1023/	Bộ giáo dục và đào tạo; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Công đoàn ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh; BCH quân sự thành phố Cẩm Phả	

	9	H11-2.1-03	Công văn triệu tập, quyết định cử đi học	Năm 2021-2022; năm 2022-2023; năm 2023-2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	10	H11-2.1-04	Văn bản triệu tập hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn	Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	11	H11-2.1-05	Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn	Số: 1670/QĐ, ngày 12/7/2022	Trường đại học Vinh	
	12	H11-2.1-06	Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục	năm học 2021-2022	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	13	H11-2.1-07	Văn bản triệu tập hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị	Số: 237/QĐ - SGDĐT, ngày 25/8/2021; Số: 2345/QĐ - SGDĐT, ngày 23/8/2022; Số: 152/QĐ -SGDĐT, ngày 17/7/2024	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	14	H11-2.1-08	Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị	15-10-2021; 12-02-2022; 20-01-2023		
	15	H11-2.1-09	Biên bản lấy ý kiến giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hàng năm	Năm học 2021 -2022; Năm 2022 - 2023; Năm 2023 - 2024		

Tiêu chí 2.2	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-04
	3		Hồ sơ thi đua	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	H2-1.2-09
	4	H12-2.2-01	Bảng phân công chuyên môn của nhà trường	Ngày 05/09/2021; 13/09/2021; 05/09/2022; 09/1/2023; 05/9/2023; 22/1/2024	Trường THPT Mông Dương	
	5	H12-2.2-02	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo	Ngày 02/8/2022; 02/8/2023; 02/8/2024	Trường THPT Mông Dương	
	6	H12-2.2-03	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm	Ngày 25/5/2022; 05/6/2023; 23/5/2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H12-2.2-04	Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường	Ngày 02/08/2022; 02/08/2023; 02/08/2024	Trường THPT Mông Dương	
	8	H12-2.2-05	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền	Số: 1023/QĐ-SGDĐT, ngày 05/8/2022; Số: 1024/QĐ-SGDĐT, ngày 05/8/2022; Số: 963/QĐ-SGDĐT, ngày	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	

				10/8/2023; Số: 964, ngày 10/8/2023; Số: 928/QĐ-SGDĐT, ngày 10/8/2024; Số: 1475/QĐ-SGDĐT, ngày 30/10/2023		
	9	H12-2.2-06	Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận	Số: 05/QĐ-BTC, ngày 06/1/2023; Số: 270/QĐ-PGDĐT, ngày 18/12/2023; Số: 63/QĐ-THPTMD, ngày 14/04/2022; Số: 81/QĐ-THPTMD, ngày 26/04/2023; Số: 103/QĐ-THPTMD, ngày 19/4/2024	Trường THPT Lê Quý Đôn; Phòng GDĐT Cẩm Phả; Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 2.3	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-04
	3		Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	107/QĐ-THPTMD, 21/08/2021; 131/QĐ-THPTMD, 22/08/2022; 159/QĐ-THPTMD, 21/08/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-06
	4		Hồ sơ thi đua	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023;	Trường THPT Mông Dương; Sở	H2-1.2-09

				năm học 2023-2024	giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh	
	5	H13-2.3-01	Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ	Ngày 08/09/2021; 10/09/2022; 15/09/2023	Trường THPT Mông Dương	
	6	H13-2.3-02	Bảng tổng hợp xếp loại nhân viên hàng năm	Ngày 26/05/2022; 29/05/2023; 06/05/2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H13-2.3-03	Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ	Số: 327/SGDĐT-KHTC, ngày 7/2/2022; Số: 1068/SGDĐT-KHTC, 20/4/2022; 1909/KH- SGDĐT, 20/7/2023; 1873/GM-STC, 21/4/2023; 305/SGDĐT-VP, 29/1/2024; 1135/SGDĐT-KHTC, 10/4/2024; 1562/KH- SGDĐT, 16/5/2024; 3552/SGDĐT-GDPT, 6/12/2023; 2383/KH- SGDĐT, 22/7/2024	Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ninh; Sở tài chính	
	8	H13-2.3-04	Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ	Số CN: 241142/23/HN, ngày 04/12/2023	Công ty cổ phần tư vấn giáo dục và đào tạo Hà Nội	
	9	H13-2.3-05	Chứng chỉ hoặc chứng	Số CN: 241142/23/HN,	Công ty cổ phần tư	

			nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ	ngày 04/12/2023	vấn giáo dục và đào tạo Hà Nội	
	10	H13-2.3-06	Văn bản điều động nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định	Số: 300/QĐ-SGDĐT ngày 21/01/2022; Số: 296/QĐ-SGDĐT ngày 24/02/2023; Số: 176/QĐ-SGDĐT ngày 23/02/2024	Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ninh	
Tiêu chí 2.4	1		Sổ đăng bộ	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	4		Hồ sơ kỷ luật của Hội đồng kỷ luật	năm học 2021-2022; năm học 2022-2023; năm học 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H2-1.2-10
	5		Kế hoạch tự đánh giá			
	6		Quyết định thành lập hội đồng			
	7	H14-2.4-01	Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022	THPT Mông Dương	
	8	H14-2.4-02	Các minh chứng liên quan đến tư vấn tâm lý cho học sinh	202/KH THPT Mông Dương, ngày 11/09/2023	Trường THPT Mông Dương	
	9	H14-2.4-03	Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	10	H14-2.4-04	Quyết định khen thưởng	76/QĐ SGD ĐT ngày	Sở GD ĐT	

			học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	13/01/2022; Số 398/QĐ SGDĐT ngày 13/03/2023;		
Tiêu chí 3.1	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023, sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	3	H15-3.1-01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2210/QĐ-UB (08/7/2002)	Trường THPT Mông Dương	
	4	H15-3.1-02	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Báo cáo thẩm tra số 37 (16/7/2007)	Trường THPT Mông Dương	
	5	H15-3.1-03	Các hình ảnh liên quan (về khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 3.2	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Báo cáo thẩm tra số 37 (16/7/2007)	Trường THPT Mông Dương	H15-3.1-02
	3		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023, sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	4		Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H4-1.4-06

	5	H16-3.2-01	Các hình ảnh tư liệu liên quan (khối phòng học, phòng bộ môn và phục vụ học tập)		Trường THPT Mông Dương	
	6	H16-3.2-02	Sơ đồ tổng thể của nhà trường		Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 3.3	1		Các hình ảnh tư liệu liên quan (khối phòng học, phòng bộ môn và phục vụ học tập)		Trường THPT Mông Dương	H16-3.2-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Báo cáo thẩm tra số 37 (16/7/2007)	Trường THPT Mông Dương	H15-3.1-02
	4		Sơ đồ tổng thể của nhà trường		Trường THPT Mông Dương	H16-3.2-02
	5		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023 , sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	6		Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H4-1.4-06
	7	H17-3.3-01	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị	2021, 2022, 2023	Trường THPT Mông Dương	
	8	H17-3.3-02	Hình ảnh, tư liệu liên quan	Năm học 2021-2022;	Trường THPT	

			(khối hành chính-quản trị)	2022-2023; 2023-2024	Mông Dương	
	9	H17-3.3-03	Các biên bản đánh giá của cấp có thẩm quyền	25/11/2021; 25/5/2022; 25/5/2023; 31/12/2023	Phòng GD&ĐT TP Cẩm Phả; Trường THPT Mông Dương; Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Sở giáo dục và đào tạo	
Tiêu chí 3.4	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Hình ảnh, tư liệu liên quan (khối hành chính-quản trị)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H17-3.3-02
	3		Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Báo cáo thẩm tra số 37 (16/7/2007)	Trường THPT Mông Dương	H15-3.1-02
	4		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023, sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	5		Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H4-1.4-06
	6	H18-3.4-01	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch	Biên bản kiểm tra về nước sạch các năm 2021-2022; 2022-2023; 2023- 2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H18-3.4-02	Hình ảnh, tư liệu liên quan (Khu vệ sinh-hệ thống		Trường THPT Mông Dương	

			thoát nước)			
	8	H18-3.4-03	Hợp đồng thu gom vận chuyển rác; hoặc có lò đốt rác đối với các trường ở nông thôn (nếu có)	số 537/ QLDA- DVCL ngày 19/08/2021; số 4063/ UBND-TCKH ngày 5/10/2022; 86/CV-MTTĐ ngày 01/07/2023	Trường THPT Mông Dương	
	9	H18-3.4-04	Hợp đồng cung cấp nước sạch hoặc minh chứng về nguồn nước sạch đối với các trường ở nông thôn	HĐ Số 20-HĐKT/2021, Ngày 11/9/2021; HĐ số 24-HĐKT/2022 ngày 1/9/2022; HĐ số 21-HĐKT/2023 ngày 11/9/2023; giấy chứng nhận nước 08/11/1023	Trường THPT Mông Dương	
	10	H18-3.4-05	Hóa đơn thu tiền nước hàng tháng	Hóa đơn nước năm 2021; 2022; 2023; 2024	Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh	
Tiêu chí 3.5	1		Các hình ảnh tư liệu liên quan (khối phòng học, phòng bộ môn và phục vụ học tập)		Trường THPT Mông Dương	H16-3.2-01
	2		Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Báo cáo thẩm tra số 37 (16/7/2007)	Trường THPT Mông Dương	H15-3.1-02
	3		Sơ đồ tổng thể của nhà trường		Trường THPT Mông Dương	H16-3.2-02
	4		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023 , sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02

			- 2024		
5		Các hình ảnh liên quan (về khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H15-3.1-03
6		Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H4-1.4-06
7	H19-3.5-01	Hồ sơ trang cấp, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học, dịch vụ trực tuyến phục vụ công tác khai thác và sử dụng tài liệu	năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
8	H19-3.5-02	Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học của trường	năm 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Bộ phận Thiết bị - Trường THPT Mông Dương	
9	H19-3.5-03	Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền về nội dung liên quan	3839/TB-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023	Sở Giáo dục và đào tạo Quảng Ninh	
10	H19-3.5-04	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	trường THPT Mông Dương	
11	H19-3.5-05	Hồ sơ sửa chữa, thanh lý, tiêu hủy thiết bị, đồ dùng học tập	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	trường THPT Mông Dương	
12	H19-3.5-06	Hợp đồng kết nối mạng	01/2020	Viettel Quảng Ninh	
13	H19-3.5-07	Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng của	năm học 2023-2024; 2022-2023; 2021-	Trường THPT Mông Dương	

			nhà trường	2022		
	14	H19-3.5-08	Đánh giá phản hồi của cán bộ, giáo viên, nhân viên về đường truyền Internet	năm học 2021-2022;2022-2023;2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	15	H19-3.5-09	Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm	năm học 2023-2024	Bộ phận Thiết bị - Trường THPT Mông Dương	
	16	H19-3.5-10	Sổ dự giờ, biên bản kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn với các thành viên trong tổ chuyên môn (có nội dung sử dụng TBDH)	năm 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 3.6	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023 , sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	3	H20-3.6-01	Hồ sơ quản lý thư viện, ứng dụng CNTT trong công tác khai thác và quản lý thư viện	120/QĐ-THPTMD, ngày 21 tháng 8 năm 2021	Trường THPT Mông Dương	
	4	H20-3.6-02	Biên bản kiểm tra của các cơ quan chức năng có nội dung liên quan	Số: 3839/TB-SGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2023	Sở GDĐT Quảng Ninh	

	5	H20-3.6-03	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn (trở lên)	Số: 1767/QĐ-SGDĐT, ngày 03 tháng 11 năm 2021, QĐ về việc công nhận Trường THPT Mông Dương đạt danh hiệu Thư viện trường học Chuẩn	Sở GDĐT Quảng Ninh	
Tiêu chí 4.1	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	3	H21-4.1-01	Văn bản thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường	Số 19/QĐ-THPTMD 26/9/2021; Số 18/QĐ-THPTMD 20/9/2022; Số 187/QĐ-THPTMD 07/9/2023	Trường THPT Mông Dương	
	4	H21-4.1-02	Kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	29/10/2021; 29/10/2022; 9/9/2023	Trường THPT Mông Dương	
	5	H21-4.1-03	Báo cáo hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021 - 2022; 2022- 2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	6	H21-4.1-04	Các biên bản họp cha mẹ	Năm học 2021-2022;	Trường THPT	

			học sinh	2022-2023; 2023-2024	Mông Dương	
	7	H21-4.1-05	Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền	QĐ687/ QĐ-SGD&ĐT ngày 21 tháng 6 năm 2023	Sở GD&ĐT Quảng Ninh; Điện lực TP Cẩm Phả; Công an	
	8	H21-4.1-06	Các văn bản, video có nội dung liên quan	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	9	H21-4.1-07	Biên bản họp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường	2021 - 2022; 2022-2023; 2023 - 2024	Trường THPT Mông Dương	
	10	H21-4.1-08	Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất,...	QĐ 142/QĐ -THPTMD, ngày 01 tháng 9 năm 2022	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 4.2	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Sổ tài sản 2021, 2022, 2023 , sổ thiết bị 2021-2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024	Kế toán, thiết bị	H6-1.6-02
	3		Văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan	SỐ 143/QCPH-THPTMD-CAPMD, NGÀY 07/09/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	H10-1.10-02
	4		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp về định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, của ngành	Số: 06 NQ/TU ngày 8.12.2020; Số: 16 NQ/TU ngày 16.12.2021; Số: 26 NQ/TU ngày	Thành ủy Cẩm Phả, Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh	H1-1.1-03

				2/12/2022; Số: 36 NQ/TU ngày 5/12/2023; Số 28,29 NQ-TW ngày 17/11/2022; Ngày 27/9/2020		
	5		Các hình ảnh, tư liệu chứng minh nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã được đưa tin trên các phương tiện thông tin truyền thông	Số 1391 SGDĐT - GDPT ngày 06/06/2023; Số 880 QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2024; Số 874 QĐ- SGDĐT ngày 29/7/2024 và các hình ảnh GV, HS đạt thành tích	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-05
	6		Kế hoạch hoạt động của tổ chức đoàn thể và tổ chức khác	Số 04-KH/CB ngày 19 tháng 1 năm 2021, Số 34-KH/CB ngày 26 tháng 3 năm 2021, Số 08-Ctr/CB ngày 07 tháng 1 năm 2022, Số 27-KH/CB ngày 10 tháng 1 năm 2022, Số 27-KH/CB ngày 10 tháng 1 năm 2022, Số 28-KH/CB ngày 16 tháng 1 năm 2022	Chi bộ THPT Mông Dương, Công đoàn trường THPT Mông Dương, Trường THPT Mông Dương	H3-1.3-05
	7		Các văn bản có liên quan của công đoàn, Đội TNTP HCM, Đoàn TNCS HCM, các	Số 01-Ctr/ĐTNMD ngày 27 tháng 9 năm 2021, Số 24-KH/ĐTN ngày 28	Đoàn TN trường THPT Mông Dương	H3-1.3-06

			tổ chức xã hội khác (hội cựu giáo chức, hội khuyến học,...)	tháng 9 năm 2021, Số 25-KH/ĐTN ngày 01 tháng 10 năm 2021, Số 26-KH/ĐTN ngày 02 tháng 10 năm 2021, Số 27-KH/ĐTN ngày 04 tháng 10 năm 2021,		
	8		Số nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	9		Báo cáo có liên quan của chi bộ nhà trường hoặc các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác	Số 47-BC/CB-THPTMD ngày 05 tháng 11 năm 2022, Số 37-BC/CB-THPTMD ngày 27 tháng 2 năm 2022, Số 34-BC/THPTMD ngày 02 tháng 03 năm 2023, Số 39-BC/CB-THPTMD ngày 14 tháng 03 năm 2023, Số 38-BC/CB ngày 14 tháng 03 năm 2023	Chi bộ trường THPT Mông Dương	H3-1.3-08
	10		Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở	QĐ 142/QĐ -THPTMD, ngày 01 tháng 9 năm	Trường THPT Mông Dương	H21-4.1-08

			vật chất,...	2022		
	11		Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	209-KHTPMD,17/09/2021; 199-KHTPMD,26/09/2022; 217-KHTPMD,18/9/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-10
	12		Các hình ảnh, tư liệu về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học (nếu có)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	ẢNH VỀ AT ANTT PCCC	H10-1.10-13
	13	H22-4.2-01	Các văn bản của nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục	số 212 ngày 17/9/2021; số 209 ngày 17/09/2021; số 213 ngày 17/9/2021; số 228 ngày 06/10/2021; số 250 ngày 01/11/2021; số 264 ngày 21/11/2021;số 266 ngày 23/11/2021;	Trường THPT Mông Dương	
	14	H22-4.2-02	Các văn bản, hình ảnh, tư liệu có liên quan về công tác tham mưu của nhà trường	Số 265 ngày 2/11/2021;số 282 ngày 13/12/2021; số 267 ngày 25/12/2021; Số 08 ngày 12/01/2022; số 58 ngày 31/3/2022; số 34 ngày 22/2/2022; số 30 ngày 17/02/2022; số 56	Trường THPT Mông Dương	

				ngày 30/3/2022; số 79 ngày 15/5/2022; số 121 ngày 27/6/2022;		
	15	H22-4.2-03	Các văn bản của nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển	Số 128 ngày 21/6/2021; Số 214 ngày 21/9/2021; Số 243 ngày 28/10/2021; Số 262 ngày 19/11/2021; Số 286 ngày 16/12/2021; Số 143 ngày 07/9/2021; Số 142 ngày 07/9/2021;	THPT Mông Dương	
	16	H22-4.2-04	Các báo cáo liên quan của chi bộ đảng, của nhà trường, công đoàn và các tổ chức khác trong nhà trường	số 54 ngày 27/7/2023, số 13 ngày 06/02/2023; số 36 ngày 28/02/2022; số 212 ngày 17/09/2021	Trường THPT Mông Dương	
	17	H22-4.2-05	Sổ công tác Đoàn (nếu có)	Năm 2022, 2023, 2024	trường THPT Mông Dương	
	18	H22-4.2-06	Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện	năm 2021-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 5.1	1		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	2		Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H14-2.4-03
	3		Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-05

	4		Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường	2021-2022; 2022-2023 và 2023-2024; Số 171 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2021; Số 225 NQ-HĐT-THPTMD ngày 11.10.2023; Số 01 NQ-HĐT-THPTMD ngày 18.10.2022;	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-06
	5	H23-5.1-01	Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	6	H23-5.1-02	[object Object]	năm 2021- 2022; 2022-2023; 2023-2024	trường THPT Mông Dương	
	7	H23-5.1-03	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, của giáo viên được phê duyệt	10/9/2021;11/9/2021;12/9/2021;12/9/2021;8/9/2021;12/9/2021;4/9/2021;31/8/2021;11/9/2021;27/8/2021;11/9/2021;11/9/2021;1/9/2021;1/9/2021;9/9/2021;6/9/2021;27/8/2021;2/1/2022;4/4/2022;29/8/2021;29/8/2021;29/8/2021;1/9/2021;9/8/2021;7/9/2021;3/10/2021	Trường THPT Mông Dương	
	8	H23-5.1-04	Văn bản, biên bản họp của	Năm học 2021-2022;	Trường THPT	

			các tổ chức trong nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình	2022-2023; 2023-2024	Mông Dương	
	9	H23-5.1-05	Chương trình giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh	17/10/2021; 18/10/2021; năm học 2021-2022	Trường THPT Mông Dương	
	10	H23-5.1-06	Sổ ghi chép nội dung các cuộc họp chuyên môn	năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	11	H23-5.1-07	Bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh	năm học 2021-2022; 2022-202; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	12	H23-5.1-08	Báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm	số 65-19/4/2022; số 82-19/4/2023; 105-20/4/2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 5.2	1		Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-01
	2		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	3		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	4		Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-04
	5		Báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm	số 65-19/4/2022; số 82-19/4/2023; 105-20/4/2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-08

	6	H24-5.2-01	Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	7	H24-5.2-02	Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập		THPTMD	
	8	H24-5.2-03	Báo cáo đánh giá việc học tập và rèn luyện của học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật		THPTMD	
	9	H24-5.2-04	Kết quả thi học sinh giỏi văn hóa, thể thao, văn nghệ cấp huyện, cấp tỉnh		THPT Mông Dương	
	10	H24-5.2-05	Các hình thức khen thưởng dành cho giáo viên, học sinh về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận			
Tiêu chí 5.3	1		Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-01

	2		Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022	THPT Mông Dương	H14-2.4-01
	3		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	4		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	5		Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-04
	6		Báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm	số 65-19/4/2022; số 82-19/4/2023; 105-20/4/2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-08
Tiêu chí 5.4	1		Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-01
	2		Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022	THPT Mông Dương	H14-2.4-01
	3		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	4		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	5		Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-04
	6		Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt	209-KHTPMD,17/09/2021; 199-	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-10

			động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	KHTPMD,26/09/2022; 217-KHTPMD,18/9/2023		
	7	H26-5.4-01	Hồ sơ khảo sát nhu cầu trải nghiệm của học sinh	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	8	H26-5.4-02	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với nhà trường, địa phương	Số 16/KH-THPTMD, ngày 19/01/2022;Số 15-KH/ĐTN, ngày 9/01/2023;Số 13-KH/ĐTN, ngày 12/01/2024; Số 30/KH-THPTMD	Trường THPT Mông Dương	
	9	H26-5.4-03	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp hằng năm	Số 177/KH-THPTMD, ngày 29/08/2021; Số 168/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022; Số 198/KH-THPTMD, ngày 09/09/2023	Trường THPT Mông Dương	
	10	H26-5.4-04	Kế hoạch dạy NPT hằng năm	Số 176/KH-THPTMD, 29/08/2021; Số 166/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022; Số	Trường THPT Mông Dương	
	11	H26-5.4-05	Hình ảnh, tư liệu về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	2021-2022; 2022-2023;2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
	12	H26-5.4-06	Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có số liệu	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	

			minh chứng cụ thể			
Tiêu chí 5.5	1		Các kế hoạch, tài liệu, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của nhà trường đối với các nội dung đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường	SỐ 11/QĐ-THPTMD,05/03/2021	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	H10-1.10-01
	2		Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-01
	3		Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022	THPT Mông Dương	H14-2.4-01
	4		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
	5		Hình ảnh, tư liệu liên quan (khối hành chính-quản trị)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H17-3.3-02
	6		Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với nhà trường, địa phương	Số 16/KH-THPTMD, ngày 19/01/2022;Số 15-KH/ĐTN, ngày 9/01/2023;Số 13-	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-02

				KH/ĐTN, ngày 12/01/2024; Số 30/KH- THPTMD		
	7		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
	8		Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-04
	9		Hình ảnh, tư liệu về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	2021-2022; 2022- 2023;2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4- 05
	10		Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện	năm 2021-2024	Trường THPT Mông Dương	H22-4.2- 06
	11		Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận	Số: 05/QĐ-BTC, ngày 06/1/2023; Số: 270/QĐ-PGDĐT, ngày 18/12/2023; Số: 63/QĐ-THPTMD, ngày 14/04/2022;Số:81/QĐ- THPTMD, ngày 26/04/2023; Số: 103/QĐ-THPTMD, ngày 19/4/2024	Trường THPT Lê Quý Đôn; Phòng GDĐT Cẩm Phả; Trường THPT Mông Dương	H12-2.2- 06
	12		Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	209- KHTPMD,17/09/2021; 199- KHTPMD,26/09/2022; 217-	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-10

				KHTPMD,18/9/2023		
	13	H27-5.5-01	Kế hoạch giáo dục, hoạt động kỹ năng sống	Số 194/KH-THPTMD, 09/9/2021;Số 197/KH-THPTMD, 26/9/2022;Số 186/KH-THPTMD, 04/9/2023;	Trường THPT Mông Dương	
	14	H27-5.5-02	Hình ảnh, tư liệu liên quan về các hoạt động hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	
Tiêu chí 5.6	1		Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H24-5.2-01
	2		Hồ sơ khảo sát nhu cầu trải nghiệm của học sinh	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-01
	3		Kế hoạch giáo dục, hoạt động kỹ năng sống	Số 194/KH-THPTMD, 09/9/2021;Số 197/KH-THPTMD, 26/9/2022;Số 186/KH-THPTMD, 04/9/2023;	Trường THPT Mông Dương	H27-5.5-01
	4		Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H8-1.8-01
	5		Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm	năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-01

		lớp			
6		Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022	THPT Mông Dương	H14-2.4-01
7		[object Object]	năm 2021- 2022; 2022-2023; 2023-2024	trường THPT Mông Dương	H23-5.1-02
8		Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.	Trường THPT Mông Dương	H1-1.1-02
9		Hình ảnh, tư liệu liên quan về các hoạt động hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H27-5.5-02
10		Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập		THPTMD	H24-5.2-02
11		Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với nhà trường, địa phương	Số 16/KH-THPTMD, ngày 19/01/2022; Số 15-KH/ĐTN, ngày 9/01/2023; Số 13-KH/ĐTN, ngày 12/01/2024; Số 30/KH-THPTMD	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-02
12		Sổ chủ nhiệm	năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H5-1.5-02
13		Báo cáo đánh giá việc học tập và rèn luyện của học sinh có hoàn cảnh khó		THPTMD	H24-5.2-03

			khăn, học sinh khuyết tật			
	14		Kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, của giáo viên được phê duyệt	10/9/2021;11/9/2021;12/9/2021;12/9/2021;8/9/2021;12/9/2021;4/9/2021;31/8/2021;11/9/2021;27/8/2021;11/9/2021;11/9/2021;1/9/2021;1/9/2021;9/9/2021;6/9/2021;27/8/2021;2/1/2022;4/4/2022;29/8/2021;29/8/2021;1/9/2021;9/8/2021;7/9/2021;3/10/2021	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-03
	15		Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp hằng năm	Số 177/KH-THPTMD, ngày 29/08/2021; Số 168/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022; Số 198/KH-THPTMD, ngày 09/09/2023	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-03
	16		Kế hoạch dạy NPT hằng năm	Số 176/KH-THPTMD, 29/08/2021; Số 166/KH-THPTMD, ngày 06/09/2022; Số	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-04
	17		Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-04
	18		Văn bản, biên bản họp của	Năm học 2021-2022;	Trường THPT	H23-5.1-

			các tổ chức trong nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình	2022-2023; 2023-2024	Mông Dương	04
	19		Các hình thức khen thưởng dành cho giáo viên, học sinh về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận			H24-5.2-05
	20		Chương trình giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh	17/10/2021; 18/10/2021; năm học 2021-2022	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-05
	21		Hình ảnh, tư liệu về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-05
	22		Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Tổ chuyên môn trường THPT Mông Dương	H4-1.4-05
	23		Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có số liệu minh chứng cụ thể	2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H26-5.4-06
	24		Sổ ghi chép nội dung các cuộc họp chuyên môn	năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-06
	25		Bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh	năm học 2021-2022; 2022-202; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-07
	26		Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm (nếu có)	Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Trường THPT Mông Dương	H8-1.8-07

	27		Báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm	số 65-19/4/2022; số 82-19/4/2023; 105-20/4/2024	Trường THPT Mông Dương	H23-5.1-08
	28		Kế hoạch giáo dục của nhà trường (thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục NGLL ...)	209-KHTPMD,17/09/2021; 199-KHTPMD,26/09/2022; 217-KHTPMD,18/9/2023	Trường THPT Mông Dương	H7-1.7-10
	29	H28-5.6-01	Hình ảnh, tư liệu liên quan về kết quả giáo dục	QĐ 76/QĐ-SGDĐT, ngày 13/1/2022; 1966/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2022; 575/QĐ-SGDĐT ngày 28/5/2024	Sở GD&ĐT Quảng ninh	